

BÁCH KHOA

SỐ 37 — NGÀY 15.7.1958

Trong số này :

- | | |
|-------------------------------------|---|
| NGUYỄN-QUANG-LỆ | Vấn đề tạo vốn trong
hiện tình kinh tế Việt-
Nam. |
| VIỆT-TỬ | Ý Nghĩa của Cần lao. |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | Một quân công của
Trương-Đảng-Quốc. |
| VƯƠNG-HỒNG-SÈN | Thủ chơi chim. |
| DƯƠNG-TUYÊN DÃ-PHU
PHAN-VỌNG-HỨC | } Văn Trình Công
Chu-Vân-An. |
| BÌNH-NGUYỄN-LỘC
và NGUYỄN-NGU-I | } Tiếng địa phương. |
| NGUYỄN-HỮU-NGU | Huỳnh-Thúc-Kháng. |
| ĐỖ-TẤN | Không là thư cuối (thơ). |
| LƯU-NGHI | Những kẻ bán nước. |
| KIM-THU | Bán khoán (thơ). |
| NGUYỄN-NGỌC-QUANG | Bạn đọc viết. |
| VŨ-HẠNH | Tiếng khóc dưới chân
pháo đài. |
| Á-NAM
TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch) | } Nguyệt hạ độc chương
(đường thi). |
| KIỀU-YIÊU (dịch) | Văn Hà (Liêu Trai). |
| VI-HUYỄN-ĐẮC (dịch) | Khói lửa kinh thành. |

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh "*Eau de Vie cũ*" 40° và 50°

— Rượu Tàu "*Lào-Mạnh-Tửu*"

— Rượu Tàu "*Tích-Thọ-Tửu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

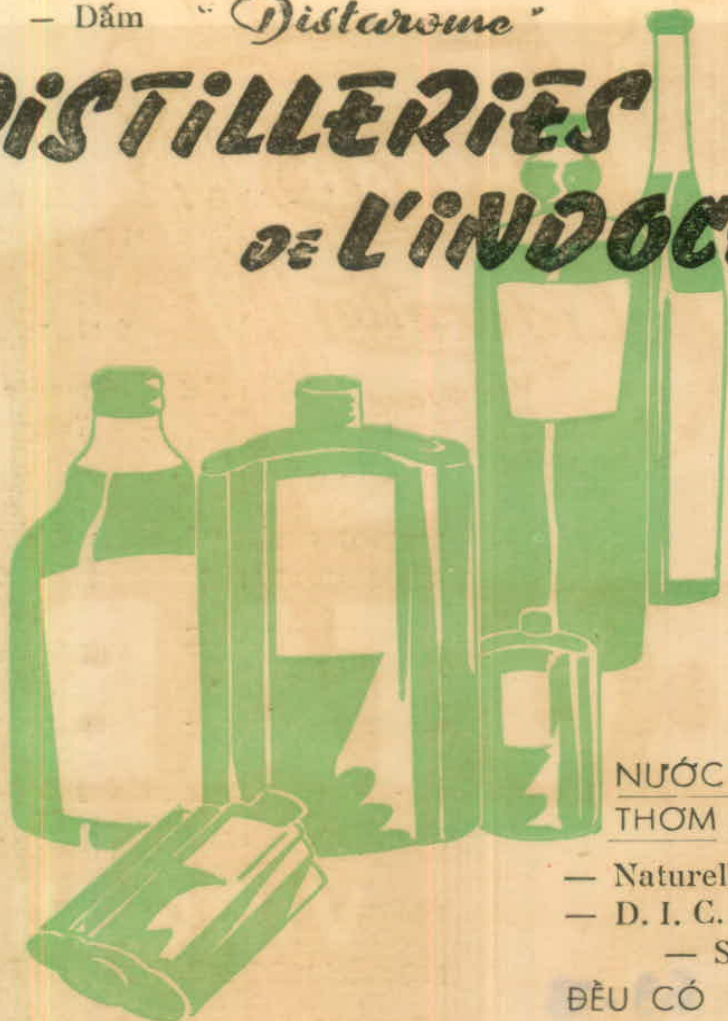
— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm "*Distarome*"

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)

135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ (S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC.4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30
về tới Saigon 19 g 30

} mỗi thứ tư

SAIGON HONG-KONG : mỗi Chúa nhật và thứ Năm

HONG-KONG SAIGON : mỗi thứ Hai và thứ Sáu

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

**Société Indochinoise de Documentations
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON



1

Sống trên đời chẳng có
gì thú vị cả!

Rượu uống không quên sâu!

Cờ bạc? ăn
mày sớm...

Gai đep? đáng sợ lắm!
Thuốc nhien? từ chung thân!

ua!

quên đi, mất!

Còn một cái thú chữ:
đọc **BÁCH KHOA** tạp chí
là yêu đời ngay!

1

[illegible]

BACH KHOA



BACH KHOA

Dr. A. C. Smith, M.D.

出門無所見
春色滿亭前
可歎無知己
高陽一酒徒

BACH
KHOA

Yang X. et al.

1. *Chlorophyll a* (Chl a) is the primary photosynthetic pigment in most plants, algae, and cyanobacteria. It is a green pigment that absorbs light energy in the blue-violet and red-orange regions of the visible spectrum. Chl a is essential for the light-dependent reactions of photosynthesis, where it converts light energy into chemical energy.

2. *Chlorophyll b* (Chl b) is an accessory pigment found in green plants and algae. It is a yellow-green pigment that absorbs light energy in the blue and orange-red regions of the visible spectrum. Chl b transfers the absorbed energy to Chl a for use in photosynthesis.

3. *Carotenoids* are a group of pigments that include carotenes and xanthophylls. They are responsible for the yellow, orange, and red colors seen in autumn foliage. Carotenoids absorb light energy in the blue and green regions of the visible spectrum and transfer the energy to Chl a. They also play a role in protecting the photosynthetic apparatus from damage by excess light energy.

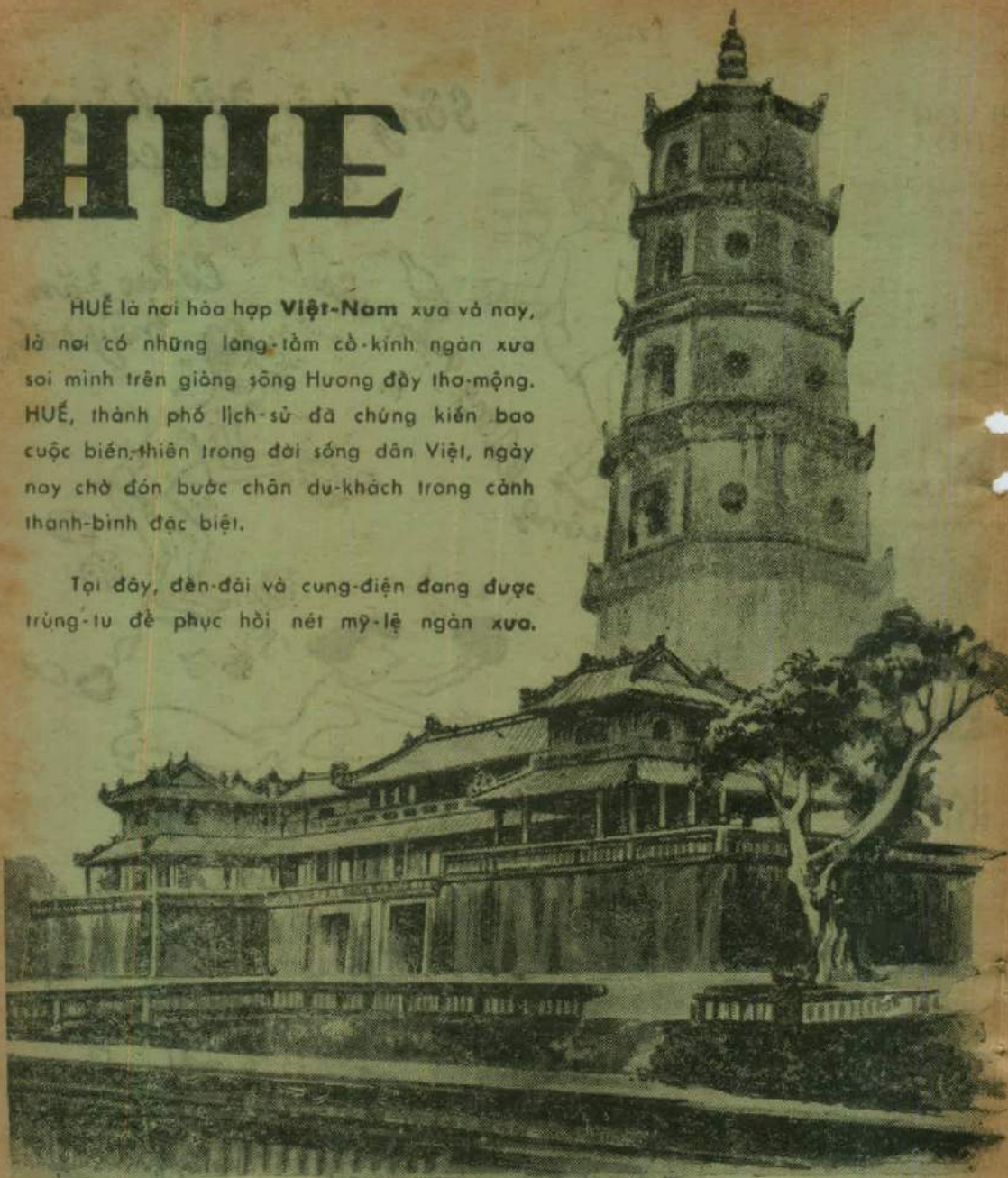
4. *Xanthophylls* are a subclass of carotenoids that are responsible for the yellow and orange colors in autumn foliage. They absorb light energy in the blue and green regions of the visible spectrum and transfer the energy to Chl a. Xanthophylls also play a role in protecting the photosynthetic apparatus from damage by excess light energy.

5. *Anthocyanins* are water-soluble pigments that are responsible for the red, purple, and blue colors in many plants. They are not involved in photosynthesis but can protect plants from damage by excess light energy and oxidative stress.

HUE

HUẾ là nơi hòa hợp **Việt-Nam** xưa và nay, là nơi có những lang-tâm cò-kính ngàn xưa soi mình trên giòng sông Hương đầy thơ-mộng. HUẾ, thành phố lịch-sử đã chứng kiến bao cuộc biến-thiên trong đời sống dân Việt, ngày nay chờ đón bước chân du-khách trong cảnh thanh-bình đặc biệt.

Tại đây, đèn-dài và cung-diện đang được trùng-tu để phục hồi nét mỹ-lệ ngàn xưa.



Đường-sá bị chiến-tranh tàn phá cũng được sửa chữa, để trả lại cho du-khách cái thú du-lịch bằng xe hơi. Và tại đây, cũng như tại khắp nơi khác trên giải đất Việt-Nam, hãng **STANVAC** luôn luôn sẵn-sàng cung-cấp cho du-khách những xăng, dầu mỡ và kỹ-thuật thượng hạng đã được nghiên-cứu kỹ-lưỡng để cho xe chạy vừa êm, vừa tốt.

STANDARD - VACUUM OIL COMPANY

BÁCH-KHOA

Số 37 — Ngày 15-7-1958

NGUYỄN-QUANG-LỆ	Vấn đề tạo vốn trong hiện tình kinh tế Việt-Nam.
VIỆT-TỬ	Ý Nghĩa của Cần lao.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	Một quân công của Trương-Đảng-Quế.
VƯƠNG-HỒNG-SÈN	Thủ chơi chim.
VƯƠNG-TUYỀN DÃ-PHÚ } PHẦN-VỌNG-HỨC }	Văn Trình Công Chu-Văn-An.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC } và NGUYỄN-NGUÍ }	Tiếng địa phương.
NGUYỄN-HỮU-NGU	Huỳnh-Thúc-kháng.
ĐỖ-TẤN	Không là thư cuối (thơ).
LƯU-NGHI	Những kẻ bán nước.
KIM-THU	Băn khoăn (thơ).
NGUYỄN-NGỌC-QUANG	Bạn đọc viết.
VŨ-HẠNH	Tiếng khóc dưới chân pháo đài.
Á-NAM } TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch) }	Nguyệt hạ độc chước (đường thi).
KIỀU-YIÊU (dịch)	Văn Hà (Liêu Trai).
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch).	Khói lửa kinh thành.

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | |
|------------------------|--|
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : Chế độ dân chủ mác-xít. |
| NGUYỄN-VĂN-HÀM | : Nếp sống Đông-Phương. |
| PHAN-SƠN-VŨ | : Phiếm luận bên Hương Trà. |
| PHAN-VỌNG-HỨC | : Tài liệu văn học Việt-Nam. |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | : Miền Đồng Tháp Mười. |
| NGUYỄN-HUY-KHÁNH | : Tìm hiểu truyện Tam-quốc diễn nghĩa. |
| PHẠM-DUY-LÂN | : Thị trường chung Âu-châu. |
| TÂN-FONG-HIỆP | : Bạch-Thái-Bưởi. |
| NGUYỄN-HỮU-NGU | : Tiếng sáo ở Genève. |
| PHÙNG-BÁ-KHANH | : Lược sử về thuốc Bắc. |
| CÔ-LIÊU | : Thế hệ J 3 ở Anh và Pháp. |
| NGUYỄN-TRẦN-HUÂN | : Từ-điền Y-ngữ. |
| NGUYỄN | : Hui-Shen, người phát kiến châu Mỹ. |
| MẠC-LY-CHÂU | : Một người Mẹ (truyện ngắn). |
| LAN-ĐÌNH | : Con đường Vòng (truyện ngắn). |
| KIỀU-YIÊU | : Phấn-Điệp. |
| YÃ HẠC và TRINH-NGUYỄN | : Chuyển xe chót chạy trên đường sắt Mỹtho-Sàigòn. |

THẺ LỆ MUA BẢO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BẢO QUẢN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ xin đề : Tòa soạn BÁCH-KHOA hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề cho : **Ô. Huỳnh-văn-Lang**

BÁCH-KHOA

Số 37 — Ngày 15-7-1958

NGUYỄN-QUANG-LỆ	Vấn đề lao vốn trong hiện tình kinh tế Việt-Nam.
VIỆT-TỬ	Ý Nghĩa của Cần lao.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	Một quân công của Trương- Đảng-Quế.
VƯƠNG-HỒNG-SẼN	Thú chơi chim.
VƯƠNG-TUYỀN DÃ-PHU } PHAN-VỌNG-HÚC }	Văn Trình Công Chu-Văn-An.
BÌNH-NGUYỄN-LỘC } và NGUYỄN-NGUỒN }	Tiếng địa phương.
NGUYỄN-HỮU-NGU	Huỳnh-Thúc-khang.
ĐỖ-TẤN	Không là thư cuối (thơ).
LƯU-NGHI	Những kẻ bán nước.
KIM-THU	Bản khoán (thơ).
NGUYỄN-NGỌC-QUANG	Bạn đọc viết.
VŨ-HẠNH	Tiếng khóc dưới chân pháo đài.
Á-NAM } TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch) }	Nguyệt hạ độc chước (đường thi).
KIỀU-YIỀU (dịch)	Văn Hà (Liêu Trai).
VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch).	Khói lửa kinh thành.

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | | |
|--------------------------|---|---|
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : | <i>Chế độ dân chủ mác-xít.</i> |
| NGUYỄN-VĂN-HÀM | : | <i>Nếp sống Đông-Phương.</i> |
| PHAN-SƠN-VŨ | : | <i>Phiếm luận bên Hương Trà.</i> |
| PHAN-VỌNG-HÚC | : | <i>Tài liệu văn học Việt-Nam.</i> |
| NGUYỄN-THIỆU-LÂU | : | <i>Miền Đồng Tháp Mười.</i> |
| NGUYỄN-HUY-KHÁNH | : | <i>Tìm hiểu truyện Tam-quốc diễn nghĩa.</i> |
| PHẠM-DUY-LÂN | : | <i>Thị trường chung Âu-châu.</i> |
| TÂN-FONG-HIỆP | : | <i>Bạch-Thái-Bưởi.</i> |
| NGUYỄN-HỮU-NGU | : | <i>Tiếng sáo ở Genève.</i> |
| PHÙNG-BÁ-KHANH | : | <i>Lược sử về thuốc Bắc.</i> |
| CÔ-LIÊU | : | <i>Thế hệ J 3 ở Anh và Pháp.</i> |
| NGUYỄN-TRẦN-HUÂN | : | <i>Từ-diễn Y-ngữ.</i> |
| NGUYỄN | : | <i>Hui-Shen, người phát kiến châu Mỹ.</i> |
| MẠC-LY-CHÂU | : | <i>Một người Mẹ (truyện ngắn).</i> |
| LAN-ĐÌNH | : | <i>Con đường Vòng (truyện ngắn).</i> |
| KIỀU-YIÊU | : | <i>Phấn-Điệp.</i> |
| YÃ HẠC và TRINH-NGUYỄN : | | <i>Chuyến xe chót chạy trên đường sắt Mỹtho-Sàigòn.</i> |

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 412-414, đại lộ Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Thư từ xin đề : Tòa soạn BÁCH-KHOA hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề cho : **Ỗ. Huỳnh-văn-Lang**

VẤN-ĐỀ TẠO VỐN

TRONG HIỆN-TÌNH KINH-TẾ VIỆT-NAM

NGUYỄN-QUANG-LỆ

L.T.S. — Chúng tôi nhận được bài sau đây của ó. Nguyễn-Quang-Lệ. Tuy có nhiều chỗ trong bài chúng tôi không hoàn toàn đồng ý với tác giả, chúng tôi cũng đăng tải vì thấy dầu sao tác giả cũng nêu lên được nhiều điểm khiến ta phải suy nghĩ.

NHỮNG nhà kinh tế ngày nay, khi phân tách thời cuộc kinh tế, thường phân biệt nước tiền tiến với nước hậu tiến, kinh tế tiền chiến với kinh tế hậu chiến. Tùy trình độ tiến hóa và tùy giai đoạn, thời cuộc kinh tế mỗi nước phải được nhận thức dưới một nhơn quang khác.

Ở đây chúng tôi bàn đến vấn đề vốn trước hiện tình kinh tế Việt-Nam, nghĩa là một nền kinh tế hậu chiến và hậu tiến. Những nét đại cương của nền kinh tế này cũng mô tả chung tình trạng của phần đông những nước hậu tiến ở Á-Châu mới giành lại độc lập chính trị kể từ khi kết thúc Đại chiến

vừa qua, và không khác chi Việt-Nam, đang phải đương đầu với nhiều nỗi gây cản trên lãnh vực kinh tế. Những tánh cách chung này thường được các phái đoàn chuyên môn quốc tế nhắc đến trong những bản phúc trình gửi đến Liên-Hiệp-Quốc hay đến các cấp lãnh đạo các nước trên.

Tất nhiên, nhược điểm sẽ được phổ bày nhiều hơn ưu điểm. Nhưng ở đây không phổ bày nhược điểm để chỉ trích bằng đặt vấn đề. Trong địa hạt kinh tế, trình bày nhược điểm chính là khởi điểm của mọi xây dựng.

Chúng tôi sẽ tuần tự kiểm lại những khía cạnh của vấn đề vốn, trong nền kinh tế Việt-Nam hiện thời, qua những lãnh vực :

- a) — chính trị,
- b) — dân số và lợi tức quốc gia,
- c) — mặt xã hội
- d) — hiểu biết kỹ thuật,
- e) — tiền tệ, và cách riêng, sự lạm phát,
- f) — mức sản xuất và kế hoạch,
- g) — viện trợ.



Yếu tố đầu tiên ngăn cản mọi tiến triển đại qui mô, mau lẹ và hòa hợp là hiện tình chính trị. Không cần phải thảo luận dài giòng mới minh chứng được rằng tình trạng lãnh thổ cắt đôi và lòng người chưa ổn định là những tai ương đối với nền kinh tế xứ sở, một xứ sở đã kiệt quệ sau 15 năm huyết chiến cùng phong tỏa. Nước Việt ngày nay, sánh với 1938, tuy vinh quang hơn nhờ độc lập thật sự, nhưng cơ cấu kinh tế sót lại chỉ vồn vện như một thân xác còn da bọc xương ; đói rét, bom đạn, và chánh sách « tiêu thổ kháng chiến » đã lấy đi chút nạc và máu nóng dân chúng đã tích trữ được suốt một thời gian 80 năm đô hộ. Hoạt động kinh tế hiện thời ở Việt-Nam Cộng-Hòa không còn lại được 60 % hồi 1939, đường giao thông hư hỏng đến 40 %, thuyền bè may ra dư lại 50 %, ruộng canh tác không quá 55 % (1). Đây là kết quả cụ thể của chiến tranh trên một vài lãnh vực dễ nhận thấy, nhưng còn những kết quả vô hình khốc liệt khác.

Những loạn ly và chinh chiến cũng như hòa bình trong giặc nguội, đã chôn vùi bao nhiêu thiện chí làm ăn và sản xuất, và làm mất những tập quán tốt, về cách sử dụng tiền tệ. Bao giờ cũng vậy, trong một nước nông nghiệp, chiến tranh chỉ tạo ra những trở ngại cho sự bành trướng các xí nghiệp, cho những khuếch trương dài hạn, những đầu tư có kế hoạch vào những ngành hoạt động ích quốc lợi dân. Thêm vào đây, những tổ chức tư đã góp công mật thiết vào sự điều hòa hoạt động kinh tế như những cơ quan tín dụng cổ truyền, các ngân hàng, — Việt-Nam hiện có 10 ngân hàng gồm 3 Việt, 3 Pháp, 2 Anh, 2 Trung-Hoa, — cũng dần dần bỏ rơi đồng què và chỉ quy tụ về thủ đô. Phạm vi hoạt động họ thu hẹp, không những về diện tích mà cả về loại. Hệ thống tín dụng bị lung lạc (2) nên miền thôn quê thiếu vốn khuếch trương mà nhiều khi thiếu cả phương thế độ nhật, thói quen tiết kiệm mất và khả năng tiết kiệm cũng tiêu tan.

Vốn tập trung ở đô thị chỉ được đầu tư ngắn hạn trong một vài ngành

(1) Dựa theo diễn văn Đồng-cam của Tổng-Thống ngày 18-9-55.

(2) Về tín dụng thì ngày trước có các cơ quan bán chính thức (Crédit agricole — Monts de piété — Banque de l'Indochine — Crédit hypothécaire — Société internationale d'Épargne — Crédit colonial), các ngân hàng, và tư nhân cho vay nặng lãi (Trung-Hoa — Chettys — điển chủ).

Đến năm 1932, tại Đông Pháp phần tín dụng tung ra dân chúng và có thể biết đích xác lên đến 356.000.000\$ thời ấy (nhiều tỷ bây giờ) trong số ấy có ngót 2/3 thuộc về Việt-Nam Cộng-Hòa ngày nay.

kinh doanh có lãi nhiều. Đây là ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh.

Ảnh hưởng gián tiếp đối với kinh tế và tài chính thì như trên đã nói, sản xuất kém sút xưa nhiều. Lúa từ 3.710.500 tấn nay còn lại không đầy 2 triệu 9 trăm ngàn tấn (xuất cảng vì đó từ trên 1 000.000T hàng năm, nay không đến 200.000T) sản xuất về đường, bắp, dừa, thuốc, trà, cà phê, dầu đậu nành nhất đều kém xưa. Kỹ nghệ, bao gồm 10 % của hoạt động chung, chỉ nhắm những ngành nào sản xuất cho sự tiêu thụ thường nhật (như rượu bia, thuốc lá, nước đá) và vì dụng cụ thiếu canh tân nên không theo kịp tỷ lệ tăng gia dân số từ 8.000.000 người, hồi 1939, nay đã vọt lên quá 12.000.000 người kể luôn 900.000 di cư (con số về 1955), nghĩa là hơn 50 %. Trong những ngành mới thì tuyệt nhiên ít ai, nhất là ngoại kiều, chịu đầu tư, vì hầu hết dường như mất tin tưởng. Một số ít đã dám mạo hiểm thì phải thất bại chua chát vì thời thế tuy thuận tiện, nhưng giữa dự tính họ và chính sách chính phủ thiếu sự ăn khớp nhau.

Về mặt tài chính, nông gia với mức sản xuất trên trở nên nghèo hơn trước nhiều, mà nông gia tức là 70 % dân số người Việt. Vậy mãi lực kém xưa, người Việt trong các ngành hoạt động khác do đó cũng khó xoay trở, những bế tắc và lúng cúng nối tiếp nhau báo trước một khủng hoảng trầm trọng, không phải thứ khủng hoảng kinh tế nhất thời do thời cuộc làm ăn không thuận gây nên, mà là sự khủng hoảng của cả một cơ cấu kinh tế đang mắc nghẽn nặng do một

áp lực nằm ngoài và trên phạm vi kinh tế. Do đó, không ai còn đầu óc nghĩ đến tiết kiệm để đầu tư, những con số đầu tư biết được hiện thời, vào lối 5 % lợi tức quốc gia, đều do chính quyền mà ra. Một thiểu số có thể tiết kiệm chẳng thì hiện thời mua kim cương và vàng cất tủ sắt, mua chỉ tề trữ ở ngoại quốc, như vậy sự tiết kiệm của hạng người có khả năng này cũng vô dụng đối với kinh tế, không khác hạng người không tiết kiệm, vì đồng tiền dành dụm của họ hiện thời đã tự loại ra ngoài vòng luân chuyển khối tiền tệ.

Sau hết, giới doanh thương mất dần mọi ý nghĩ lạc quan, mất hết tin tưởng vào nền kinh tế xứ sở, trong khi dân chúng cũng không còn tin nhiệm và bắt đầu hoài nghi mọi sự.



Lợi tức quốc gia và dân số là một điểm khác đáng cho chúng ta lưu tâm cách riêng.

Về năm 1955, lợi tức Quốc gia do Ngân-hàng Quốc-gia nghiên cứu là 61.829 triệu đồng V.N. Chia cho dân số 12.261.000 người, lợi tức của mỗi người Việt trị giá 144 Mỹ kim, hay là 5.043\$ V.N. Một việc duy trì số 144 Mỹ kim (3) cho người dân tương lai đã đủ làm nát óc nhà đương cuộc, chớ chưa nói đến việc tăng lợi tức lên cho kịp các bạn bè láng giềng

(3) Tính theo giá chánh thức một Mỹ kim = 35\$. Trên thực tế thì một Mỹ kim phải ăn quăng 70\$. Vậy số lợi tức 144 M.K. ở trên quá với sự thật.

(4), vì dân số Việt-Nam hàng năm tăng lên với những chỉ số 1,2 đến 1,5, có người nói đến chỉ số 2,0, tức là đồng 193.915 người mỗi năm (chỉ số 1,5). Năm 1960, dân số sẽ lên 13.180.575 người tức là thêm 7,5%. Liệu các kế hoạch có thể nâng lợi tức thật sự lên 2% mỗi năm, 10% trong 5 năm chẳng? Có như vậy thì lợi tức mới thật không bị giảm, phần lợi tức thặng thu 2,5% (10% — 7,5%) dùng để cạnh tân phần vốn quốc gia bị hao mòn trong 5 năm.

Một yếu điểm khác về mặt lợi tức. Vì như đã có lần nói đến, 70 % dân chúng là tiểu nông, lợi tức thật sự còn kém hơn con số 5.043\$ V.N. nữa. (N.H.Q.G. nói đến số 4.000\$), như thế không thể bàn đến một chính sách huy động tiền tiết kiệm của đại chúng Việt-Nam để làm vốn gia tăng lợi tức, vì sống với 4.000\$ một năm là sống dưới những nhu cầu tối thiểu, không thể có tiết kiệm.

Xét cách phân loại tuổi ở Việt-Nam, thì những gánh nặng của lớp tráng đinh ở Việt-Nam cũng quả là nhiều vào bậc nhất trên thế giới, và đây cũng là một yếu tố ngăn cản sự phát triển kinh tế hiện thời. Vì thiếu một sự nghiên cứu đầy đủ, chúng tôi tạm lấy dân số 2 xã Khánh-Hung và Phước-Tâm của tỉnh Ba-Xuyên và 2 xã Bình-Chánh và Phước-Thành của tỉnh Biên-Hòa làm thí dụ. Tình hình dân số trong 4 xã trên cho ta biết :

— Khánh-Hung = 17.907 người trong
ấy có 8.757 trẻ em dưới 15 tuổi.

— Phước-Tâm = 5.582 người trong
ấy có 3.066 trẻ em dưới 15 tuổi.

— Bình-Chánh = 1.050 người trong
ấy có 598 trẻ em dưới 15 tuổi.

— Phước-Thành = 1.734 người trong
ấy có 785 trẻ em dưới 15 tuổi.

Như vậy, tỷ lệ trẻ em trên tổng số dân là 48 % — 54 % — 48 % — 45 %. Tỷ lệ trung bình của 4 xã trên là 48 % và như thế mà nghiệm ra ra thì tại Việt-Nam, đồ đồng một người lớn cả nam lẫn nữ, và kể cả những người sắp xuống lỗ, phải làm việc nuôi một trẻ em. Gánh nặng ấy rất kinh khủng, khi chúng ta so sánh với tình trạng ở Huế-kỳ hay Gia-nã-đại là một nước nổi tiếng đông con nít, trẻ em dưới 15 tuổi chỉ gồm từ 24 đến 30 % dân số. Vì lớp hậu sinh cần cấp dưỡng quá đông đảo nên lợi tức quốc gia khó mà dư dật để bồi bổ vốn và sinh sản ra những vật dụng mới hầu nâng cao mức sống dân chúng và tạo lập những điều kiện cho một nếp sống dễ thở hơn.



Trên phương diện xã hội, dân chúng không hề được giáo dục để giao dịch với các tổ chức lý tài chuyên môn như ngân hàng, quỹ tiết kiệm. Vì vậy, không những họ thiếu tập quán mà lại còn lo ngại mỗi khi lâm thời phải nhờ đến

(4) Để tiện so sánh, xin liệt kê lợi tức người dân trong một vài nước :

— Phi luật Tân = 181,6 Mỹkim Úc = 1.369 M.K.
— Nhật = 215,7 — Mỹ = 1.952,9 —
— Mã Lai = 246,9 —
— Tây Đức = 682,2 —
— Pháp = 829,6 —

Trái lại, dân Thái-lan, Ấn-độ, Miến-điện thua chúng ta.

dịch vụ ngân hàng chẳng hạn. Trong những ngân hàng mà mục đích chính là giữ tiền ký thác của dân chúng, người ta đã biết rõ rằng chưa tại nước nào ở Á-Châu có một số tiền ký thác dân chúng vượt quá một phần ba số giấy bạc lưu thông. Đây là bằng chứng rằng nhân dân chưa tín nhiệm đủ vào các ngân hàng. Tình trạng trên rất bất lợi cho quốc gia, vì không điều động nổi khối tiền tiết kiệm tư nhân, khiến cho trong nhiều trường hợp, chúng ta gặp phải cảnh tượng vô lý này là một phần dân chúng thất nghiệp và hao mòn vì thiếu cơ sở làm ăn, trong khi một số vốn có thể xây dựng những cơ sở trên được vùi sâu dưới đất, mà chính quyền cũng không làm gì để khuyến khích thói quen tiết kiệm của dân và phát triển khả năng này.



Thêm vào đây một sự hiểu biết về lý tài rất mập mờ ở giới lãnh đạo, trong khi giới doanh thương V.N. cũng chưa thành thạo với kỹ thuật là bao nhiêu. Nhiều vụ kiện buồn cười vừa xảy ra giữa người hùn vốn và người đứng ra khuếch trương cũng là do lúc ban đầu ai cũng khinh thường và quan niệm rằng điều khiển một xí nghiệp không khó mấy may. Đến khi biết nhận thức sự khó và thận trọng thì việc đã rồi, vốn liếng mất mà danh thơm cũng đi đời. Đối với tâm lý quần chúng, những tan vỡ ấy gieo cho họ cái ý thức rằng lớp doanh thương mới làm ăn không đứng đắn hoặc bất tài, nên thay vì cứu trợ các xí nghiệp trên, họ đều thờ ơ, và đây là một lý do lớn khác của sự khủng hoảng kinh tế hiện thời. Những người có chút

khả năng nhờ có học cao, trước những thất bại ấy cũng đâm ra e dè và thoái thác mọi chức vụ có trách nhiệm.

Lý do sâu xa của tình trạng trên có lẽ là vì dân Việt từ trước vốn chuyên về nghề nông, còn kinh tế thì giao phó hoàn toàn cho nhóm ngoại kiều có tổ chức Pháp và Trung Hoa. Chính quyền cũng như dân, thường nuôi cái tiềm ý rằng kinh tế không phải là phạm vi của dân tộc mình. Ngày trước, vốn liếng họ không hề trao cho ngoại kiều khai thác, họ không có tập tục hùn hạp, lập hội để kinh doanh. Nay bỗng nhiên một số lớn ngoại kiều thôi hoạt động, thì cho đâu có một số nhỏ có chút ít tiền của có thể đem ra đầu tư để sinh lợi, họ cũng lưỡng lự lắm khi phải chọn lựa một chủ xí nghiệp có khả năng và đáng tín nhiệm. Vì nói đến xí nghiệp người Việt thì thiên hạ nghĩ ngay đến luộm thuộm, bất chấp nghiên cứu, vô kế hoạch (5).



Bây giờ thử bàn đến vấn đề lạm phát và ảnh hưởng nạn lạm phát.

Tất cả các nước ở Châu Á vừa mới phục hưng độc lập đều làm nạn lạm phát, tuy nguyên do không giống nhau, và hậu quả của lạm phát trên nền kinh tế, trên phương diện tiết kiệm, trên sự đầu tư cũng khác nhau. Riêng phần Việt-Nam, có thể biết chắc rằng đồng bạc hiện thời

(5) Hiện nay những xí nghiệp quan trọng vẫn còn nằm trong tay ngoại kiều. Một vài hãng V.N. làm ăn có vẻ phát đạt là cũng nhờ ở chuyên viên ngoại quốc và vốn ngoại kiều nâng đỡ phía sau.

VẤN ĐỀ TẠO VỐN TRONG HIỆN TÌNH KINH TẾ VIỆT-NAM

đã mất ngót ba lần trị giá của nó cách đây 6 năm. Tức là một người hồi 1952 có cái gia tài 100.000\$, nay chỉ còn một mõi lực là 33.000\$ so với thời ấy.

Lạm phát làm cho hướng chiều dân chúng mua vàng tích trữ thêm mãnh liệt, mà cũng làm cho số ít người còn tham vọng kinh doanh chỉ muốn đầu cơ dễ có lãi nhiều, — lãi có nhiều mới bù kịp nhịp đồng tiền mất giá. — Còn hạng người xưa có chút tiết kiệm nay sạt nghiệp, hạng sống bằng hưu liễm nay chết dở. Cuối cùng không còn ai tiết kiệm, không còn ai muốn kinh doanh đang hoàng, và chính phủ đã dùng đến lạm phát để huy động nền kinh tế thì như mắc phải cạm bẫy, bởi lạm phát này thường kêu gọi lạm phát khác. Một vài chính phủ cho rằng lạm phát tuy bất công, nhưng đã làm tăng lợi tức của đa số dân chúng là nông dân. Dầu có như thế cũng chưa đủ để phát triển vốn trong nước, bởi lẽ bản nông thường vốn là hạng người ít tiết kiệm, một phần bởi lợi tức dồi dào hơn chưa hẳn cho họ đủ sống một nếp sống vừa phải và phần khác, họ thiếu tập quán để dành tiền như đã nói. Như vậy lợi tức giai cấp kia có thêm, lợi tức quốc gia do đó có tăng, nhưng vốn quốc gia không vì đó mà tăng gia, trong khi quốc gia phải giải quyết thêm một số nhu cầu do mức sống bản nông cao hơn đã đặt ra, và cách riêng phải giải quyết sự nuôi thêm một số bao tử sẽ ra chào đời. Ngày trước, về vấn đề tăng lợi tức bản nông, giới trí thức Nam kỳ cũng đã có dịp bàn luận sôi nổi về điểm này và đã kết luận rằng sự gia tăng dân số sẽ nhất thiết song

hành phát triển với lợi tức. — nhờ sự khai khẩn đất hoang mà thêm, — và vì vậy nhà cầm quyền không thể dựa vào đây để hi vọng vào một sự tự động đóng góp của bản nông vào vốn quốc gia.

Và cuối cùng trong khi sự lạm phát không giải quyết một gây cần nào thì trái lại, quốc gia phải đương đầu với nạn ngoại kiều, nản chí vì lạm phát, ngày đêm chỉ nghĩ đến việc dời vốn ra ngoài.



So sánh mức sản xuất nông phẩm và kỹ nghệ hiện thời với hồi tiền chiến là một phương tiện khác để nhận thức thời cuộc. Bởi sự cách biệt quả là to tát giữa mức sản xuất bây giờ và ngày trước. Trước chiến tranh, dân số 8.000.000 người trên lãnh thổ của V.N.C.H. bây giờ, sản xuất 30 % nông phẩm nhiều hơn ngày nay với một số dân đã đông hơn 50 %, chưa kể rằng hiện nay chi phí của thành phủ về an ninh (40 % ngân sách) và giáo dục chính trị tăng gấp mấy mươi lần ngày trước và 2 ngành này làm động lại hết một phần quan trọng nhân công trong nước. Mặt khác bởi xuất cảng kém (vì kém sản xuất) mà nhu cầu tăng. (dân số — mức sống) và nhập cảng nhiều, và cùng một lúc ấy dịch vụ phải trả cho ngoại quốc về những hoạt động chuyên môn như ngân hàng, bảo hiểm, về tàu bè chuyên chở, về du lịch phí, du học phí, chuyên viên phí, chi tiêu chính phủ, cùng những khoản phải trả cho ngoại quốc để thanh toán huê lợi và tiền lời cổ phần, sự hao mòn dụng cụ của ngoại kiều tại V.N.C.H.,

các khoản ấy không bớt mà có bề tăng đối với xưa vì chúng ta chưa đủ trang bị để thay thế cơ cấu xưa : cán cân chi phí V.N. chỉ thắng bằng một cách giả tạo, vì nhờ có chỉ tệ của ngoại quốc viện trợ đóng góp đến 60 %.

Nói cách khác thì người dân Việt hiện sống trên ngót gấp đôi khả năng thật sự của nước, bởi vì dân số thêm mà sản xuất sút xưa đến 40 %, và một phần lớn hơn xưa trong số dân chúng tráng kiện không có trực tiếp góp phần vào sự mở mang kinh tế, trong số này gồm quân nhân và, trong một phần lớn, những thương gia đủ kiểu đang sống bám vào dân và chiếm hết 35 % lợi tức quốc gia.

Nhưng ngoại viện trong khi giúp quốc gia giữ mức sinh hoạt xưa thì lại làm cho nền kinh tế kém uyển chuyển, mặc cho sự thịnh vượng một lối giả tạo, và khiến cho nhà cầm quyền dễ lầm lẫn khi phải phân tách sự thê lương.



Làm sao để chấn hưng kinh tế ? Nước nào cũng đã có những kế hoạch thi hành trong nhiều năm, riêng Việt-Nam đã thảo luận một kế hoạch ngũ niên, theo lệ áp dụng kể từ 1956, với mục

đích nâng lợi tức quốc gia lên 3% mỗi năm (15% trong 5 năm) nâng sự đầu tư vượt khỏi tỷ lệ hiện thời là 5% đến 7% lợi tức quốc gia, (6) gia tăng sản xuất trong mọi ngành nhất là những ngành còn khả năng rộng rãi như đánh cá biển (phải thêm 70%), mở mang những kỹ nghệ nhẹ mà sản phẩm đỡ cho nước nhà phải dùng chỉ tệ mua ở ngoại quốc, sau nữa tận dụng nhân lực tại Việt-Nam bằng tạo việc làm cho 2% dân thất nghiệp (100.000 người) trong số dân tráng kiện (42% dân số) hiện nay, và cho 300.000 tráng đinh mới.

Nhưng để thực hiện một kế hoạch lớn lao cần phải có tiền. Trung bình thì để kế hoạch thật có kết quả, các chuyên viên quốc tế thường đưa ra tỷ lệ 10% lợi tức quốc gia để đầu tư, chứ không phải tỷ lệ 7% như của ta, mặc dầu tỷ lệ này đã là khá cao. Trong số 10% ấy, một phần lớn phải là chỉ tệ để nhập cảng dụng cụ và nguyên liệu kỹ nghệ. Dưới đây, là một vài con số trong các nước láng giềng Việt-Nam đã chỉ tiêu cho mỗi người dân với thành phần bằng chỉ tệ thật sự :

Chương trình phát triển kinh tế 1951 - 1957 trong vài nước Á-Châu
(theo Plan Colombo tính) (chỉ tiêu cho mỗi công dân)

Các nước	Dân số	Chỉ tiêu cho mỗi người	Thành phần nhu cầu chỉ tệ	Tổng số chỉ tiêu so với lợi tức quốc gia
Ấn độ	347.300.000	1,53US\$ (trị giá)	17%	3%
Hồi quốc	82.200.000	0,92 —	42%	2,6
Tích lan	7.300.000	3,99 —	39%	10,0
Mã lai	6.100.000	6,11 —	18%	4,0
Bornéo	900.000	3,99 —	21%	4,0

(6) Trung bình 7% mỗi năm, chia ra 20 tỷ dành cho những trang bị mới và 10 tỷ dành cho sự thay thế T.B. hao mòn trong 5 năm. Như thế T.B. hiện thời phỏng độ 250 tỷ sẽ lên 270 tỷ.

VẤN ĐỀ TẠO VỐN TRONG HIỆN TÌNH KINH TẾ VIỆT-NAM

Vậy đồ đồng đề đúng với nhu cầu thật, có lẽ phải chi tiêu cho mỗi người Việt-Nam 14 Mỹ kim trong đó có 4 Mỹ kim bằng chỉ tệ. Đây là đầu tư chính phủ. Tư nhân phải đầu tư riêng thêm độ 2 % lợi tức quốc gia nữa (7).

Bởi vậy, vấn đề ngoại viện đặt ra một cách cấp bách. Đề kiếm 10 % lợi tức quốc gia là một việc khó, — Kế hoạch chúng ta nói đến 70% và đã cho là khó, chưa kể trong số ấy chính phủ chỉ dự tính đóng góp chưa đầy một nửa, — kiếm cho được 4 % bằng chỉ tệ lại càng khó, vì nước ta là một nước đã nghèo lại hậu tiến.

Ngoại viện có 2 thể thức : có thể là :

a) cho đứt hoặc tiền hoặc vật dụng và chính phủ đổi vật dụng với dân để lấy tiền dùng vào đầu tư ;

b) có thể cho vay dài hạn, và một khi nhờ kế hoạch mà chính phủ thu được thêm huê lợi thì sẽ trả lại dần.

Còn nếu không có ngoại viện ? thì các nước nhược tiểu chỉ còn cách :

a) không thực hiện kế hoạch, hay thực hiện chỉ một phần lấy lệ,

b) vẫn thực hiện hoàn toàn kế hoạch,

nhưng phải thu hẹp mức sinh hoạt dân chúng, bắt dân bớt chi tiêu,

c) hoặc dùng đến lạm phát để kiếm vốn đầu tư. Lẽ tất nhiên hậu quả cuối cùng biện pháp này cũng là thu hẹp mức sinh hoạt.

Ài cũng thấy cả 3 giải pháp chốt này đều là những giải pháp tuyệt vọng, đại nguy trong mọi địa hạt chánh trị, kinh tế và xã hội. Và để thực hiện cũng cần nhiều điều kiện khó khăn khác, nhất là cần đến nhiều biện pháp cứng rắn có thể đưa đến những hậu quả tai hại nếu không nghiên cứu kỹ lưỡng.

Nói tóm lại, trong giai đoạn này, vốn ngoại quốc và viện trợ có lẽ là vấn đề then chốt hiện thời trong sự thực hiện kế hoạch các nước hậu tiến. Ngoại bang có sẵn sàng giúp chúng ta không điều kiện và viện trợ không ần ý chẳng, đây là một vấn đề khác, lệ thuộc nhiều yếu tố mới, và một phần cũng còn tùy ở chí bất khuất của toàn dân.

NGUYỄN-QUANG-LÊ

(7) Theo Ông Colin Clark thì tại Trung-hoa, tiết kiệm tư nhân có thể độ 3 % L.T.Q.C., tại Ấn-độ 6 % L.T.Q.C. Trong khi ấy thì nhu cầu thật sự về mặt này ở 2 nước ấy cũng độ 6 % — đến 12 % thì mới có quân bình giữa sự tăng gia đầu tư và tăng dân số.

Danh ngôn, danh lý

NGHỆ THUẬT LÀM THỦ LÃNH

TẠI SAO CẦN CÓ THỦ LÃNH ?

★ KHÔNG có thủ lãnh thì tất sinh ra hỗn loạn, mà hỗn loạn thì chỉ phá hoại chứ không kiến thiết bao giờ.



Ý NGHĨA CỦA CẦN LAO

(Phác họa theo điêu khắc phàm của Constantin Meunier đặt tại Monument au Travail ở Bruxelles).

VIỆT-TỬ

Cần lao không phải là một sự ngẫu nhiên trong cuộc sống của nhân loại.

Trong nhân sinh quan, nó có một chỗ nhất định. Và có một giá trị thật.

Vì, không phải như người xưa làm tướng, Cần lao không phải là một số phận hẩm hiu, ai rơi vào đấy, phải cố tìm đề ra cho chóng, tựa hồ trốn thoát một cảnh huống nhục nhã.

Người ta đã có thể cho rằng làm việc chỉ là sa đọa của con người. Vì thế, phải tìm trút cả cho kẻ khác; và ai phải bó buộc làm việc, người ấy như mất hết phẩm tính người. Trong thế giới xưa, hạng tôi đòi, — hạng người sinh ra cốt để làm việc cho chủ ấy — không được xem như có nhân tính, không thuộc về giống người.

Quan niệm của thời đại hiện nay khác quan niệm trường giả ấy của ngày xưa. Nay, người ta đã có thể biết rõ giá trị của Cần lao. Có khi khá lớn tiếng. Theo quan điểm mới này, Cần lao là biện pháp giải quyết vấn đề kinh tế, vấn đề xã hội, là dụng cụ của tiến bộ nhân loại, là giá trị cấu tạo phong phú, xây dựng hạnh phúc trần gian. Do thế, Cần lao là chúa, là tuyệt đối, có hết mọi quyền lợi.

Nhưng, nếu quan niệm này là đúng, làm sao ở thâm tâm con người, vẫn không tránh khỏi được một cảm tưởng e dè và ngờ vực đối với Cần lao? Nếu làm lung là lẽ sống của nhân loại, là hạnh phúc, phẩm giá và là cao cả của con người, thì sao con người lại còn cảm thấy đầy nghi kỵ đối với làm lung. Nếu Cần lao là quý trọng, sao phải cần lao lại còn bị vướng nhiều mặc cảm? Cuối cùng, Cần lao có giá trị và... không, và tuy vẫn nhận định luật của Cần lao, nhân loại lại mong một thời đại khác, một thể lệ khác, tươi sáng và quân bình hơn, — trong đó sẽ không có... Cần lao.

Phải chăng, đây là một phi lý? một phi lý nữa giữa bao phi lý của cuộc đời, dồn loài người vào thế bị tắc?

Chính thế... Và cái phi lý còn gia tăng khi ta nói rộng ý niệm cần lao ra, cho nó ôm choàng những bình diện mới. Nghĩa là ngoài cái làm lung bằng « tay chân », hãy hiểu gồm cả cái công việc « lý trí ». Như thế, từ trên xuống dưới thang các giai cấp xã hội, qua hết mọi tuổi tác, bất phân địa vị nghèo sang.

Vì thật ra, không phải chỉ có thủ công mới là Cần lao, hoặc chỉ có công việc của người cần phải làm để sinh sống hoặc công việc của người « lớn ». Theo ý cậu bé học sinh, thì công việc của cậu cũng là « công việc » đấy chứ; — và đã thấy những nhà tư tưởng lỗi lạc chỉ chực vứt bút, đổi nghề và đi... trồng su!

Làm sao lại có các phản động ấy, nếu làm việc là sự tự nhiên, ăn khớp vào định mệnh nhân loại?...

Và như quá mức phi lý: còn có cái thất bại trong công việc. Đã hơn một lần ta kinh nghiệm mùi vị chua chát của thứ phi lý ấy, ở nơi ta hoặc ở nơi người khác. Thiếu cố gắng chăng? — Không... Thiếu chuyên tâm? — Cũng không. Thế nhưng không đạt kết quả, hoặc kết quả bất cập với công lao.

Tại sao lại như thế, tại sao
 « nghìn công linh không hẹn cái thành công,
 bao tâm lao đổ xuống chỉ tương đồng
 với Thất bại đầy hi sinh buồn bã... » ?

Nên chỉ còn có nhận lấy thực tại, và cố tìm hiểu cái lý thâm sâu của nó. Tìm hiểu ý hướng của nó. Vì thực tại không thể phi lý được, và không thể Cần lao lại không có ý nghĩa ! Các tia sáng thu góp được sẽ giúp trí lòng bớt khắc khoải, và khả dĩ mạnh dạn tiến trên đường nhiệm vụ.



Trước tiên, ta có thể nhận thấy làm lụng không có gì là phản nghịch nhân cách. Trái lại, nó thuộc vào đường lối của bản tính ta, — như đã thấy nói rồi, — Vì sao ? Vì nó thực hiện, thỏa mãn các quan năng của ta. Cần lao là sử dụng các quan năng : tay chân, thể xác, trí lòng..., đưa chúng đến cứu cánh viên mãn của chúng.

Hơn nữa, làm việc là điều kiện để giữ thể quán bình trong cuộc sống. Có làm việc, nhân loại mới có cơ để khỏi điên, — ở cả hai bình diện thể lý và luân lý ! Không tin, ta thử kiểm điểm lấy kinh nghiệm riêng. Ai kia đã nói : nếu nhân loại không phải làm việc, tôi chắc chắc số người tự tử sẽ không đếm được. Lý luận rất dễ : khi một nhu cầu căn bản, với một sức thúc bách cứ đòi chồm lên, nếu bị kiềm hãm mãi và không có một lối thoát, tức sẽ bùng nổ.

Thứ đến, không phải hành động luôn là đau khổ. Tôi tưởng không thể nhận cách tuyệt đối các phương trình này : hành động ; = cố gắng = đau khổ ; nên hành động = đau khổ. Hành động, vài khi là một thú vui vượt hạng, một nguồn hạnh phúc khôn tả. Nó chỉ là đau khổ khi đi ngược những nhu cầu và khuynh hướng ta, khi mang tính cách bó buộc cưỡng ép. Thuận theo đường lối của mình, ta sẽ yêu làm việc, làm đến kỳ cùng. Một môn học, chẳng hạn lý học, lúc ở nhà trường, nó chỉ là món nợ vô duyên. Nhưng lại thấy những người, khi về già, có thể mãi miết vui đầu vào lý học, giải trí bằng các công thức khó khan, trừu tượng kia.

Nói cách khác, ta thấy cần lao không phải chỉ do lý nhu cầu vật chất thúc bách ; mà như do một bản phận linh thiêng nào bên trong chỉ phối.

Do thế, Cần lao phổ cập cho hết mọi người. Bạn đừng tưởng trong trường hợp những người mà Thần Tài ưu đãi, làm việc sẽ chỉ là một môn giải trí phụ thêm nữa thôi, và với đa số, Cần lao vẫn là nặng nhọc. Không, Cần lao chẳng hóa ra khác vì anh giàu, tôi nghèo; hoặc vì tôi làm việc tay chân và anh phát minh tư tưởng. Các cực nhọc vẫn là nợ chung, và sự đau đớn ghi sâu vào tay chân rã rời hoặc khuôn diện hốc hác. Loài người chẳng bao giờ trút bỏ được gánh nặng nhọc của Cần lao, cho dầu rất khéo tổ chức công việc. Người ta chỉ có thể giảm bớt đi được phần nào thôi, phần các nhọc mệt dư thừa vì vụng đường xử sự.

Vì thế, vì cái bi nhiệm nặng dai ấy mà diễn giải của ta phải cố đi sâu vào lõi của hiện tượng. Mấy giòng sau đây sẽ tìm giải thích hai điểm này :

1) Vì sao phải làm lụng ;

2) Tại sao lại có sự cực nhọc trong làm lụng.

Vì sao phải làm việc ? hay nói cách khác đi, giá trị Cần lao là gì ?

Làm lụng, tuy cực nhọc thật, nhưng vẫn mang dấu hiệu của cao cả. Chỉ vì hành động, con người có cơ đạt đến những chân trời vô biên. Ta khác con vật ở chỗ hành động, ta diễn bày cái ý thức và tự do ta. Con vật bị đóng khung trong linh tính độc nhất của nó, trái lại, hành động ta bao hàm vô số hình thức và sắc thái vô biên. Công việc ta có ám ba vượt dài trong thời gian, lan rộng trong không gian. Do thế mà ta nổi dài đời ta.

Cần lao còn cao quý vì giúp hoàn thành vũ trụ này. Vì khi đã thực hiện đầy đủ được nhân vị linh thiêng của ta, ta sẽ nên hữu ích và đắc lực. Ta sẽ có thể biến đổi mặt đất, vũ trụ quanh ta. Quả đất đang công ta, nhưng ta sẽ uốn dần nó, theo ý kiến và mong muốn của ta. Ta sẽ cho nó một bộ mặt khác, một thần trí khác. Nghĩa là chính thần trí của ta chiếu ngời. Lý tưởng trọng vọng đó, nhân loại đã dần nhau, tiếp nối nhau, góp sức từ hàng thế kỷ để thực hiện và đang thực hiện. Bằng tay chân, bằng tâm não, kỹ thuật và tư tưởng.

Nên mới thấy huy hoàng của thế giới ngày nay !

Nếu mặt đất bị bóc lột hết mọi vết tích của Cần lao, nhân loại không biết nó sẽ ra vắng lạnh, buồn tẻ thế nào ? Hoang phế của cõi chết...

Nhưng Cần lao còn cao quý vì một tước hiệu khác. Nó cho phép ta lên địa vị những người hợp tác với Hóa công để tác tạo vũ trụ. Ta tác tạo nghĩa là ta nhận lấy sứ mệnh hoàn bị hóa công cuộc của Tạo hóa, đưa nó lên dần đến trình độ nảy nở, hoàn thành mà

nó cần đạt đến. Có lẽ tư tưởng ấy ít được chú ý, — nhất là dưới ảnh hưởng của một ý thức hệ vật chất, chỉ biết có con người với những vấn đề thuần túy nhân loại, — trong khi đó là một vinh dự vô song. Nhớ đến vinh dự ấy, cuộc Cần lao của ta sẽ mang một động lực khác, có những sắc thái khác.



Vì sao lại có khó nhọc? có chần ngán trong sự làm lụng?

Một phân biệt nền tảng cần biết trước khi giải quyết, tức là phân biệt cái khó nhọc chung cho tất cả mọi hành động của con người, — hậu quả do sự cố gắng gây nên, — và cái mệt nhọc tùy từng do chỗ thiếu tổ chức hoặc vụng về. Phân biệt quan hệ, vì nếu loài người phải cố sức để làm giảm bớt, hủy bỏ cái mệt nhọc thứ hai, thì thứ mệt nhọc trước kia vượt quá sức ta. Đối với nó, chỉ còn có chịu đựng, lãnh nhận.

Trong hoàn cảnh này, có người sẽ mơ tưởng một hoàng kim đại nào, trong đó loài người sẽ chẳng phải làm lữ làm lụng. Trong khi vẫn có dư tràn hạnh phúc! Một thời đại trong đó Ất nằm gốc cây, và sung chín sẽ rụng vào mồm Ất! Cảnh thế giới « chảy tràn mật ong và sữa » theo kiểu ấy không có. Ngay cả trong Vườn Diệu Quang của lý thuyết Công giáo, tiền tổ loài người đã phải làm việc...

Nên, hãy một lần nhận định dứt khoát: Cần lao không phải là một vấn đề ngẫu nhiên. Nó cũng không phải là một sự nguyên rủa nào đè nặng trên loài người vì tội lỗi.

Nhưng có người sẽ thắc mắc. Trong tín lý của Công giáo đã chẳng thấy nói Chúa luận phạt loài người phải vượt mồ hôi trán mới có cái để ăn sao?

— Ân phạt ấy chỉ có nghĩa từ nay, Cần lao sẽ khoác lại tình cách nặng nhọc mà trước kia, — trước hồi sa sầy, — Nguyên tổ loài người đã được miễn khỏi cách ngoài lệ thường.

Thông thường thì Cần lao phải nhọc nhằn. Vì nói Cần lao tức nói đến sự vận dụng thể xác, quan năng. Nhưng quan năng, thể lý, thể xác hữu hạn, tất phải hao mòn và không thể vượt một mức nào nhất định. Ý thức cái hao mòn ấy gây đau đớn. Đau đớn càng gia tăng khi cái hao mòn càng vượt quá mức giới hạn, hoặc nữa khi công việc đi ngược hẳn với khuynh hướng, đi ngược với sự thỏa thuận của ý chí tự do. Trong trường hợp thuận đường với

sở thích, không do ngoại lực cưỡng ép thì niềm vui do kết quả đem lại có thể làm giảm bớt, bù lại, làm cho quên hẳn sự mệt nhọc kia.

Nên, Cần lao nhọc mệt không hẳn vì đi ngược với bản tính tự nhiên của con người. Trong Thiên Chúa giáo, lao nhọc đã được xem như một hình phạt, chỉ vì loài người đã đánh mất một ân huệ trước kia tạo hóa đã đại lượng ban cho mà không đòi hỏi phải trả lại cái gì. Ân ấy cũng giống như ân được trường tồn bất tử, ân không biết đau đớn, ân tỉnh thức tự nhiên... Chỉ vì, theo luật thông thường, hề đã có phối hợp tức phải có ly tán, đã có cảm xúc tức phải xúc cảm, đã ngu muội tức phải cần học hỏi.

Đến đây có người sẽ bất mãn nổi giận: Sao Tạo hóa lại có thể ác nghiệt đến thế, bắt kiếp người phạm phải gian truân khổ sở?... Tôi đồng ý, nhưng chỉ ở chỗ nhận xét sự kiện. Tôi đồng ý nhận thức: hiện thời, kiếp con người làm than. Sự vật, trong trạng huống hiện nay, nếu chỉ nhìn ở một khía cạnh nào đó, — sự vật thật không thể chịu đựng được. Nó hư hỏng, quá ác và trở trêu, có một mùi vị của hư vô nào như bốc ra nồng nặc...

Cái nặng nhọc của lao công chỉ là một hình thức của khối đau đớn vô biên nhân loại.

Nhưng tin tưởng, tôi sẽ tiếp liền: mùi vị hư vô ấy không thể là lẽ của thực tại được. Thực tại không thể xấu ngay từ đầu. Không thể hư hỏng đến thâm căn. Người công giáo cho ác chỉ do một nguồn gốc sinh ra: tội.

Tội gây ra đau đớn, ngu dốt, chết chóc, lam lũ, thất bại, kể cả cái thất bại trong sự làm việc.

Thế lối thoát nằm ở đâu? Chỉ có thể ở trong lòng tin tưởng. Tin rằng trong cục diện hiện tại, Cần lao sẽ chỉ mãi là như thế, nặng nhọc và chán ngán, « cuộc sống ban cho không phải như một ngày lễ, nhưng là một ngày cần lao »... Tuy rằng trần gian đã được tái tạo, tu bổ, đã được « thực hồi », nhưng ân huệ được khỏi đau khổ, khỏi thất bại trong đời sống không được hoàn trả. Như thế, để nhân loại có thể góp phần vào công việc xây đắp quán bình linh thiêng cũ. Nhưng hơn nữa, để nhân loại có thể lên cao hơn. Vì từ nay, bằng cái ý thức và với tự do, con người sẽ chọn lối của hi sinh để sống viên mãn định mệnh của mình. Cao cả càng quý giá khi sự lựa chọn phải thực hiện trong nước mắt ấy còn nở qua một nụ cười...

VIỆT-TỬ

MỘT QUÂN CÔNG CỦA
TRƯƠNG - ĐĂNG - QUẾ

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Tháng hai, năm Ất Sửu (1865) tức là năm thứ mười tám triều vua Tự-Đức, Tuy thành quận công tri sĩ Trương-đăng-Quế mất.

Vua Tự-Đức bãi triều ba ngày, tặng hàm Thái sư, cấp thêm tiền lụa, sai đem rượu thượng phương và bài thơ chép ở Thi sơ tập tới nhà ban tế dựng bia ở phần mộ, khắc mười một chữ: « Lương triều cổ mạng lương thần, Trương-văn-Lương chỉ mộ. » (Thụy hiệu Trương-đăng-Quế là Văn-Lương). Ngải truyền chỉ chờ hết tang sẽ tuần nhời Tiên để cho tâng tự Thế miếu.

Trương-đăng-Quế là ai mà tước lên đến Quận công và được tâng tự tại Thế miếu ?

Bài nhỏ này, căn cứ vào sử liệu trong bộ Quốc triều chánh biên nhắc lại một quân công của Trương-đăng-Quế, vào năm 1836, cách đây 122 năm.

Ấy là sự dẹp giặc Lê-duy-Hiền ở miền thượng du Thanh-hóa. Lê-duy-Hiền là con cháu nhà Lê nổi lên chống lại nhà Nguyễn. Nhưng, xét xa ra, đây là cuộc khởi loạn của người Mường, Thái, căn cứ vào miền núi, lấy chế độ phong kiến địa phương là chế độ quan lang chống lại với sự tập trung chính quyền của Triều đình.

Quân công của Trương-đăng-Quế như thế nào, trong việc dẹp loạn yên dân này ? Tôi xin kể ra sau đây.

Sử chép rằng vào năm *Bính-thân* (1836), tháng Chạp, Ngài (vua Minh-Mạng) cho *Cơ mật viện đại thần Trương-dăng-Quế* sung *kinh lược* sứ tỉnh Thanh-hóa.

Ngài cho *Doãn-Uân* và *Nguyễn-dăng-Giải* sung chức phó sứ.

Ngài lại truyền dụ tỉnh Hà-tĩnh lượng phái một vệ lính tỉnh tùy theo sai phái.



Sở dĩ có việc này là dân *Mường-Thái* ở Thanh-hóa nổi lên chống lại *Triều đình*.

Tháng mười năm *Bính-thân* 1836, ở châu *Quan-hóa*, tỉnh Thanh-hóa, dân *Mường-Thái* nổi loạn.

Nguyên có một người là *Lê-Duy-Hiền*, con cháu nhà *Lê*, trốn ở miền núi *Ninh-bình*. Miền núi này là miền của các quan lang *mường*. Có quan lang họ *Quách*, là *Quách-tất-Công* và *Quách-tất-Tại* và có lẽ còn nhiều quan lang khác tôn phò *Lê-duy-Hiền* lên làm minh chủ.

Có người ở tỉnh *Bắc-ninh* là *Hoàng-đồng-Nguyệt* dẫn *Lê-duy-Hiền* vào làng *Sơn âm*, thuộc miền *Chi nê* bây giờ, là nơi căn cứ để khởi nghĩa.

Lê-duy-Hiền xưng là *Đại Lê Hoàng thân hiền công*.

Lê-duy-Hiền đúc ấn, đặt quan, mật dụ những thổ ti, thổ mục ở châu *Quan-hóa*, *Cầm-thủy*, *Lang-chánh* thuộc về tỉnh Thanh-hóa hẹn kỳ khởi nghĩa.

Lê-duy-Hiền lại khiến *Quách-phúc-Thành*, *Đinh-kim-Bằng* đi xui người xứ *Ái-chữ* là *Phạm-công-Nho*, người *Cồ-lũng* là *Hà-công-Kim*, người *Hồi-xuân* là *Phạm-bá-Nho* đem đồ đảng hơn 500 người đến động *Hồi-Xuân* giết *Tri-Châu* là *Tô-Danh-Cần* bỏ thầy xuống sông.

Vậy đây là một cuộc khởi loạn quan trọng của *Lê-Duy-Hiền*, con cháu nhà *Lê*, chống lại nhà *Nguyễn*. Sự khởi loạn này căn cứ ở miền núi tỉnh Thanh-hóa, *Ninh-bình* và dựa vào dân *Mường-Thái*. Ta cũng vì lẽ đó mà nói được rằng đây là cuộc nổi loạn của dân *Mường-Thái* chống lại người *Kinh*, đem *Lê-Duy-Hiền* ra làm chính nghĩa.

Vua *Minh-Mạng* bèn cho *Tạ-Quang-Cự* làm *kinh lược* đại sứ đạo *Ninh-bình* có *Hà-Duy-Phiên* làm *Tham tán*.



Bây giờ là việc *Triều đình* dẹp loạn. Sự đánh dẹp này khó khăn lắm.

Tướng giặc là *Hà-Công-Kim* *Đinh-Kim-Bằng* hợp với *Phạm-Thúc-Liêm* tụ chúng hơn một ngàn người từ châu *Lang-chánh* kéo xuống hai huyện *Thụy-nguyên* bắt giết tri châu *Lang-chánh* là *Hồ-Tổ-Thiện*.

Lãnh binh Thanh-hóa là *Nguyễn-Văn-Kỳ* đóng ở *Ái-chữ* bị giặc là *Phạm-Công-Nho* tới vây. Sử chép là « Quân ta chết và bị thương nhiều lắm ».

Vậy thế giặc mạnh lắm. *Tạ-Quang-Cự* hoạt động dẹp giặc yên dân ở miền núi đạo *Ninh-bình*. Vua *Minh-Mạng* phải cử *Cơ-Mật-Viện* đại thần *Trương-Đăng-Quế* làm kinh lược đại sứ lĩnh *Thanh-hóa*. *Doãn-Uân* và *Nguyễn-Đăng-Giai* sung chức phó sứ.

Bây giờ nếu ta theo rồi những sự biến chuyển của chiến sự thời ta sẽ phải đi vào nhiều chi tiết. Ta chỉ nên biết một cách đại khái là *Trương-Đăng-Quế* đóng quân ở *Long-chánh*. Một mặt dẹp giặc, một mặt yên dân, chia quân đóng giữ các nơi hiểm yếu. Đồng thời *Tạ-quang-Cự* tấn công giặc ở *Ninh-bình*.

Vào tháng ba năm *Đinh-dậu* (1837) tình hình về phía *Triều đình* đã có vẻ khả quan.

Tướng giặc *Phạm - công - Nho* bị bắt, đóng cũi đem về kinh. Vợ con hai tên giặc *Quách-tất-Công*, *Quách-*

tất-Tại cũng bị bắt. *Phạm - bá - Nho* bị bắn chết, bỏ đầu vào thùng phát đem về kinh. Rồi chính *Lê-duy-Hiền* và *Hoàng-dồng-Nguyệt* cũng bị bắt. *Hoàng-dồng-Nguyệt* cắn lưỡi tự tử.



Rồi *Trương-đăng-Quế* về kinh. *Tạ-quang-Cự* cũng thu quân về. Đó là vào giữa năm *Đinh-dậu*.

Nói tóm lại, dân *Mường Thái* mạn *Ninh-bình*, *Thanh-hóa* đã suy tôn *Lê - duy - Hiền* lên làm minh chúa để nổi giặc chống lại *Nhà Nguyễn*. Sự nội loạn này kéo dài đến bảy tám tháng. *Triều đình* đã phải vất vả. Lịch sử ghi tên *Tạ-quang Cự* và thứ nhất là *Trương-đăng-Quế* trong sự dẹp loạn yên dân này.

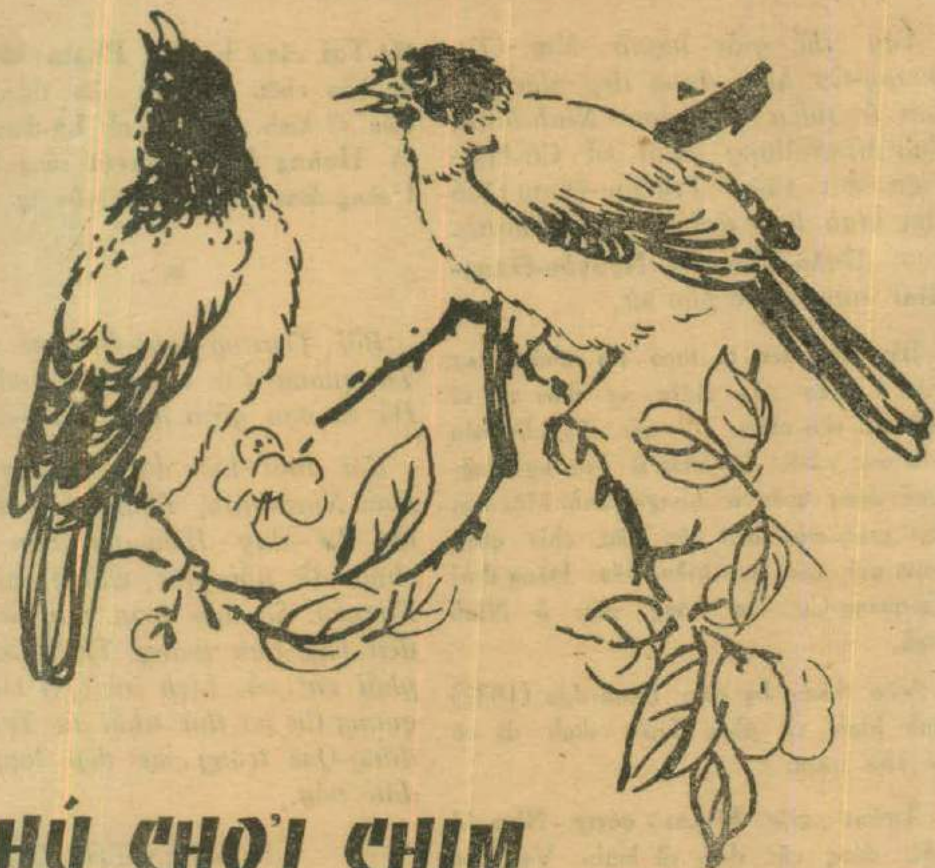
NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Chỉ bực « chí thành » mới giáo hóa được

Sau bực chí thành, là hạng cong queo. Hạng cong queo có thể tu tập để trở nên thành. Và khi đã trở nên thành thì cái thành ấy tất hình ra ngoài. Đã hình ra ngoài thì tất rõ; đã rõ thì tất sáng, đã sáng thì tất cảm động (được người và vật); đã cảm động được thì tất biến cải được; đã biến cải được thì tất giáo hóa được. Trong thiên hạ, duy chỉ có bực chí thành mới giáo hóa được mà thôi.

TRUNG-DUNG

★ MỘT hội nghị để kiểm sát thì tốt, để hành động thì không được thích đáng bao giờ (Maurois).



THÚ CHƠI CHIM

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

NGUỒI mình có tánh thích chơi chim.

Tôi góp nhóp được những tài liệu này, kinh nghiệm có và nghe thấy có, nay xin chép ra đây, nhờ người cao học dạy biểu thêm.

Nuôi kéc.— Không mấy ai nuôi lồng : kéc có mỏ rất bén, lồng sắt thép, chắc đến bậc nào, kéc gặm cắn thét cũng phải hư.

Nuôi kéc, người chủ xích căng nó vào một nhánh gỗ cứng, uốn hình vòng

nguyệt, trên có móc sắt nhỏ để tiện treo trên mái trên trần nhà, gọi cảnh « chim đứng trong cung trăng » ; hoặc nữa làm thành giá, kệ có nấc thang, có chon đứng vững vàng tiện bề muốn dời chỗ nào tùy thích.

Bị xích giò vào xiềng bạc, kẽm, hay xiềng xi-kên, kéc đánh đu trên hành, lần qua lần lại cũng nội bao nhiêu đó. Ly tiết mắc vòng, mấy cơn giận giúi đã qua, gặm không khờn, cắn chẳng hấn, kéc duy còn nuốt hận, sản nước lú, sản bấp chuối nguyên trái, tha hồ học

ăn học nói. Có con nuôi lâu, nhái hệt giọng người lớn trong nhà. Quên mình điều thú, lên mặt « song tàn », mắng tố quở trẻ em ôm tôi : ai lạ mới vào nhà, thoát nghe tiếng trách phạt oai nghiêm tưởng chừng làm giọng người quen !

Nhưng nhái được tiếng người, có khi kéc chết cũng vì biết nói. Có sách kể chuyện một con kéc thông thái, biết đủ điều. Ngày kia, kéc nhảy nhót thế nào, thoát làm ngã cây đèn dầu vào mình. Dầu bắt cháy lông, kéc la thất thanh, hét « Bớ Ông, bớ Bà », rồi « Bớ Bà, bớ Ông ». Người trong nhà quen lệ nhàm tai, không một ai để ý, cũng không một ai tiếp cứu. Tội nghiệp, đến chừng nhận được sự thật, thì kéc đã rô ti !

Có hàm ý gì chẳng, cái câu :

« *Chiều chiều bắt kéc nhỏ lông,*

« *Kéc kêu bớ Tự, sao mầy bắt non* ».

Kéc chia ra nhiều thứ lớn nhỏ, màu sắc khác nhau, khi gọi anh vũ khi cũng gọi « con keo, con vẹt », nhưng tiếng « kéc » là thông dụng nhất.

Đừng lầm với « kéc », chữ này không có trong tự điển Huỳnh-Tĩnh-Cửa, nhưng trong bộ Génibrel, thấy chưa :

« *Mồng kéc* » : espèce de canard sauvage.



Phương Tây, bên Nhứt-Bản và xứ Mông-Cò, nuôi chim ưng để đi săn thú. Thợ săn, cò tay hay bả vai thường đeo miếng da dày để chim ưng đậu khỏi rách thịt.



Bên Trung-Hoa, Nhứt-Bản, nuôi cồng cộc, nuôi cò, tập cho lặn hụp dưới nước, bắt cá bắt tôm ; bắt được mới lại phải đem lên ghe thuyền nạp cho chủ, — muốn nuốt trộm cũng nuốt không vô, — vì nơi cò, thằng chủ ác đức đã đeo sẵn một vòng băng cây, chặn ngoèn : làm việc có công, mần cuộc, chủ thưởng cho vài con cá uơn, — cho con nào hay con nấy, tâm thần nô lệ : chim trời bắt cá biển nuôi người đời. Bên xứ ta, chưa thấy ai bắt chước nuôi giống chim để làm nghề bắt cá như vậy.



Nuôi nhồng, nuôi sành, nuôi sáo sành, sáo nghệ, sáo trâu, thì sẫm lông tre trúc xinh xinh, lông sắt sơn son, lông thép thau có đậu bông bắt chỉ ngộ nghĩnh. Những loại chim này lưỡi mềm, khéo học được tiếng người. Đôi ba tháng, lưỡi nó dờ đi, vì có một lớp da khô đóng mo ngoài chót, lưỡi không mềm mỏng như ngày thường : những lúc như vậy, chim biếng nói biếng ăn. Phải lột lưỡi, lấy móng tay khều kỹ lưỡng cho tróc lớp da cứng ấy đi, đoạn gỡ nhẹ nhẹ lấy được cái vảy mảy thì trong vài ngày lưỡi hết ê, chim lành mạnh lú lo dò dò như xưa...

Thật vậy, có nuôi chim mới biết thương chim. Ban trưa giờ vắng, có con giò, nhái hệt giọng người, kêu lãnh lót « chà khoai », « xe kéo », báo hại mấy chị bán hàng vô ý cất gánh chạy không không, nhất là, — việc này xảy ra trên mười năm về trước, — mấy chú kéo xe kéo già ngồi ghiền ngáp gió dưới gốc

cây, tiếng đầu thê thê bên tai, tưởng chừng bắt được mỗi xộp, giật mình xách gọng chạy bỏ càng, chừng biết mình lầm tay con linh điều, bộ mặt bí xị, trông thật buồn cười. Khi tôi còn thơ ấu, nhà ở chợ Sóc-trăng, ngoài hàng ba, cha tôi có nuôi con nhồng núi, lông mượt sẫm đen huyền. Trưa trưa, những cất tiếng nhấc chừng gọi tôi đi học. Văn kêu tên xách khoe y hết như giọng gia nghiêm không khác. Bấy giờ tóc đã bạc màu, mà mấy tiếng nhồng kêu : « Bớ S... », « Bớ S... » còn văng vẳng bên tai như mới ngày nào.

Nhồng, sảnh, sáo nuôi lâu năm, chủ vừa mến vừa thương, có lẽ còn mến thương hơn trẻ nhà, — thì chim lại chết, công phu nuôi nấng còn lại không đầy một nắm lông xương ! Đương nháy nhót hát rân, chim thoát nín nghẹn đứng dờ rỗi té xuống đáy lồng, hai cánh đưa lên trời, hai cánh đập bạch bạch, giấy tê tê ngáp gió. Mấy lúc như vậy, chủ nuôi hay kịp, cứ bắt chim ra vạch mỏ thồi vài hơi người vào họng chim, đoạn vuốt ve kéo giò sè cánh, tiếp hơi cho chim y như phương pháp cứu người chết ngộp. Một đôi khi may ra chim bắt hơi lướt khỏi cơn xung bệnh, sống lại được. Chớ cũng chưa có ông danh sư nào tài ba chần mạch khui toa cứu chim kịp lần nào ! Bằng như rủi ro, chim chết, thì đồ thừa chim « trúng gió », « chim ngộ độc », chim « đau bụng », chim nhớ núi nhớ rừng, rẻ hơn nữa như lời mẹ bù trẻ, « chim tới số » ! hoặc khoa học hơn nữa như lời ông nào đây rằng « chim chết vì lâu ngày ở trong lồng tù túng, không được tự do như lúc còn trên rừng, ăn đủ sinh tố lực » có

sẵn bên mình. Buồn đi một lúc lâu, rồi sẵn lòng quen thói, người chủ gặp dịp khác sắm chim mới, tiếp tục nuôi nữa. Muốn nói đó là thú phong lưu chơi chim, hay là nói mắc nợ đời làm mọi cho chim, nói sao tùy ý người ngoại cuộc.

Không kể bọn bói bài, bọn phù thủy nuôi quạ, nuôi chim ụt chim mèo, áo đà, manh manh, đại kéo bài rút thẻ, dễ dễ đánh mạnh vào óc non của người mê tín.



Nuôi chim chia vôi, thì phải dày công săn bắt bò cào, châu chấu, đào đất lượm trùng cho ăn. Thậm chí người nhà mua được miếng thịt ngon, — của không đủ mèo ngủi, — mà cũng lén lút theo bớt lên vài miếng cung cấp cho con chia vôi yêu thích. (1) Ở tiệm thuốc Bắc, người Tàu vẽ duyên có bán một loại sâu nhỏ phơi khô, màu đỏ đỏ, cần bán từng chỉ từng lượng kỹ càng, giá rất đắt mỏ, mà thứ sâu này, tôi quên tên, nhưng lại tiệm hỏi thì họ biết liền. Nuôi giống chim như loại chia vôi lâu lâu cho ăn thứ sâu này thì chim mau sung sức, mập mạnh, tốt lông tốt cánh. Trong lồng, sắm một mùng vừa đựng nước, làm bề cạn chờ cơn nóng nực chim rủa lông ; sắm một mẻ cát khô chu đáo cho chim giốn cát, có nước tắm có cát vui lông, tha hồ chim

(1). — Nhớ câu :

« Chim quên xuống đất ăn trùng,
« Anh hùng lỗ vận, lên rừng đốt than. »

và câu :

« Chim chia vôi bay ngang đám thuốc,
« Cá bả trâu, lội tuốt mương cau. »

sung sức. Chủ nhà sớm khuya nhọc nhằn với chim còn hơn cung phụng người trong thân, chờ khi chim khỏe mập, bộ tịch chăm hãm, thì chủ xách lồng, hội hiệp bọn đồng điệu chơi chim với nhau, cấp độ con chim nhà với con chim khác chủ, con chim Việt-Nam nuôi với con chim Ba Tàu luyện tập, bày trò cho nó đá chọi với nhau, hơn thua bằng những cuộc giỡn tiền, mê mệt không kém đá cá thia thia, đấu kê hay là độ bác.

Có người lại nuôi cun cú, là giống chim nhỏ bé bằng nắm tay mà gan lỳ còn hơn gan Triệu-Tử.

Người thì nuôi chim trích, người nuôi quốc quốc, le le, nuôi quen cho ở chung lộn với vịt gà, trẻ nhỏ lại gần nó rượt cắn, và chiều chiều nó biết lừa vịt vô chuồng thấy nên thương.

Tục ví « nuôi như nuôi cun cú » độ chừng đoán biết cách săn sóc tăng tiu tỷ mỹ đến bậc nào !

Người thì nuôi cu đất, cu cườm : con nào gáy « cu cu » là gáy tiếng thường, con nào gáy tiếng ba : « Rục cu cu », có con gáy đến bốn tiếng, năm tiếng : « Rục cu cu... cu... cu », « Rục cu cu, cu cu... cu » những con ấy là bạc là vàng, chủ nuôi hãnh mặt khoe mình có của lạ của quý : « Con chim nhà tôi, nó gáy có hậu ghê ! »

Có con lại gáy lặp đi lặp lại nghe ngộ lắm :

« Rục cu cu, Rục cu cu... cu » ; kẻ tục nói đó là chim cà lăm ; người thanh gọi đó là con linh điều. Mấy con chim như vậy là món nợ đời trong gia đình.

Con trẻ rui động tới là bị đòn nức thịt ; vợ nhà rui ro làm sầy thì còn sợ hơn mất vàng mất ngọc. Xưa có tích thằng nuôi gà chọi bị trời trồng cũng tại nó rước đánh mẹ nó vì đã nhận tội thể nằng dàu lờ tay liệng khúc củi làm chết con gà cưng. Nuôi cu cũng thế.

Viết tới đây tôi bỗng nhớ anh cựu Hương-Chủ Trần-Ngọc L... người làng Hòa-Tú (Sóc-trăng). Năm 1946, — cái năm đại tàn cư đó mà, — năm ấy tôi lìa tò ăm, bỏ chợ búa chạy vô ruộng quê, nương náu nhà anh Hương Chủ. Đến chừng có lệnh « triệt đề tàn cư », trong nhà anh T.N.L. anh em tay gói tay xách, gồng gánh đem đồ quý xuống thuyền, tính cuộc đại viễn du. Khi ấy, anh chủ L... yòn vẹn không động móng tay, chờ đến giờ ghe thuyền lui bến, anh tay xách lục cu (1) tay xách siêu đao chém chệ oai nghi bước xuống ghe. Chúng tôi nhạo anh là ngông, anh cười chúng tôi là còn bận bịu mắc nợ đời, còn phàm trần, còn thương tiếc của tiền, chưa thoát tục, không được như anh vút bỏ hết sự sản, thông dong rảnh tay rảnh nợ, nhẹ nhàng hồn trí mặc tình tấu nhựt, chơi chim, thi hành triệt đề câu « cầm hạc tiêu đao » !

Cũng năm ấy, trong lúc bình bồng tản cư giữa trời và nước, ngày Mồng Một Tết không mời cũng đến, một cái Tết vong hương, không pháo, không lân, không dất cậm nêu. Thuyền chúng tôi cậm sào đậu

(1) Chú thích sơ sót của trường 6. — Lồng nuôi cu có tên riêng là cái lục, vì lồng che lá xanh (lục) chung quanh nhái cảnh cây rậm giữa rừng. — Lục cu nhỏ bé vừa mình con chim cu chớ không lớn rộng như các lồng chim khác.

Vàm Sông Lớn gọi Vàm Cỏ-Cỏ Người người tuy xa nhà xa tổ ấm, không hẹn mà như một, ai ai cũng lo giỗ quây ông bà đậm bạc trên thuyền, cho đỡ tủi. Duênh ngàn bạc phận, có chút vậy mà an ủi vô cùng... Riêng anh Chủ L., thông dong tự toại, ai mặc ai, sáng bưng tung anh xách lục lên bờ mất dạng. Đứng ngơ, cơm dọn ra mà anh chủ thuyền vẫn không có mặt thì anh em cũng khó mà cần nữa. Thêm nỗi, giờ ấy là giờ người đàn Thồ lộng hành. Đàng xa xa thấy dạng các con người đen thui đen thui ấy đang đốt nhà và đang lừa bắt người mình, nên càng thêm thót ruột. Chúng tôi đề nghị nhờ cậu trai con anh Chủ lên bờ thăm cha, đề mời anh xuống cho kịp lui bến. Vô tận bụi cây xanh giữa rừng, thấy anh Chủ đang nằm khoanh tằm, nhíp đùi, núp dưới bóng mát, ca nhỏ nhỏ bài « Thanh niên hành khúc » :

« Này thanh niên ơi ! ! ! chúng ta đến ngày giải phóng, ... »

Trong lục, cu nhà bo-bo kêu rút tới...

Cu rừng ban đầu « nhát dạn » sau lại từ nhánh cao dạn lặn, đáp xuống nhánh thấp, định chừng không còn mấy chốc nữa là sa lưới...

Anh Chủ L. đánh trống ngực và cao hứng đến tột... Giữa lúc ấy, « sứ giả », con trai anh Chủ, phàn bụng đói phẫn mắng lo sợ « giặc đàn Thồ cắp đường (1) đã tới bên trôn, nên không cần thận, không kè giờ linh thiêng. Đứa nhỏ bước mạnh, cu rừng giật mình cất cánh xa bay, cu nhà nghe động, mất trôn cũng thôi bo. Anh Chủ L. phùng phùng chối dậy, không kè phụ tử tình thâm, xáng đứa con mảy tát tá hóa hào quang.

Anh Chủ bỏ bữa cơm, tiếp tục dần xếp dọn lớp lại, nhưng cu rừng « động ồ » đã biệt tâm mất dạng.

Báo hại chúng tôi ăn Tết ly hương mất hứng !

Mé gát cu đến nước ấy là cùng ! (2)
Kính khùng vì nạn người Thồ tàn ác,

(1).— Cáp : tiếng Miên, có nghĩa là chém là chặt đầu.

Duông : tiếng Miên đề gọi người Việt (đặt do chữ « Vương » trong danh từ « An-Nam quốc-vương » mà ra. V.h.S.

(2).— Nhớ câu : « Ở đời có bốn cái ngu :
« Làm mai, lãnh nợ, gát cu, cầm châu ».

Làm mai, lãnh nợ, chóng bị quên ơn, có oán thì có...

Cầm châu thì ít ai vừa lòng, trên sân khấu cũng như dưới hàng khán giả.

Gát cu : câu chuyện như trên đủ biện minh. V.h.S.



tác oai tác phúc, không biết giờ phút nào theo kịp thuyền mình, hồi hộp cho một người bạn còn trên bờ rồi sẽ ra sao đây... rồi lại đến đồ đèn, chim gù rất cò rồi nín, anh Chủ xách lục xuống ghe, đến chừng nghe anh em thuật chuyện lại mới nhìn nhận một mình anh làm cả thuyền nao nao cũng vì một con chim giá không hơn hai hào bạc !

Nghĩ tới giống chim cu mà ngán. Quen lồng quen lục, mê ba hột lúa vè vàng thơm nhựa, mà sát hại giống nòi không tiếc tiếng gáy tiếng gù. Chủ đem ra rừng bụi lựa chỗ êm thắm, che túp lá xanh già cảnh lâm sơn, ngoài lục đánh cò phăng phiêu rồi gài lưới trên thả cỏ non, mảnh lưới tra thêm sợi nhợ dài, anh chủ chim lỏi ra ngoài xa ngồi núp bóng chờ thời... Trong lục, mặc tình « cu gù, cu gáy, cu bo », chim rừng nghe tiếng chim lạ đến xâm chiếm địa hạt của mình, sẵn tánh ghét tiếng gáy, mà cũng quen thói cậy tài ý sức không kiêng dè, từ trên cao quên mình phóng xuống mổ cắn chim nhà. Mảng say cuộc tranh giành, quên đề phòng, anh chủ chim chờ cơ hội thuận tiện, giựt sợi dây mà chim chưa hay, hai tấm lưới sập liền theo tay, ô hô, còn gì là tự do phóng khoáng !

Bắt được chim về, con nào tốt sẫm thêm lục mới, tập dượt chờ ngày dờ lại trò cốt nhục tương tàn. Con nào xấu, tha hồ nhậu nhẹt.

Tục còn câu « cứng như cứng cu cu » nhiều nghĩa, bằng có ai muốn thấu đáo, xin tìm anh Hương Chủ cự làng Hòa-Tú dạy cho !

Người khác nuôi chim *họa my*, sẫm lông thật cao, dưới đáy thả cát nhuyễn,

mỗi lần chim hót, cất cánh bay lên tận nóc rồi phùng xòe rơi mình sập sập xoay tròn lú lo lãnh lút, ai nghe ai thấy cũng mê !

Nhưng công phu và thanh nhã hơn hết là nuôi chim bạch yến.

Tiếng rằng yến bạch mà lông có nhiều sắc : con màu trắng gọi « bạch » đã đành, con lông vàng dợt cũng là bạch yến, người nào gọi « hoàng yến » hay « kim tước » lại cho là cầu kỳ. Thử dò tự điển Đào-Duy-Anh tra sơ thì thấy :

Serín, canari, serin d'or : hoàng yến hay kim tước ;

Jaune serin : màu vàng chim bạch yến, vàng lợt.

Jaune queue de serin : vàng hơi đậm.

Seriner : cách tập chim bạch yến hót bằng *serinette*.

Serinette : hộp nhạc để tập chim hót,... (Do đây biết được người phương tây dạy chim từ câu hát chớ không như người mình « biết nuôi mà không biết luyện tập » là thường lẽ.)

Tóm lại, bạch yến và hoàng yến đều là giống chim sanh sẵn từ quần đảo Canaries ở Đại-Tây-Dương, người Tàu đem qua bán trước tiên và nay người mình gây giống cũng nhiều,

Còn một thứ chim bạch yến, lông pha vài sọc đen, định cho là giống chim lai lâu đời, vì khi ở ngoài trời có thể bị chim loại khác làm đều ô nhục.

Tục truyền muốn có chim hót hay nên lựa giống mình thon dài, đầu đẹp

đẹp, chớ giống mình tròn núc na, đầu to như đầu se se thì ít con hát giỏi.

Đừng lộn với chim oanh, hay hoành oanh (loriot), màu vàng anh, cũng biết hát và vẫn có danh với câu bắt hủ :

« Con oanh học nói trên nhành mìa mai (K.V.K) »

Đến như chim bạch yến nuôi lâu đã biết hát, có người còn cầu kỳ lập dị, kén cho được chim « tốt lông tốt bộ », đứng hát cách nào mới phải điệu, đầu cắt xéo làm sao, cánh nghiêng nghiêng như thế nào mới là đẹp, hát tiếng dài, tiếng vắn, lên bổng xuống trầm ra sao mới trúng cách, hát cụt ngắn thì hoặc là con chim chưa biết hát, con chim không có hậu, hoặc đó là diêm chủ chim sắp suy tàn !

Nhưng chim hay mặc chim, đừng hờ hững sơ sẩy gặp mèo thì khốn.

Ngày nay bạc tiền nhẹ giá, một con chim hay có người dám mua bạc ngàn, chim thường cũng đến bốn năm trăm bạc.

Nuôi bạch yến cho ăn bằng tấm nhỏ, tấm gạo đã tay cho ăn tốt hơn tấm chà máy, vì tấm chà hết chất sinh tố, chim ăn lâu ngày sanh bệnh trỉnh ết. Người nuôi chim nhiều, nếu có đất rộng, nên trồng giống cỏ bông lấy hạt cho chim ăn càng tốt. Thỉnh thoảng phải cho ăn xà lách và trồng dỏ hạt gà. Lấy nang mực khô treo trong lồng cho chim gặm lấy chất vôi làm vỏ trứng, không thì chim chậm đẻ. Lấy cỏ khô để sẵn cho chim tha làm ổ. Lại phải năng thay giấy vật lót đáy lồng cho được sạch sẽ, không hôi.

Còn nhớ năm xưa tại chợ Sa-déc, có ông thầy thuốc Tàu, danh gọi Ông Thầy Lâm-Quang, vừa giỏi nghề y vừa có tài nuôi bạch yến không ai sánh kịp. Ông có một cặp chim đặc biệt, đến bây giờ, di gần đủ đó đây, tôi cũng chưa gặp con chim nào giỏi bằng. Chim ông nuôi trong lồng dươn bằng tre bên Tàu tuyệt khéo. Tự tay ông săn sóc cho chim. Hồ nước uống, bể nước tắm, hủ đựng thức ăn, mỗi mỗi đều là những cổ vật đắt tiền. Cặp chim này chủ cũng phải, và mấy mươi năm về trước, nội chợ Sa-déc không ai không biết danh. Thuở ấy, mỗi chủ nhật có lệ đấu xảo chim giữa một nhóm lương hữu đồng điệu. Sáng chủ nhật nào, sau buổi điềm tâm là tôi thấy các nhà chơi chim tay xách lồng tề tựu lại nhà lầu ông Lâm-Quang. Trà thuốc vừa xong thì đem chim ra đấu. Ông Lâm-Quang giấu lồng chim của ông trên thớt phòng ; ngoài này, nơi nhà cầu rộng lớn có hoa lan, hoa hường xông hương ngào ngạt, ông Lâm-Quang ngồi giữa làm chủ khảo, thông thả các tay chơi chim chim xúm nhau tuyển chọn những con chim nào hát hay để riêng từ lồng treo trên trần nhà cầu, những chim hát còn non thì cho đem lồng treo chung quanh hàng lang để tập nghe mà bắt chước. Lần lượt ông Lâm-Quang chấm những con chim lành nghề cho đem vào giữa vòng quan khách ngồi. Khi các con chim ấy hát phi tình phi sức thỏa thích ngỏà nguê rồi, ông Lâm-Quang bèn sai trẻ đem lồng chim của ông ra. Ông treo lồng trên cao giữa nhà ; các chim kia chưa biết gì vẫn líu lo với nhau. Thoạt con bạch yến của ông Lâm-Quang cất tiếng chào. Ban đầu chỉ nghe một

giọng trong trẻo và lớn, áp cả tiếng các chim khác. Kể đâu tiếng vàng như thác đổ, khi dồn dập cất bông lên cao như suối reo trên đỉnh, thoát đôi giọng trầm như gió tụ trũng sâu, thoát vọt lên cao thật cao như nước dồn chơn đá dựng. Lú lo êm ái, khoan nhặt đồng đều, ngọc khuê sáo thổi không bì. Khi chim ông Lâm-Quang dứt hát, là một tiếng êm lặng khắp trong ngoài: các chim khác tự mắc cỡ vì biết sức mình kém xa nên im hơi lặng tiếng đã đành, tội nghiệp các chủ chim, thua buồn cũng biếng nói và quên khen. Cặp chim của ông Lâm-Quang, quên nói con thứ nhì, lúc hát còn điêu luyện hơn nữa, cặp chim này quả là hiếm có.



Tích xưa, *nuôi chim anh-ô*, thấy ghi trong truyện *Thuyết-Đường*: Vương-Thế-Sung được người mượn đi bắt con chim khôn sầy lông, — chim không bắt được mà Thế-Sung lỡ tay sát nhọn, gây ra án mạng, cùng đường làm giặc, làm phản vương, xưng hùng xưng bá tung hoành mấy năm, cũng là một chuyện lạ.

Sẵn trốn cũng nên kể luôn năm xưa đọc sách, — nay cũng không nhớ rõ trong bộ nào hòng dẫn chứng, — có nhắc chuyện một anh chàng lái buôn đi thương mại phương xa, chẳng may gặp cảnh trái mua cao, bán hạ, không bao lâu vốn liếng gần cạn, buồn lòng thả ra chợ dạo chơi. Anh thấy bán một lồng chim, — độ trên trăm con cun cút, — anh bỏ tiền ra mua, định sau này bán lẻ lấy lời chi dụng đỡ. Đem chim về chỗ ngụ thì trời tối, cũng chưa kịp đếm, một đêm sáng ngày ra xem thì thấy dư

trăm con xác chết nằm dưới đáy lồng ngồn ngang, trừ phi một con độc nhút, mở dử mắt lanh, đứng trên nhánh cây giữa lồng, nghiêm nhiên như một tướng soái thẳng trận. Anh lái có ý định giết nốt con chim còn lại cho đã nư giận, nhưng rồi suy nghĩ hay đây là con linh điều nên chưa nỡ xuống tay. Đó là may cho anh, vận cùng đã mãn, nên khiến anh giữ con chim lại. Quả nhiên về sau, anh đem chim dâng cho quốc vương xứ ấy, ông này có tánh thích chơi chim, ông bày trò cho chim đá lộn, thì tuyệt nhiên trong xứ không chim nào địch thủ. Nhờ đó anh lái buôn gầy dựng cơ nghiệp không mấy hồi.



Một chuyện khác nữa kể rằng có một người nuôi chim hát ca dạy đủ thứ tiếng nói, đi đâu cũng không rời con chim khôn. Một bữa qua xứ lạ, đem chim theo, lỡ đường hụt tiền ăn, người chủ lấy làm buồn. Con chim vùng nói: « Sao không bán tôi đi? Bán tôi thì chẳng lo chi tiền ăn. »

Người nuôi chim: « Tao không nỡ bán mày. »

Chim nói: « Không can chi. Chủ lấy tiền rồi phải đi cho chóng, qua phía Tây khỏi thành hai mươi dặm chỗ cây đại thọ thì đợi tôi. »

Người nuôi chim nghe lọt tai, đem chim vào thành, và đi và nói chuyện với chim, ai nấy thấy lạ bu theo coi. Xảy có người trong Nội gặp làm vậy chạy về tâu vua, vua liền đòi chủ chim hỏi mà mua.

Chủ chim tâu rằng : « Kể tiền hơn nuôi chim mền tay mền chơn, đi ở không lìa nhau, dầu túng cũng không đành bán.

Vua hỏi : « Chim muốn ở lại đây với trẫm hay muốn theo chủ ?

Chim trả lời : « muốn ở ».

Vua mừng. Chim lại nói : « Như mua thì trả mười đồng thôi chớ đừng trả nhiều ».

Vua nghe chim nói làm vậy càng vui lòng hơn nữa, hối cấp đủ mười đồng. Chủ chim làm bộ giận dữ, lấy tiền quảy quả ra đi. Vua nói chuyện chơi, chim trình thưa bật thiệp, vua dạy đem thịt cho nó ăn, chim ăn no lại đòi tắm. Vua sai lấy chậu vàng múc nước, mở cửa lồng cho nó ra tắm. Chim tắm xong bay lên mái điện đứng rìa lồng, nói chuyện với vua ráo rẻ. Khô lông chim sẽ cánh nhảy nhót rồi nói : « Tôi đi nhé ? » Chưa kịp ngó nó đã bay đi mất, vua cùng nội thị ngửa mặt thương tiếc, hối đi kiếm thì chủ đi phương nào, chim bay về đâu không ai biết được. Sau có người còn gặp chim và chủ đưa nhau dạo chơi một phương xa.

Thêm một tích nữa gọi « Chim trả thù » rút trong « Truyện giải buồn » của ông Huỳnh-Tĩnh-Cửa :

« Chùa Thiên-Tân có chim sẻ làm ở trên « thu kỉ » (chỗ hai mái nhà giao lại) (về sau nói trại đi, trong Nam quen gọi « cái khu dĩ »). Trên ván bưng có một con rắn lớn, mỗi khi chim vừa đủ lông ra ràn thì bò ra nuốt hết, chim mẹ buồn kêu ít ngày rồi bay đi mất. Ai dè nó còn trở lại, và năm thứ ba, thấy nó làm ở như trước. Con nó vừa lớn lên, nó liền bay đi, ba bữa

mới về vào ở kêu con ra cho ăn. Rắn bò ra, động ở sẻo con thất kinh kêu la thảm thiết, chim mẹ bay bổng lên mây xanh. Một hồi nghe có tiếng ào ào, trời đất tối tăm, ai nấy đều sợ hãi, ra coi thì thấy một con đại bàng điều, cánh sẽ che khuất mặt trời, ở đầu trên đầu ùn ùn đáp xuống, đánh một vút, rắn kia đã đứt đầu phá ở rắn tan nát rồi chớp cánh bay đi, hai con sẻo bay theo như tiễn đưa. Thật là kỳ dị.



Một tích nữa thuộc về chim hồng.—

Xưa kia có người đánh bẫy đặt một cho chim hồng, chim trống bay theo về tận nhà, bay lên đáp xuống kêu la tối ngày rồi mới bay đi. Sáng ngày người đánh bẫy dậy sớm đi ra ngoài thì thấy con chim trống bay tới, rồi và kêu và bay theo đậu một bên chơn, người ấy liền chụp mà bắt nó luôn. Chẳng dè con chim nghèn cổ mửa ra một thoi vàng. Người đánh bẫy hội ý bèn thả con chim mái, cả hai bay quần trên cao giẫy lất thì bay mất. Rõ là chim mà còn biết đem vàng chuộc vợ.



Sau rốt là một chuyện giai thoại chứng rằng người mình đối với khoa học rất là dễ dãi.

Chuyện kể lại rằng thuở xưa trời đất biến sanh thú vật cũng chưa lấy chi làm đủ, hoặc có con thiếu chơn, hoặc có con thiếu cánh. Nên sau có ba ông tiên giáng xuống trần nơi sơn lâm dạng cứu vớt những loại tàn tật.

Truyền rao hẹn trong ba ngày những con nào thiếu chơn thiếu cẳng thì hãy đến cho tiên làm phép.

Khi ấy có một con vịt có một chơn, những mảng lo kiếm ăn không hay, qua ngày thù tư, mới chạy đến lạy ba ông tiên. Tiên nói: « Mấy tới trễ. Bây giờ chẳng còn giống gì mà trông thể cái chơn thiếu của mấy. » Vịt cố năn nỉ lạy lục... Ba ông tiên cảm lòng không đậu, bèn bẻ một cái cẳng ghế mà làm phép rồi thắp chơn cho con vịt, dặn rằng: Nếu sau có về, đứng ngủ gì đều phải cho cẩn thận, phải co cẳng lên, chớ đừng có đạp những vật ô uế, cẳng mà trở nên vô dụng thì chúng ta cũng không biết lấy chi mà đền! »

Con vịt từ tạ ra về, dọc đường gặp một bầy chim nào chà chiên, ốc cau, đồ nách, đều là chim tàn tật, không có chơn mà đi. Vịt mách sao không lên kíp chỗ sơn lâm xin tiên trồng chơn cho. Mấy con chim này nghe nói mừng

khấp khởi, lật đật bay tới chỗ khăn cầu ráo nước miếng. Ba tiên nói: « Chúng ta có dặn phải tựu trong ba ngày, nay đã quá hạn kỳ, vật liệu đã hết, biết lấy chi mà trồng cho bây? » Nhưng chim nó lạy lục năn nỉ thiết yếu quá, ba tiên tội nghiệp, bèn nhờ một mớ chơn nhang làm phép vãi ra mà nói: « Đó chúng bây lấy thứ này cắm làm chơn mà đi ». Chim kêu nài viện cớ sợ cộng chơn nhang nhỏ quá, e nữa chừng gãy đi biết lấy chi mà chắp. Ba tiên nói: « Coi vậy chớ không sao! Không can chi mà phòng sợ! Cẩn thận hơn thì khi đậu xuống, chúng bây hãy nhúng nhúng ba cái thăm chừng, như có gãy thì lên đây ông thay cho thứ khác ».

Từ thuở ấy, chà chiên, ốc cau, đồ nách mỗi lần đáp xuống là nhúng nhúng thử cặp giò; còn chim vịt khi ngủ thì co lên một cẳng.

VƯƠNG-HỒNG-SÈN

★ **CỦ** đề một đoàn thể sinh hoạt không thủ lãnh trong một thời gian, bạn sẽ thấy: những thiện chí hăng hái nhất sẽ chia rẽ nhau, những nghị lực kiên quyết nhất sẽ rời rã ra, và sau những xích mích, va chạm, sẽ tới bờ, mủn nát, không sao củng cố lại được.

★ **MUỐN** tập hợp người một cách hữu hiệu hầu thực hiện một công cuộc gì, cần phải có người thủ lãnh làm nguyên tố cho nền tảng thống nhất và cố kết, người thủ lãnh có khả năng làm cho mọi người hiểu nghĩa lợi ích chung, có khả năng lôi kéo mọi người và khuyến khích họ theo đuổi lợi ích chung.

VĂN TRÌNH CÔNG

CHU - VĂN - AN

DƯƠNG-TUYÊN đã phu PHAN-VỌNG-HÚC

Ông Chu-Văn-An, tự là Linh-Triệt, là người làng Quang-Liệt huyện Thanh Đàm, nay đổi là Thanh-Trì, thuộc tỉnh Hà-Đông, sau về ẩn cư núi Phụng-Hoàng, Xã Tường-Thôn, (xưa là Kiệt-Đặc) tổng Kiệt-Đặc, huyện Chí-Linh, Tỉnh Hải-Dương, Bắc Phần.

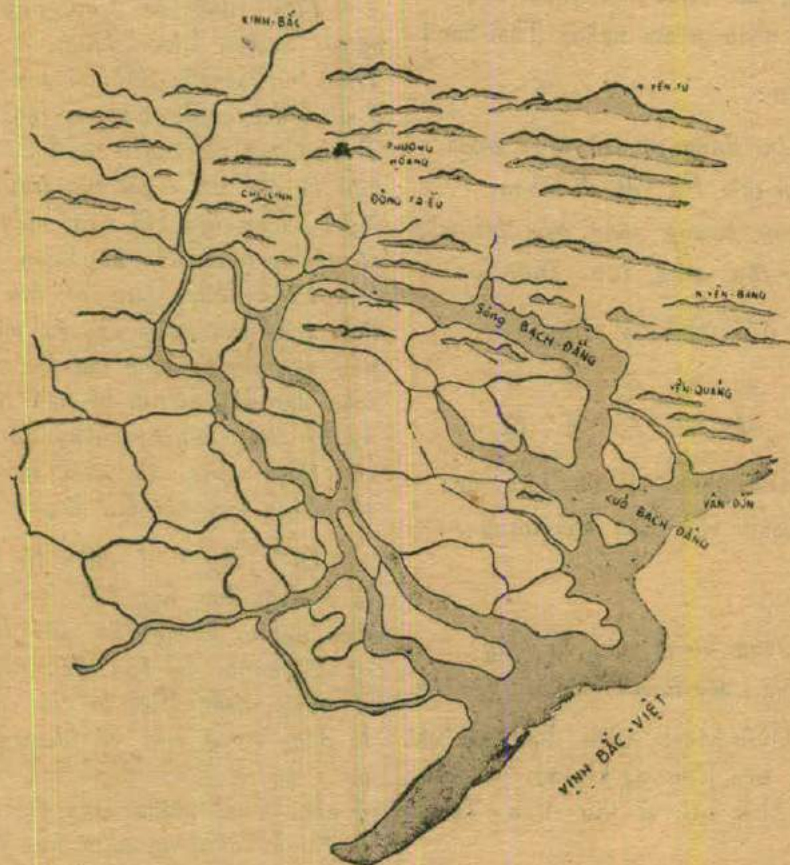
Ông học rộng tài cao, đạo đức hơn người, đặt chỗ ở là Văn-Thôn, lại làm nhà ở bờ đầm Linh-Đàm, để dạy học trò. Học trò ông rất đông, nhiều người thành đạt, nên bậc danh thần, vua Trần-Minh-Tôn (1329) phong cho ông làm Quốc-Tử-Giám Tư-Nghiệp, lại mời ông dạy Thái-Tử học.

Đến khi vua Trần-Dụ-Tôn lên ngôi trẻ nãi việc chính trị, có nhiều đại thần đua nịnh, tham tàn, ông bèn dâng sớ

xin nhà vua chém bảy kẻ quyền thần bất chính, nhưng sớ tâu lên không được thi hành, ông trả lại mũ áo, bỏ quan lui về ở núi Phụng Hoàng xã Kiệt-Đặc, huyện Chí-Linh, vui với sơn thủy, bạn với cầm thi, mở trường dạy học, tự đặt hiệu là Triều-Ân, không ưa phú quý. Đến khi vua Trần-Nghệ-Tôn lên ngôi, ông chống gậy đến cửa khuyết, bái yết tâu quân, rồi lui về chốn giảng đường, vua rất tôn quý, lại cho quan tiến đưa đến tận nơi, sau tuổi già ông mất, nhà vua tặng là VĂN-TRINH-CÔNG, lụy triều đều thờ trong văn miếu, người sau tôn hiệu là Triều-Ân tiên sinh.

Khi vua Thế-Tổ Gia-Long triều Nguyễn lên ngôi, Tông Trấn Bắc Thành

Đến PHƯƠNG-HOÀNG
Nơi thờ VĂN-TRÌNH-CÔNG CHU-VĂN-AN



là Nguyễn-Văn-Thành tâu xin bỏ tông tự của tiên sinh, và Sĩ-Vương ở văn miếu Thăng-Long, (Hà-nội). Khi ấy có ông Thám-Hoa Phạm-Quý-Thích người xã Lương-Đường, huyện Bình-Giang, tỉnh Hải-Dương, hiện được vua Gia-Long triệu ra làm Học-Chính Hà-nội, kháng nghị việc bỏ tông tự này với Tổng-Trấn Bắc Thành không được, ông sớ vào kinh lưu tự như cũ, cũng

không chuẩn, nên ông xin từ chức về nhà dạy học.

Ông Đặng-Minh-Khiêm là Lại Bộ Thượng-Thư triều Lê, có vịnh thơ rằng :

七	斬	章	成	更	掛	冠
至	震	終	志	尚	餘	間
清	修	苦	節	高	千	古
士	望	岩	岩	仰	泰	山

Thất trăm chương thành cánh quải
quan,

Chỉ Linh chung lão thượng dư nhân.
Thanh-tu khổ tiết cao thiên cổ,
Sĩ vọng nham nham ngững Thái-San!

Dịch nôm:

Thất trăm dâng rồi trả tước quan,
Chỉ-Linh tuổi lão để di nhân.
Tiết ngay gương sáng treo thiên-cổ,
Sĩ-vọng tôn sùng tựa Thái-San.

Có câu đối thờ ở đền:

東土風聲有自
南邦文獻可徵

Đông thổ phong thanh hữu tự;
Nam bang văn hiến khả trưng.

Dịch nôm:

Miền Đông tiếng dậy từ đây
Nước Nam văn-hiến khuôn nay rõ ràng.

Năm Minh-Mệnh, triều đình sắc chỉ
trùng tu, đền Phụng-Hoàng, và dựng
bia đá, khắc bài vị thờ Văn - Trình-
Công.

Năm 1927 ông Tiến-Sĩ, Tổng Đốc
Hải-Dương Nguyễn-Văn-Bân có trùng
tu lại đền Phụng-Hoàng, và chỉnh đốn
lại việc tế tự ở đền có soạn câu đối
thờ. Năm 1930 tác giả thấy đền không
còn cây cối gì cả, có trồng hai mươi
cây thông ở quanh đền, cho thêm phần
u nhã.

Ông Nguyễn - Công - Thái, Tiến-Sĩ
Giám sát tỉnh Nghệ-An, năm Vĩnh-
Thịnh Triều Lê, năm thứ 3 (1707)

có soạn bia dựng ở đền, văn bia bằng
chữ nho, xin tạm dịch nôm ra sau (1):

Văn bia:

« Tiên sinh họ Chu, húy là An,
người huyện Thanh-Đàm, ở đời nhà
Trần, trải thờ bốn đời vua, sau về ẩn cư
ở núi Chỉ-Linh được phong tặng là Văn-
Trình-Công, và từng tự vào Thái-Miếu đền
này là chỗ thờ Ngài, tục truyền là nơi
Ngài giảng học khi xưa, mấy đời đều
có phong tặng, đền này dân thờ Ngài
là Phúc-Thần, xưa có bia chép sự
tích, xong lâu ngày chữ đá mòn đi cả,
nay dân làng phụng thờ lại có xin tôi
soạn văn bia, tôi là kẻ hậu sinh, lại là
người đồng huyện, không dám vị mình
còn thiên vọng mà chối từ, vậy xin
chắp tay làm bài bia này:

« Ôi! Người sĩ quân tử hơn người
là ở điều đạo học bền lòng, cử động
theo nghĩa, không theo lời thượng mà
tự dối mình, hể hân đến các bậc nho
sĩ trong nước Việt ta, chỉ có tiên sinh
là đáng trọng hơn cả, đương lúc làm
quan không tha'n danh lợi, những khi
ở nhà, chăm giảng kinh điển, học thực
là chính, lại đáng phục hơn nữa là đạo
thầy rất bậc tôn nghiêm, học trò nhiều
người thành đạt, cái ơn tiên sinh đào
tạo nên người, thực là vô cùng vậy.

« Niên hiệu Khất-Thái Trần-Minh-
Tôn, 1324-1329 sung chức Tư Nghiệp,
trông nom dạy Thái Tử, làm mô phạm
cho bọn học trò, danh tiếng thật là vượt
vượt, triều vua Triệu-Phong Trần-Du-Tôn

(1) Văn bia này dựng tại đền Phụng-Hoàng
nơi thờ Văn-Trình-Công Chu-Văn-An do tác
giả chép và tạm dịch.

(1341-1358) tiên sinh giận những kẻ quỳn thần, dâng sớ chém bảy người, làm rùng mình cả bọn gian nịnh, trung nghĩa thật là chói lọi, lâu vua không nghe liền xin từ chức, lui về làng vui với nước non, sau vua lại vời ra làm quan, tiên sinh không chịu làm, phong cho chức tước không chịu nhận, vì đã rõ thời cơ, thế cục, không chịu dỗi tiết thơm lây Công Hầu.

« Than ôi ! Đời thánh hiền đã xa, không có tiên sinh làm gương thời kẻ học giả lấy ai làm Thái-Son ; Thôi liêm sĩ đã tẻ, không có tiên sinh cao thượng, lấy ai làm nêu cốt. Khi Tiên sinh mất đặt hiệu là Văn-Trình, tưởng không phải là hư danh vậy. Nghìn năm thờ phụng, thực là xứng đáng.

Tuy vậy thói hay của tiên sinh cùng với sông Thanh Đàm còn chảy dài mãi ; Khí thiêng của tiên sinh cùng vớt núi Chi-Linh còn cao ngất mãi, trăm đời về sau hương thơm không dứt, há còn phải dựng bia nữa ru ! Xong mấy hàng chữ này khắc vào đá, thời đạo đức, sự nghiệp thanh danh tiết tháo của tiên sinh lại càng rõ rệt hơn, khiến cho đời sau mắt thấy phải mở, phải theo, phải sùng, phải ngưỡng, một là đề khích bưng liêm sĩ, một là đề sửa thói siểm nịnh, thế thời dựng tấm bia đá này, cũng có quon hệ đến việc răn đời, nên chép và khắc vào bia đá.

DƯƠNG-TUYỀN đã phụ
PHAN-VỌNG-HÚC

Đạo đối với thời và thế

Không-Tử nói rằng :

— Từ khi Quí-Tôn cấp cho ta ngàn chung thóc, sự giao thiệp của ta với mọi người mới được thân mật thêm. Từ khi Nam-Cung-Kinh-Thúc cấp cho ta cỗ xe để cưỡi, đạo học của ta mới được tăng tiến thêm. Cho nên đạo dẫu là quý, nhưng phải gặp thời thì mới thấy trọng, gặp thế thì mới tiến hành được. Trái lại, nếu hai người kia không giúp đỡ tài lộc cho ta, thì đạo của ta có lẽ đành xếp đó mà thôi.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

★ **MỘT** đoàn thể không thủ lãnh khác nào một thân thể không đầu. Một đoàn thể không thủ lãnh là một bầy lũ, một bầy lũ lưu lạc, bông lông, không chủ đích, dễ làm mối cho hoang mang hoảng hốt.

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-I

Một hôm, cụ tú Võ-Oanh, nhà học giả gốc Thanh-Nghệ-Tĩnh, hỏi tôi :

— Anh là người miền Nam, chắc anh biết *chích* và *đầm* là cái gì ?

Tôi ngơ ngác đáp :

— *Đầm* thì tôi biết. Danh từ ấy nhiều nghĩa. Nhưng nếu nó đi đôi với *chích*, thì chắc nó có một nghĩa lạ như danh từ *chích* vậy. Cụ nghe thấy hai tiếng ấy ở đâu ?

— Trong quyển Lục-Vân-Tiên :

Nghêu ngao nay chích hmai đầm. »

Sợ cụ tú cười người miền Nam mà dốt danh từ miền Nam, chúng tôi phải khó nhọc đến mấy tháng mới hiểu thủng nghĩa hai tiếng đó.

Anh Kh., người cùng với tôi đi săn nghĩa hai danh từ oái ăm kia, bức quá, đâm câu :

— Dùng danh từ địa phương rắc rối như vậy có « chết người ta » không ? Nếu

tôi có quyền, tôi sẽ cấm tất cả danh từ địa phương, cho toàn quốc được hiểu nhau dễ dàng. Giữa hai tiếng *quả na* và *trái mãng cầu*, tôi chỉ cho dùng một tiếng thôi.

Trong giây phút, tôi toan đồng ý với bạn Kh., nhưng tôi chợt hiểu ra là vô lý và không thể được.

Người Cà-mau có sáu mươi (?) danh từ địa phương của họ, mà trời đất gì cấm họ dùng cũng chẳng được. Họ cứ tiếp tục trao lời nhau hằng ngày bằng những danh từ đó, mình không ở gần họ được mà ngăn cản. Đó là nói nếu sự ngăn cản là hợp lý, và hợp lý hay không, ta chưa bàn đến.

Hơn nữa, nếu rủi cho mình, mà quận Cà-mau sanh ra một thi sĩ có tài như cụ Đồ Chiểu, thi sĩ ấy sẽ có tác phẩm đầy dẫy danh từ địa phương như quyển « *Năm vạ* » của nhà văn Bùi-Hiền chẳng hạn, thì khổ biết bao. Loại tác

phẩm ấy ra để trừng phạt nó, hay chịu thua danh từ địa phương ?

Đó là chỉ nói đến cái quận Cà-mau tương đối nhỏ xíu thôi. Còn nói chỉ ba miền lớn Trung, Nam, Bắc thì lại càng không thể được. Có tới mười triệu người miền Nam nói đến trái mãng cầu, và trên mười triệu người miền Bắc dùng danh từ quả na, và sáu bảy triệu người miền Trung, miệt trên nói na, miệt dưới nói mãng cầu, làm sao mà thống nhất được ?

Anh Kh. cái :

— Nước Pháp sở dĩ tiến được mau nhờ thống nhất tiếng Oil và tiếng Oc. Trong hai thứ tiếng đó, tiếng nào thắng cũng chẳng can gì, miễn là thống nhất.

— Nhưng anh quên rằng Oil và Oc là hai ngôn ngữ địa phương khác nhau, người dùng Oil mà nói, thì người dùng Oc không hiểu, chớ nào phải là một ngôn ngữ độc nhất trong đó còn sót nhiều danh từ địa phương đâu ?

Anh xét lại coi. Phương ngữ Oil đã thắng và thành quốc ngữ của nước Pháp, thành tiếng Pháp. Nhưng cứ đọc các tác phẩm tiếng Pháp, tức là tiếng Oil, ta sẽ thấy nhan nhản những danh từ địa phương của vùng Oc. Có phải là danh từ địa phương không hại chẳng, không ngăn trở sự hiểu nhau chẳng nên người Pháp mới không buồn loại nó ra ?

Trái lại văn giới Pháp còn cho rằng có dùng danh từ địa phương, tác phẩm mới nhuộm màu địa phương được, mà một tác phẩm nhuộm màu địa phương là một tác phẩm đẹp và thật.



Ngôn ngữ nước nào cũng đầy đầy tiếng đồng nghĩa, mà tiếng đồng nghĩa là những danh từ địa phương trước kia và nay đã được toàn quốc dùng vậy.

Danh từ địa phương, một khi được phổ biến, làm giàu cho ngôn ngữ và thành ra tiếng đồng nghĩa.

Tiếng Việt-nam ta chỉ có một. Từ ải Nam-quan đến mũi Cà-mau, người ta vẫn hiểu nhau dễ dàng. Đó là cái may của nước nhà đã có một ngôn ngữ duy nhất giúp ta khỏi khổ tâm thống nhất nó nữa.

Tuy nhiên thỉnh thoảng trong câu chuyện này, lòi ra vài danh từ địa phương khiến khó hiểu nhau ngay, thì cũng chẳng can gì. Ta có thể hỏi :

— Bác nói vừa mua cái ô. Cái ô là cái gì ?

— Là cây dù ấy mà.

Hai câu đối thoại gồm 16 tiếng mà chỉ có một tiếng ô khó hiểu thôi, điều này không trở ngại cho việc tải ý chút nào.

Cái hại không thấy, trái lại cái lợi của danh từ địa phương thì lớn lao : giúp cho tác phẩm văn chương thêm đẹp, làm giàu ngôn ngữ nước nhà, diễn tả đúng ý, tình, của người địa phương ; ý, tình ấy có biệt sắc riêng của nó, v. v. ...

Vậy đừng lăm lăm danh từ địa phương với ngôn ngữ địa phương. Cả hai thứ này thường được gọi là tiếng địa phương nên mới có sự ngộ nhận của người bạn nói trên và của rất nhiều người khác.

Đừng nên lăm lăm mà trái lại, nên cứu lấy nó.

Đã bảo nó có sức sống tiềm tàng mãnh liệt, không ai ngăn nó được, sao còn kêu cứu ?

Thưa, vì đã có người dễ xướng diệt danh từ địa phương, biết đâu họ lại không thành công, nhờ một may mắn nào ?

Cứu mớ danh từ ấy bằng cách khai sanh nó trong các tự điển. Một khi nó đã được trước bạ vào đó rồi thì như là tiền vào kho.

Nên chỉ những nhà làm tự điển không nên làm một mình mà phải cần sự góp sức của văn nhân ở nhiều vùng khắp nước.

Tự điển đầy đủ ấy, ngoài mục đích kê trên, giúp giáo giới và học sinh rất nhiều. Một giáo sư Việt ngữ ở Huế, nếu phải cắt nghĩa câu thơ sau đây của Tản-Đà cho học sinh nghe, chắc phải bối rối lắm :

Sàigòn nhớ vị cá tra

vì danh từ địa phương miền Nam là cá tra chưa được tự điển định nghĩa.

Người Quảng-trị đọc thơ Bàng-Bá-Lân thấy nói đến trái sầu riêng, một danh từ địa phương Lái-thieu, vừa được phổ biến khắp miền Nam độ ba mươi năm nay, chắc phải điếc con rái chó chẳng chơi.

Chúng tôi thấy ngoài những lý lẽ trên, ta đành phải chịu thua danh từ địa phương vì sức mạnh tiềm tàng của nó.

Chịu thua nó, ta cũng không thể giận lấy nó mà bỏ nó ngoài tai, vì nó được văn nhân thì sẽ dùng đến.

Nên chỉ chúng tôi bắt đầu làm một quyền danh từ địa phương miền Nam, đăng tạp chí này từ số này.

Mục đích là làm giàu ngôn ngữ toàn quốc, và giúp cho toàn quốc tìm hiểu những danh từ địa phương rải rác trong hầu hết tác phẩm Việt ngữ hiện có.

Một lần, đọc một tiểu thuyết Hà-nội, chúng tôi chạy khắp Sài-gòn để tìm một người bạn Bắc hỏi nghĩa hai tiếng *ôm đồm*. Khổ thân quá. Nhưng chúng tôi chỉ phiền thiếu tự điển mà không bao giờ phiền nản danh từ địa phương, vì một lẽ dĩ nhiên là không thể cấm ông tiểu thuyết gia Huế nói đến *mụ, o* được.

Tập danh từ này không phải là công trình đầy đủ. Nhưng các bạn xa gần sẽ hưởng ứng và sách sẽ biến thành công trình tập thể.

Mặc dầu cái tên của nó, các bạn miền Trung miền Bắc cũng có thể tham dự vào.

Tự điển Larousse sở dĩ được dày thế, nhờ nó ghi và định nghĩa rất nhiều danh từ địa phương khắp các vùng của nước Pháp.

Quyền tự điển Việt-nam sau này cũng sẽ dày không kém, một khi công trình của chúng tôi và của vài nhóm địa phương khác hoàn thành.



Tập danh từ này không thể theo thứ tự A,B,C, được vì sẽ có nhiều bạn khác ở xa góp công vào đây.

Và lại riêng nó, nó không thành một quyển sách nên không cần thứ tự trên kia. Đây là mớ tài liệu mọn để giúp sức phần nào cho các nhà làm tự điển thôi.



Sưu tầm và định nghĩa những danh từ dưới đây, chúng tôi không thể quên ơn bạn

Thuyền-Vu, người Hậu-giang, đã giải thích giùm chúng tôi rất nhiều tiếng mà chúng tôi chỉ hiểu nghĩa lơ mờ thôi. Đáng lý gì đây là công việc của bạn ấy, một người rất am hiểu địa phương, nhưng bạn bạn chuyện khác, nên chúng tôi phải đánh bạo làm liều.

Sài Gòn, mùa nực 1958

Bình-Nguyễn-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í



Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyễn-Lộc và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)



Chích (động từ). Bắt cá bằng chài, lưới (ở sông rạch).

Đằm (động từ). Bắt cá bằng nò (ở ao, hồ, vũng).

Thí dụ :

Một mình thông thả làm ăn,

Khoe quơ chài lưới, một quãng câu đằm,

Nghêu ngao nay chích mat đằm,

Đồ Chiểu

(Lục-Vân-Tiên)

Hai động từ địa phương này không được phổ biến và sắp thành danh từ cò.

Chú ý.— Những danh từ địa phương về nghề nghiệp không mấy thuở được

phổ biến cả. Nhưng chỉ tiêu diệt cùng với nghề mà thôi. Tuy nhiên nó vẫn có sức sống tiềm tàng mãnh liệt như những danh từ phổ biến khác.

Cá tra. Một thứ cá ở sông nước ngọt, tìm thấy trong nhiều sông rạch miền Nam, cá béo mà ăn không ngán, dùng nấu ngọt, nấu canh chua, nấu canh thơm, và kho.

Thí dụ :

Sắt-gòn nhớ vị cá cha.

Tản-Đà

(Thi sĩ Tản-Đà viết sai chánh tả *tra* ra cha). Xin xem thêm lời chú thích về « cá cha » của chính thi sĩ trong « Tản-Đà vận văn » thì có một ý niệm rõ về cá đó.

Cá trui. Cá nướng nguyên con để ăn chơi.

Người ta chỉ nướng trui cá lóc và cá trê thôi.

Dưới đây là lời tả của ông Nguyễn-Hiến-Lê, thay thế cho định nghĩa của chúng tôi :

« Lấy que nhọn xiên qua mình một con cá từ đầu xuống tới đuôi, trét bùn đầy mình con cá rồi cắm que xuống đất, lấy rơm hoặc cỏ khô đắp lên, đốt, khi nào lớp bùn khô nứt ra là cá chín. Bóc lớp da ngoài và vẩy bỏ đi rồi ăn ngay thịt cá khi còn nóng. Món ăn ấy cũng đáng gọi là một giai vị. »

(« Bày ngày trong Đồng Tháp Mười »)

Xin nói thêm rằng, ở chợ người ta nướng bằng lửa than và không trét bùn. Và nếu có trét bùn thì da và vẩy đã bị bùn lấy đi chớ khỏi bóc.

Lối nướng ấy gọi là *nướng trui*. Người ta cũng nói *cá nướng trui* thay vì cá trui.

Ở miền Đông, người ta lại nói *nướng lụi*, ý muốn chỉ việc lấy cây que mà lụi vào con cá.

Cá (động từ). Đồng nghĩa với tiếng *cuộc* ở đất Bắc. (Parier).

Cá hay cuộc có nghĩa : cùng ức đoán về kết quả một việc gì, người đoán trúng được lãnh phần thưởng do người thua (hay các người thua) chịu.

Đồng bào miền Bắc không dùng tiếng « cá », chỉ dùng tiếng « cuộc » thôi, trừ thành ngữ « cá ngựa ». Phải

chẳng trò chơi « cá ngựa » có trước ở Sài-gòn nên tiếng ấy từ đây ra đây ?

Ên (trạng từ). Nguyên gốc tiếng Cao-miền là Eng, nghĩa là một mình.

Trạng từ Ên thông dụng trong năm tỉnh : Rạch-giá, Bạc-liêu, Sóc-trăng, Trà-vinh và Châu-đốc.

Chú ý.— Trong cả hai ngôn ngữ Việt và Miên, trạng từ Ên không dùng đơn độc mà chỉ để bổ nghĩa cho tính từ một mình.

Thí dụ I : *Tôi đi dạo một mình ên.*

Thí dụ II : *Con cắt cụt đuôi, ai nuôi mày lớn.*

— Dạ thừa bà, con lớn mình ên.

(Ca dao Rạch-giá)

Có một điều ngộ nghĩnh lắm là ông Phan-Văn-Hùm gốc ở Bún (miền Đông) lại rất thích dùng trạng từ mình ên trong các bài văn của ông, như trong bài thơ đây là một.

*Pháp văn nghiên ngắm mấy mươi năm,
Văn pháp còn bao chỗ tối tăm,
Hán tự mình ên tìm học lấy,
Lấy đâu tránh được hiểu không nhầm.*

*Cám ơn dạy bảo bao lời,
Vén mây cho thấy lưng trời, công ai !*

(Tập kỷ yếu Hội Khuyến Học Nam-Việt, năm 1949 : Thơ Phan-Văn-Hùm để sau khi xem qua bài phê bình của ông Ba-Xuyên về sách « Vương-Dương-Minh » của ông).

Tha-la (danh từ). Gốc tiếng Miên, mượn nguyên vẹn để chỉ nhà sàn cất trên cọc. (ghi theo âm Cao-miền : Sla).

Thốt-nốt. Gốc tiếng Miên (ghi theo âm Khmer : *thnot*) nói trại đi.

« Cây thốt-nốt cao lớn, mọc thẳng như cây dừa. Lá xòe như lá mặt cật. Bông thốt nốt có chứa nước ngọt, đem về nấu lại thành đường. Nước bông thốt nốt đựng trong ống tre có xông khói trước để khử trùng. So với nước mía, nước thốt nốt ngọt gắt hơn và có hương vị đặc biệt ».

Sơn-Nam

(Lên đình Tà-lơn)

Tương cũng nên ghi rằng : thứ đường nói trên có tên là đường thốt nốt. Long-xuyên có con rạch tên : *Thốt-nốt*, có quận Thốt-nốt; và cũng có người nói, ghi : thốt lốt.

Tha la và Thốt-nốt, trái với Ên, được thông dụng khắp miền Nam.

Đại-Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh-Cửa ghi « Thốt-nốt ». — *Pháp Việt tự điển* của Génibrel cũng ghi « Thốt nốt » và chú : *Borassus flabelliformis* des Palmiers borassinés, Palmier à sucre.

Sà-ron. (danh từ). Gốc Miên và Lào. Thứ y phục gồm một tấm lụa may đầu rìa khò lại, dùng mặc như váy. Người Việt ta chỉ mặc sà-ron khi ngủ và tắm thôi.

Danh từ sà-ron chỉ thông dụng ở Hậu-giang và một phần Tiền-giang thôi.

Thí dụ : *Nhớ những cô đội chông...*

Ngồi dệt sà-ron.

Lê-Thương

(Nhớ Lào)

Lục (danh từ). Gốc Miên, (ghi theo âm Khmer : *luuc*). Thảy sải phái Tiều-thừa Nam-tôn.

Thông dụng khắp miền Nam.

Thí dụ :

Lục Duon cứ giăng kình, cứ nhìn các cô một cách lạnh lùng, thần nhiên.

Lê-Văn-Trương

(Một trái tim)

Sầu-riêng. — Một thứ cây có trái to bằng trái bưởi, vỏ dày gai như mít, nhưng gai cứng và bén nhọn hơn, cơm màu kem, mùi hơi nặng.

Sầu riêng gốc ở Mã-lai, thổ dân kêu là Dsao Rian, (tiếng Pháp gọi là dourian) được các tu sĩ ngoại quốc đem giống qua Việt-nam cách đây lối 50 năm, khởi trồng trong vùng Lái-thiêu, tỉnh Bình-dương, (tên mới của Thủ-dầu-một).

Thí dụ :

*« Xa xôi nghe tiếng sầu-riêng,
Cám ơn Nàng Út làm duyên tặng quà.
Muốn đem ra Bắc khoe nhà,
Lại e đường xá ngày ngà khó đi !*

*...
Bỏ đi, phụ tấm chân tình !
Mang theo chẳng được ! Thôi đành...
sầu riêng ! »*

Bàng-Bá-Lân

(Tiếng võng đưa. — Lần đầu làm quen với trái sầu-riêng)

(Còn tiếp)

★ **THỦ** lãnh là biểu tượng của uy quyền mà cũng là biểu tượng của thống nhất. Khi người thủ lãnh sắp đặt thì đồng thời cũng phối trí để cố kết đoàn thể, cho đoàn thể khỏi rời rã, đi tới chỗ tiêu hủy.



HUỲNH THÚC KHÁNG

(1876 — 1947)

Một « ông già » đáng
thương

Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng hồi 70 tuổi.
(hình mượn của hội Khổng-Học Việt-Nam)

NGUYỄN-HỮU-NGƯ

NGƯỜI TÀN NHO TRONG THỜI LOẠN

I.— Quân-phiệt Nhật mời.

PHÁP thực dân ngậm tức mà rước
Nhật quân phiệt. Một sự thay đổi
lớn lao và dữ dội đang dự bị. Người
Việt, kẻ thì lo hoạt động ngay trong
lòng đất nước, kẻ thì trông ngóng vài
người còn ở phương trời xa. Trong

số vài người đó, có Kỳ-Ngoại-hầu Cường-
Đề. Hai đoạn trong bức thư bí mật
của cụ Huỳnh trả lời cho Cường-Đề
(thư đề ngày 5-2-1943) càng làm nổi
bật lòng thương nước yêu nòi của cụ,
không vì năm tháng mà kém phần sôi
nổi, thiết tha. (22)

(22) Trích « Bức thư bí mật của cụ Huỳnh-
Thúc-Kháng trả lời cụ Kỳ-Ngoại-hầu Cường-
Đề, năm 1943. — Nhà xuất bản Anh-Minh, Huế,
1957.

BÁCH KHOA XXXVII

« Hiện trong nước, bọn tiền thời cũ còn sót lẻ tẻ như sao buổi mai, không kẻ bọn thay mặt đời lòng, tức có kẻ sau trận đau rồi còn ghi nhớ sự đau, vẫn giữ tấm lòng như xưa, song vì hoàn cảnh ác liệt, sanh kẻ khuân bức, nên nếu tạm được yên trước mắt là giữ lấy cái thái độ quan vọng. Tự trung cũng có đôi người chí khí còn quật cường như xưa mà tên họ đã ghi vào sổ đen, mang cái dấu vết hiểm nghi, thành ra cái quái vật đáng ghê tởm trong xã hội, không ai dám lại gần. Bởi thế hạng khá còn sót này, sanh khí dồi dào chỉ lura cái nóng tình thần trống không, không có thực lực gì.

« Đến như bọn tử trong trường học « nô lệ » đúc ra, lớp cao chiếm được cái địa vị « quan lớn bông nhiều », thời thời dựa hơi lỗ mũi kẻ khác, sợ được sợ mất, nếu làm cách gì mà giữ được cái hà-bao thì không việc gì mà không làm.

« Thứ nữa bọn viết thuê nói mướn, mãi biện kể toán trong trường quan lại hay nhà buôn, kiếm được cái ghế có bát cơm, đã lên mặt tự đắc, ăn uống sung sướng, áo quần bảnh bao, ngoài bộ mặt « văn minh » ra không có tư tưởng gì.

« Thứ nữa phần đông bọn tuổi trẻ biết gần, những thuyết « tự do, bình đẳng », « duy vật » đã trước thời vào làm « chủ nhân ông » trong óc, thời thời say đắm cái bả vật chất, tiềm nhiễm lấy cái độc tiêu thuyết lãng mạn, xem luân lý như rơm rác, chê đạo đức là hủ mục ; thậm nữa truyện phong tình phụng làm sách tỏ truyền, tuồng trăng

gió chuông làm quốc túy, sầy chân sẩy bước, nối gót nhau sa vào vực trụy lạc :

« Trong đám thanh niên, vẫn có một đôi phần tử ưu tú, bị cái phản động lực sau cuộc Âu chiến (1914-1918) xô đẩy, người thì nhận là tín đồ Mă-Khắc-Tur, kẻ thì xưng là học trò Lê-Ninh, mỗi người đều vỗ ngực phò là anh hùng, đồng chí khắp ngoài bốn biển, một lăm với phong triêu bề ngoài hai bị lăm khêu dục (23) ở trong nước (có người Pháp thò tay vào cho bùng ra), theo mù chạy quấy, bị tội tù đầy giết, gấn nhốt vào một lưới mà quét sạch (1930 — 1936), có kẻ lọt ra ngoài lưới tội tù, đã trải qua sụp ngã nhiều phen, như giấc mộng mới tỉnh, dần dần quay đầu lại mà mù mờ ngơ ngác, chưa nhận ra đường nào mà đi.

« Tình trạng dĩ vãng, đại khái như đã nói trên.

« Đến hiện tại lại càng sa, càng thấp hèn hơn nữa : vớt, banh khoe giỏi, xe đạp đua tài, đã là sự nghiệp anh hùng tốt bụng, mà ngoài ra không phải bàn nữa.

« Đến cái thủ đoạn chia rẽ của người Pháp lại càng hiểm ác đáo đẽ, khiến cho cái khoảng giữa « tân và cựu », « già với trẻ » cách biệt nhau thành cái hào rất sâu, không sao gần gũi dung hợp được. Xem như cụ Sào-Nam về nước, trải trên mười mấy năm mà một chắc thân mồ côi vẫn mồ côi, chưa nói chuyện khác. Núi Ngu-sơn không phải

(23) Có lẽ nguyên văn là : « hai bị khêu gluc... » chăng ? (Chú thích trong đoạn trích này là của chúng tôi).

không có cây tốt, mà nay trọc trơn như thế là do mấy mươi năm nay búa rìu của tay thợ ác hăng ngày chặt phá thành ra núi trọc đó. Vậy nên giữa hiện trạng nước Việt-nam ngày nay mà nói liên lạc nhân tài cũng như gieo giống lúa vào đám ruộng cỏ lan rậm rạp, tưới nước trong vào cái ao bùn rác chất chứa dơ bẩn, mà mong có hiệu quả trong mai chiều ; dầu có người đàn bà khéo giỏi đến đâu, không gạo cũng không sao nấu ra cơm được.

« Tình trạng dĩ vãng và hiện tại nói trên, kẻ thức giả đều than dài, không phải lời nói « bì quan » riêng một mình tôi, nên tôi không cần giấu cho để đối bậc Trưởng giả (24). Song le đối với hiện tại và tương lai mà tôi trước sau vẫn ôm mối hi vọng, cho đến một hơi thở còn ngày nào là nuôi ngày ấy, không chịu giữ cái thái độ « tiêu cực » Vì theo chỗ suy trác trong tâm não cùng một ít kinh nghiệm trên lịch sử, tôi có một điều xác tín mà ngày nay đã thấy trưng-triệu :

« Nhân tài vì dùng mà sinh ra, vì không dùng mà tiêu diệt đi ». (25)

Tôi tin câu danh ngôn ấy đã lâu. Xưa nay bậc anh hùng tạo thời thế vẫn không thường có, nhưng hạng anh hùng do thời thế tạo nên cùng bọn anh hùng không tên trong rừng sâu, ngoài đồng nội, không xứ nào không có.

« Non sông Hồng-Lạc này, núi cao nước sâu không hề thay đổi, khí thiêng chất chứa ngày nay vẫn như xưa, dân tộc con Rồng cháu Tiên chiếm cái vinh

dự « ngàn năm văn hiến » trên lịch sử Á-đông, đánh quân Tống, đuổi quân Hồ-Nguyên và đồng hóa cả dân tộc Chiêm-thành cùng Thủy-chân-lạp. Vô công oanh liệt và sức hấp dẫn mạnh mẽ là đường nào, trên sử sách còn chói soi trước mắt.

« Dưới quyền trung ương chân chính đã thống nhất, người nước đều vui lòng ra dùng, kẻ mạnh ra sức, người khôn dâng mưu, theo tài mà dùng, tưởng cũng không thiếu. »

Bức thư Cường-Đề gửi về, bức thư cụ Huỳnh trả lời, đều nhờ tòa Lãnh sự Nhật ở Huế chuyển giao. Nên người Nhật càng hiểu chí của cụ. Nên lời mời không thiếu : mời cụ cho « Tiếng dân » sống lại, mời cụ ra đứng tổ chức Nội-các lúc lật xong người Pháp (9-3-1945).

Cụ đã một mực chối từ.

II.— Quốc-tế và Quốc-gia mời.

Hồ-Chí-Minh và Nguyễn-Hải-Thần, nhân danh Chánh phủ lâm thời của nước « Việt-nam dân chủ cộng hòa » đánh điện mời cụ giữ chức Bộ trưởng bộ Nội-vụ trong « Chánh phủ Liên hiệp » sắp thành lập.

Cụ nhận lời ra Hà-nội để gặp hai Chánh, Phó chủ tịch, còn nhận lời giữ một tay chèo lúc con thuyền dân tộc gặp phải sóng to gió lớn, thì cụ cũng chưa định được.

(24) Chí Kỳ-Ngoại-hầu Cường-Đề.

(25) Chúng tôi cho in đậm.

Gặp Nguyễn-Hải-Thần, cụ gặp qua một lần ngắn ngủi, rồi thì nhà cách mạng quốc gia chân chánh lưu vong sang Tàu từ thiếu thời, có vợ Tàu, nói tiếng Tàu thạo hơn tiếng Việt này đã lặng lẽ biệt nước nhà mà trở lại quê hương của Tường-Giới-Thạch.

Gặp Hồ-Chí-Minh, cụ gặp suốt mấy ngày đêm, con người theo chủ nghĩa quốc tế, dúc rền tại lò duy vật chánh tông này đã có cả một chương trình đề chinh phục vị bá lão khăng khải mà thật thà này : sửa soạn sẵn một phòng kế bên nơi mình nghỉ, rồi ngày, đêm chung gối chung bàn mà hơn thiệt, mà nhỏ to : việc xưa, việc nay, việc sẽ tới, khó khăn ngày nay, bế tắc giờ đây...

Ban đầu, chối từ, kể đó ngăn ngại, rồi cụ nhận lời giữ tạm chức Bộ trưởng bộ Nội vụ trong chính phủ mà cái tên đã nói nhiều : « Chánh phủ Liên hiệp Quốc gia Kháng chiến. Sự có mặt của cụ sẽ đem lại nhiều uy thế cho Chính phủ mà khẩu hiệu là đoàn kết tất cả đảng phái đề chống giặc Pháp đến cùng.

III — Bước đường mới

Cụ cảm động vì những lý lẽ thực tiễn, mà họ Hồ trình bày một cách khoa học và nghệ thuật chỉ một phần, nhưng lúc Chính phủ Liên hiệp ra mắt đồng bào Thủ đô, họ Hồ vừa giới thiệu với đám biên người tự trước nhà Hát lớn « một ông già chuyên môn ở tù dưới thời thực dân Pháp », cờ phất ợp trời, tiếng la dậy phố, tay quơ chân giậm cuồng điên, cái đại dương người đủ màu đủ sắc, đủ thành phần của một xã hội đang lên, đủ cả tuổi cao tác

nhỏ...) lớp rừng người say sưa men cách mạng vừa thành công ấy đã làm nhà chí sĩ thời *Đông du*, thời *Đông kinh nghĩa thực*, thời *kháng sưu chống thuế*... từng thấy thất bại thảm thê, từng nếm vị tù đầy tê tái, từng chờ từng đợi tự bao lâu ấy..., lớp lớp người này đã làm ông già nặng tình đất nước ấy sung sướng đến nghẹn ngào.

Huỳnh-Thức-Kháng đã bị chinh phục rồi. Không phải vì tài uốn ba tấc lưỡi, kể chuyện tù, ngục chung giường, ăn cơm rau muống chấm tương, nhỏ vài giọt lệ của một chính trị gia lão luyện vốn từng mang tên Nguyễn-Ái-Quốc, mà vì đám đông vừa thoát xích xiềng Pháp Nhật và cuồng nhiệt một cách chân thành kia, một phần của quốc dân mà cụ thể hiền thân từ khi hiền biết...

Chắc cùng hai giọt lệ già nóng hổi, chắc sau khi sung sướng, nghẹn ngào tuyên bố với tay giờ miệng mở : « Đồng bào ơi ! bảy chục năm, tôi chờ đợi ngày này ! Bảy mươi tuổi rồi, tôi mới được thấy ngày nay ! », lòng cụ lăm lăm : « Các anh Trần-Quí-Cáp, Phan-Chu-Trinh, Ngô-Đức-Kể, Phan-Bội-Châu, phải chi các anh cùng có mặt với tôi ở đây, giờ phút này. »

Và từ giờ phút này, nhà chí sĩ bảy mươi tuổi ấy bước vào con đường mới.

Bộ trưởng bộ Nội vụ của Chánh phủ Liên hiệp Quốc gia Kháng chiến.

Tường nay — mười hai năm sau — chép lại chức vụ, tên đảng phái của Chính phủ có cái tên khá dài mà bốn ngày sau khi chào đời lại ngưng kháng chiến, và liên hiệp bắt đầu sút mẻ ấy,

cũng là điều giúp chúng ta hiểu thêm vì sao cụ Huỳnh lại cùng ai « sống gói một con thuyền chung chạ ».

Cố vấn tối cao : Cựu Hoàng-đế Bảo Đại.

Chủ tịch : Hồ-Chí-Minh (*Cộng sản*).

Phó chủ tịch : Nguyễn-Hải-Thần (*Cách mạng Đồng minh hội*).

Bộ trưởng bộ Ngoại giao : Nguyễn-Trường-Tam (*Việt-nam Quốc dân đảng*).

Bộ trưởng bộ Nội vụ : Huỳnh-Thúc-Kháng (*không đảng phái*).

Bộ trưởng bộ Kinh tế : Chu-Bá-Phượng (*Việt-nam Quốc-dân-đảng*).

Bộ trưởng bộ Tài chánh : Lê-Văn-Hiến (*Cộng-sản*).

Bộ trưởng bộ Quốc phòng : Phan-Anh (*không đảng phái*).

Bộ trưởng Y tế : Trương-Đình-Tri (*Cách mạng Đồng-minh-hội*).

Bộ trưởng Quốc gia Giáo-dục : Đặng-Thái-Mai (*Cộng-sản*).

Bộ trưởng bộ Tư pháp : Vũ-Đình-Hồ (*Dân chủ đảng*).

Bộ trưởng bộ Công chánh : Trần-Đặng-Khoa (*Cộng-Sản*).

Bộ trưởng bộ Canh nông : Bô-Xuân-Luật (*Cách mạng Đồng minh hội*).

Ủy viên quân sự hội :

Chủ tịch : Võ-Nguyên-Giáp.

Phó chủ tịch : Vũ-Hồng-Khanh.

Cố vấn : Nguyễn-Vĩnh-Thụy.

Ngày 9-3-1946, ký kết Hiệp định sơ bộ Pháp — Việt.

Rồi hội nghị Đà-lạt, ngày 17-4-1946 với trường phái đoàn : Nguyễn-Trường-Tam (26).

Rồi hội Liên-hiệp Quốc dân Việt-nam gọi (tắt là : Liên-Việt) ra đời (27-5-1946); Chủ tịch danh dự : Hồ-Chí-Minh, Chủ tịch : Huỳnh-Thúc-Kháng; Phó chủ tịch : Tôn-Đức-Lhăng ; Tổng thư ký : Cù-Huy-Cận ; nhân viên : Trần-Huy-Liệu, Phạm-Ngọc-Thạch, Ngô-Tử-Hạ, Nguyễn-Tường-Long.

Rồi phát đoàn chính phủ đi dự hội nghị Fontainebleau ; Hồ-Chí-Minh giao quyền chủ tịch cho Huỳnh-Thúc-Kháng ; Phạm-Văn-Đồng làm trưởng phái đoàn, thế Nguyễn-Trường-Tam vào giờ chót bỏ sang Tàu. Ngày 28-5-1946, phái đoàn chính thức dự hội nghị Fontainebleau khởi hành, Hồ-Chí-Minh cũng sang Paris với tánh cách riêng. Phái đoàn gồm :

Phạm - Văn - Đồng (trưởng đoàn)
Phan-Anh, Trịnh-Văn-Bính, Tạ-Quang-Bửu, Hoàng-Minh-Giám, Nguyễn-Mạnh-Hà, Bửu - Hội, Nguyễn - Văn - Huyền, Huỳnh-Thiện-Lộc, Dương - Bạch - Mai, Chu-Bá-Phượng, Đặng-Phúc-Thông.

Chính lúc này, Hànội như vạc dầu sôi. Có quân đội Pháp, có sự chống trả công khai hay ngầm ngấm của Đại-Việt, Duy-Dân, Đồng-minh hội và Việt-nam quốc dân đảng..., cán bộ cũng như bộ đội.

(26) Với Võ-Nguyên-Giáp, Vũ-Trọng-Khánh, Hoàng-Xuân-Hân, Vũ-Văn - Hiến, Trịnh-Văn-Bính, Nguyễn-Mạnh - Tường, Cù - Huy - Cận, Nguyễn-Văn-Huyền, Dương-Bạch-Mai và vào giờ chót, Hồ-Hữu-Tường.

Đó là lúc Việt-minh thỏa thuận với quân đội Pháp để diệt trừ phe đối lập, rõ ràng hơn, là Việt-nam quốc dân đảng.

Huỳnh-Thúc-Kháng, bộ trưởng bộ Nội vụ, kiêm quyền chủ tịch, song vị chúa tể ra mặt của nước Việt lúc bấy giờ, vắng Hồ-Chí-Minh, là Võ-Nguyên-Giáp. Một mặt, họ Võ dùng võ lực (của mình và của thực dân Pháp) để diệt, một mặt, Nguyễn-Giáp dùng chánh trị để loại, một mặt, vị giáo sư cũ của tư thực Thăng-long ra tay đàn áp hay có ít xích ra nhiều để dìm thanh danh đảng quốc gia kỳ cựu có công, có thể, có tiếng này và có thể lật đổ chánh quyền cộng sản.

Hai vụ đã làm dư luận Bắc và Trung phấn uất và ngằn ngor.

Vụ đường Ôn-Như-Hầu (Bonifacy cũ), số 7, ở Hà-nội.

Vụ cầu Chiêm-sơn, ở Quảng-nam.

Chúng tôi thấy có bốn phần nhắc sơ qua hai vụ này, vì người trai « nào sợ Côn-lôn » của chúng ta, cụ Minh-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng, gián tiếp có dự phần, phần trừng trị, sau khi đầu đó đã xong xuôi. Nhất là khi ấy có dư luận rằng « cụ Hồ » đi, để « cụ Huỳnh » gánh lấy trách nhiệm diệt trừ các phe quốc gia đối lập có thực lực.

Hà-nội, những ngày 11, 12, 13 tháng 7 năm 1946.

Các trụ sở Đồng minh hội, Việt-Nam quốc dân đảng bị bao vây và khám xét thành linh. Tại trụ sở đường Ôn-Như-Hầu, Công an bắt gặp : bảy xác người mà hai mới bị sát hại, phòng

tra tấn trang bị đầy đủ máy móc dụng cụ điện khí tối tân, xương làm bạc giấy, và đào vườn lên, cả chục xác vừa chôn, có những xác răng bị bể, có cả xác người Pháp. Ở vài trụ sở khác, cũng cảnh tương tự nhưng ít « rừng rợn » hơn.

Người đảng viên đảng Cộng sản tự nhiên cho sự thật là thế, và nguyên rủa Việt-nam quốc dân đảng không tiếc lời ; người đảng viên Việt-nam Quốc dân đảng thì cho là đảng Cộng sản bày nên chuyện để làm mất thanh danh đảng mình và có cơ để mà thẳng tay đàn áp, và hết sức căm thù đảng Cộng sản. Đồng bào lúc ấy thì phần đông tin theo lý lẽ mạnh.

Riêng tôi được dịp trò chuyện với vài bạn bậc đàn anh lúc bấy giờ có nhiệm vụ điều tra vụ Ôn-Như-Hầu, thì các bạn ấy cho biết « sự thật » — tự nhiên là theo các bạn ấy — như sau đây : (các bạn ấy, sanh viên miền Nam nhà văn đất Bắc, vốn không đảng phái, và chẳng binh ai bỏ ai).

Quả thật, tại trụ sở VNQDD. ở đường Ôn-Như-Hầu, và vài trụ sở khác, có dụng cụ tra tấn, có xác chết..., song căn cứ vào đó mà kết luận rằng VNQDD chủ trương giết người, lấy của... là sai. Và lại, trụ sở đường Ôn-Như-Hầu chỉ là một trụ sở gác. Số là VNQDD. lúc bấy giờ cần có nhiều đảng viên, nên việc thu nạp có phần hối hả và bừa bãi. Một số lưu manh nhờn cơ hội đó mà « chui » vào tổ chức để an thân (đảng Cộng-sản cũng chung trường hợp ấy). Tiền đảng cấp không đủ cho các « tướng bán Trời không văn

tự » ấy ăn, tiêu, nên mới xoay sở đủ cách...

Vậy tra tấn để làm tiền, giết chóc để lấy tiền in bạc giả là hành động riêng rẽ của một số ít « đảng viên bất hảo » của VN QĐĐ. tại Hà-nội lúc bấy giờ mà thôi.

Tưởng cũng nên nêu một « sự thật » nữa : quân đội Trung-hoa đóng tại nơi này trước khi VNQĐĐ. mượn làm nơi huấn luyện cán bộ quân sự khu VII của họ. Kể làm người chịu.

Song le, do mảnh khoé « có ít xích ra nhiều » của đảng Cộng sản mà có kết luận và kết quả sau đây :

Kết luận : Việt-nam Quốc dân đảng thù tiêu đồng chí thật tình cộng tác với chánh phủ Liên hiệp Hồ-Chí-Minh, tra tấn dã man đồng bào để làm tiền, đến bị chết mà còn bị bẻ răng vàng.

Kết quả I : con người khảng khái, thật thà là Bộ trưởng bộ Nội vụ kiêm quyền Chủ tịch Chánh phủ là người phần uất hơn ai hết. Lịnh : *phát trưng trị* để làm gương ban ra.

Kết quả II : Một số lớn cán bộ thành, khu phố của V.N.Q.D.Đ. phải ngậm một khối căm hờn trong ngực thất. Cơ sở chánh trị của VNQĐĐ. ở thủ đô có thể nói chẳng còn gì. Và cùng một lúc, cơ sở quân sự của VN QĐĐ. ở Việt tri, Phú thọ... cũng chẳng còn chi.

Sau đó không bao lâu là vụ cầu Chiêm-son.

Một chuyến xe lửa ở Đà-nẵng vào, chở Vệ quốc quân giải phóng Nam-bộ.

Đến đầu cầu xe bỗng ngừng. Nhân viên hỏa xa bắt liền một tên thợ rèn đang tháo bù lon cầu, cốt cho xe lật. Cả chuyến xe, cả tỉnh Quảng-nam phần uất và ngạc nhiên.

Rồi im lặng trong đôi tháng. Dư luận như trên than hồng.

Kết quả : gần hết lãnh tụ và cán bộ nòng cốt của V.N.Q.D.Đ. tỉnh này bị bắt trong một ngày, một giờ.

Bởi vì, theo lời khai của tên thợ rèn phá hoại kia, hẳn được thuê làm cho tàu hỏa trật đường rầy ngay trên cầu ; người thuê hẳn là một đảng viên V. N.Q.D.Đ., và theo lời khai của các lãnh tụ — với « chữ ký đảng hoàng » — thì ngày ấy, hai bên đầu cầu, các lãnh tụ này với đảng viên đã phục sẵn để xông vào cướp khi giới của Vệ quốc quân để hầu lập chiến khu ở vùng Tam-kỳ.

Người chí sĩ Quảng-nam họ Huỳnh, đương kim Bộ trưởng bộ Nội vụ, kiêm quyền Chủ tịch Chánh-phủ lại phần uất, ngạc nhiên và khờ sờ.

Sau vụ cầu này, uy tín của V.N.Q. D.Đ. ở miền Nam Trung-bộ — đối với dân chúng vốn dễ tin — bị giảm rất nhiều, còn tổ chức cả quân sự lẫn chánh trị hầu như tan rã.

Chẳng biết giờ đây, mười hai năm qua, anh chị em V.N.Q.D.Đ. nhớ lại việc xưa, oán hờn hay tội nghiệp người giữ bộ Nội vụ lại quyền Chủ tịch lúc bấy giờ ?



Còn người chí sĩ có quyền kia mạnh
tay thảo « Hịch cứu quốc »

« Nay nước Việt-nam ta.

Đất mở Viêm-phương,

Sao bày Dục, Chấn,

Đông, Tây khu vực chia tường,

Nam, Bắc sơn xuyên định phận.

Trọng văn thượng võ, quốc thể hùng
cường,

Cự Tống binh Chiêm, binh uy càng
phấn chấn.

Chẳng ngờ vừa thế kỷ mười chín,

Việc duy tân lỡ bước, cơ nghiệp
suy vi,

Họa để quốc thành hình, nhân dân
đổ thán.

Quí thần trời đất chẳng bao dung,
Quốc sĩ lê dân đều oán hận,

Rồi từ đó :

Hoàng-Hoa khởi nghĩa...

Đội Cận hùng binh...

Tiểu thay võ lực chẳng hơn người,

Ngán nổi thời cơ không toại chí.

Thù phục quốc, tù Côn-lôn, Lao-bảo,
tháng ngày giam cầm, chịu lao lung
thống khổ cơ hàn,

Gan anh hùng, người hải ngoại, kẻ
biên cương,

Sóng núi bốn ba (...)

Năm ất-dậu mà thu vừa tháng tám,

Trong ngoài hiệp mặt, ngày vinh
quang độc lập tới rồi đây,

Nam Bắc giao thân, mỗi hạnh phúc
tự do vui chẳng xiết.

Việc bang giao thân thiện Đồng minh,
muốn người đều biết.

Nào ngờ...

Hỡi công dân nước Việt !

Trước cơ nguy, mau hết sức đồng tâm,

Giữ lãnh thổ đừng cho chia đất Việt.

Toàn thâu thắng lợi, đội tương lai
lên đài vũ vinh quang,

Tranh đấu thành công, bước độc lập
dựng cơ đồ vĩnh viễn. » (26)

Rồi đến nước phải cùng người Pháp
giải quyết bao vấn đề bằng máu lửa.
Đảng Cộng-sản Đông-dương đã sắp đặt
trước : vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, thì giao
cho Hồ-Tùng-Mậu, Đặng-Thái-Mai, vùng
Nam-Ngãi-Bình-Phú, thì phái Phạm-
Văn-Đồng, Huỳnh-Thúc-Kháng. Vì họ
còn lạ gì : Nghệ-Tĩnh và Nam-Ngãi,
hai lò cách mạng của dân tộc, gan lì
cũng ghê, mà bướng bỉnh cũng lắm, khi
ủng hộ thì ủng hộ hết mình, mà lúc
đả đảo, thì đả đảo hết sức.

Riêng về Nam-Ngãi, « quốc tế » và
« quốc gia » găng nhau đến cực độ, mà
sức lực, uy thế cũng ngang nhau, nên
người chiến sĩ quốc tế nhiều kinh nghiệm
và mềm dẻo là Phạm-Văn-Đồng, người

(26) Trích ở quyền « Huỳnh-Thúc-Kháng »
của Thế-Nguyên. — Tân-Việt xuất bản. — Sài Gòn,
1950.

Quảng-ngãi, cùng Huỳnh-Thúc-Kháng, người chỉ sĩ quốc gia dư uy tín và khẳng khái, người Quảng-nam, được « đưa về nguyên quán », đại diện cho Chánh phủ trung ương ở miền Nam nước Việt.

19-12-1946.

Máu lửa tôi bởi khắp nước.

Cuộc trường kỳ kháng chiến và trường kỳ gian khổ bắt đầu.

Sự đoàn kết của toàn dân cần hơn lúc nào hết.

Mà miền Nam-Ngãi Bình-Phú lại có cơ chìm trong chia rẽ. Dải đất chạy dài từ đèo Hải-vân đến núi Thạch-bì, ngo ra biển lớn Thái-bình, dựa vào « Tây-nguyên bao la » này giữ một vị trí đặc biệt, về mặt kinh tế cũng như quân sự.

Chỉ xin nhắc lại một cuộc đại hội nghị ở miền Nam lúc bấy giờ để chúng ta cùng hiểu vì sao sự có mặt của vị chỉ sĩ lão thành họ Huỳnh ấy là cần, là rất cần.

— Không khí buổi đại hội như đây điện lực. Người đại biểu Cao-đài nhắc đến cả ngàn tin đồn chết oan, người đại biểu Việt-Nam quốc dân đảng gọi vụ cầu Chiêm sơn, người đại biểu Mác-xít đệ tứ phẫn uất vì cái chết của Tạ-Thu-Thâu, người trung lập than phiền lệnh ngưng xử tử của « cụ Hồ » bị nhà cầm quyền địa phương im lại, để gắp rút chặt đầu một số người...

Máu những kẻ thác oan chết uổng như muốn ngập hội trường.

Chính phút ấy, ông già gầy gò, yếu đuối, với cái áo dài đen, với cái khăn đóng, với đôi kính trắng, với gương mặt xương, với bộ râu hiền, với cái miệng

móm bỏ cái gậy cầm nơi tay, mà quay lại, chấp hai tay run run mà vái cùng khắp :

« Già xin với tất cả đồng bào. Việc đầu, còn đây. Lịch sử sau này xét lại. Chúng ta có làm gì bây giờ thì người chết cũng chẳng sống lại được. Mà giặc Tây dương sờ sờ kia. Trước mặt, sau lưng, dưới biển, trên rừng, trên trời, dưới đất. Chúng ta mà chẳng một lòng đoàn kết lại để chống kẻ thù chung đang quyết đặt ách nô lệ lại trên đầu cổ chúng ta, thì nước non này sẽ ra sao, bọn chúng ta sẽ ra sao, lũ con cháu chúng ta sẽ ra sao ! Đuôi thẳng giặc Pháp đi đã, rồi việc trong nhà, chúng ta sẽ bàn, sẽ xét lại sau. Đầu còn đó. Đồng bào mà chia rẽ thì thẳng Tây xông vào, chúng ta liệu sống có được không ? Bao nhiêu tội lỗi, lỗi lầm đã qua, già này xin chịu cả. »

Ai còn lòng nào mà làm khổ thêm con người chắt chùng 70 tuổi, mà trong đó hết 13 năm ở đảo Côn-lôn, vì nước.

Phải chăng vì thế mà dự hội nghị về, thân phụ tôi trả lời tôi : *Chúng ta đều là những kẻ đáng thương*. (27)



*« Nền xã hội rất cần là sự Sống ;
Gạo với Tiền, hai giống đứng đầu tiên.*

Đường máu thông là nhờ có món Tiền,

Mà món Gạo khởi nguyên ra mạch máu.

Điều kiện ấy nếu thiếu phần chu đáo,

(27) Xin xem lại đoạn « Ông già sắp chết », Bách-Khoa, số 33.

Không bao lâu mạch máu sẽ thấy
ngừng.

Cái dạ dày mà vài ba bữa ở dừng,
Nguồn sinh lực đã nửa chừng hết
chạy.

Lò máy nóng vì thiếu than hết cháy
Còn sức gì bay nhảy với ai sau.
Vậy muốn cho đời Sống được nâng
cao,

Tiền với Gạo vốn đề cao tuyệt đối.
Huống chỉ lúc nột loạn ngoại xâm
đang rắc rối,
Nào phụ nữ, nào thanh niên, nào
tiền phong, nào hậu đội.

Thiếu cái này trăm mối thấy rung
rinh.

Ma đói kia đã bạch nhật hiện hình
Lừ lừ đến chực rình bên cửa sổ
Tự cò hữu Tiền do hữu Thổ
Đuôi ma này nhờ có sức lao nông.
Bạn trai nên kéo về đồng.

Bài thơ « Gạo và Tiền » của người
đại diện tối cao của Chánh phủ trung
ương ấy cho ta thấy tinh thần người
còn hăng, mạnh, trong khi thân thể đã
quá nhược suy. Bao nhiêu sức lực và thì
giờ còn sót, cụ dốc hết trong công
cuộc cổ động cho hội Liên-hiệp quốc
dân Việt-nam (gọi tắt: « Liên-Việt »)
để đi đến đại đoàn kết thật sự; cụ
lại còn thảo hịch gọi cho các giới Hoa-
kiều hô hào đoàn kết.

Lao tâm, lao lực, sức mỏi, hơi tàn,
người chí sĩ già, bạn của Trần-Quí-
Cáp, bạn của Phan-Châu-Trinh, bạn của

Ngô-Đức-Kế, bạn của Phan-Bội-Châu,
ngọa bệnh. Có lẽ biết mình không sống
được bao lâu, cụ không chịu uống
thuốc. Bài thơ cuối cùng của cụ, đọc
trên tấm phản bệnh, như sau :

« Bệnh lão sao mà giống Ngọa-Long,
Việc nhiều ăn ít mạch như lông.
..... (28)

Tiền tiện đêm đi ít sáu lần.
Tiêu khát trà ngon dùng chẳng hiệu,
Trừ trung thuốc bỏ uống hoài công.
Bệnh mình mình chữa còn là quý,
Hơn bạn Đông-du tiếng thọ ông... »

Cụ còn đủ sáng suốt, nhân tin về cho
một người cộng sự cũ thời « Tiếng
dân » (mà cũng là người đồng hương)
vào đề cụ dặn dò đôi việc, nhưng vì
hoàn cảnh, người cộng sự thân tín kia
chẳng lên đường được.

Cụ yên lặng nằm chờ chết.

Và cụ chết, không trời trăng gì—, trừ
chỗ chôn —, không một người thân quyến
ở bên.

Ngày cụ chết là ngày 21-4-1947, nhằm
ngày mùng 1 tháng 3 năm丁未, lúc 9 giờ sáng. (29)

Nơi cụ chết : thôn Phú-bình, xã Hành-
phong, huyện Nghĩa hành, tỉnh Quảng-
ngãi.

TỪ NƠI CHẾT TỚI NƠI AN NGHỈ

« Nọ núi Ấn, này sông Đà,

« Non sông ấy còn chờ ta thù diệt. »

(28) Các bạn nhớ bài này lại quên mất câu
thứ ba ni. Vì nào hoặc bạn nào còn nhớ, xin
cho biết, chúng tôi xin cảm tạ, trước.

Hai câu thơ này trong bài thi lưu biệt bạn đồng chí trước khi lên đường ra Côn-đảo, chẳng biết có phảng phất trong trí nhớ cụ lúc cụ nằm dài đợi chết không ?

Sông Đà vốn xa, lại càng xa vì thời chinh chiến, lại thuộc vùng địch chiếm. Núi Ấn, thì gần, cách chừng 11 cây số.

Núi Ấn lại ở sát sông Trà.

Sông Đà với sông Trà, âu cũng cùng một vận.

Ý muốn sau cùng của cụ được nhà cầm quyền thực hiện.

Ba ngày sau, cất đám. Có người rề vào kịp để chịu tang.

Đám tang cụ cử hành rất trọng thể.

Các cơ quan, các đoàn thể đều có phái đại biểu đến.

Một chiếc xe cam nhông được sửa soạn thành xe tang.

Cả trường trung học của tỉnh Quảng-ngãi lúc đó — trường Lê-Khiết — đều chịu tang và đi đưa một đoạn đường.

Đường đến chặng bị phá hoại nặng, linh cữu được dân quân khiêng đến đình Chánh-lộ, ở ngay thị xã, và quàng tại đây một đêm.

Dọc đường, đồng bào đứng hai bên đường im lặng chào linh cữu người chí sĩ, áo gài băng tang và mắt ngùi ngùi... Có lắm vị bô lão không cầm được nước mắt.

Khuya lại, đốt đuốc, đưa linh cữu qua sông Trà-khúc, rồi lên núi Ấn (cũng gọi

là Thiên-Ấn) vì e sáng, máy bay địch thấy. Trời mưa lâm râm, lửa đuốc bập bùng, đường đi quanh quẹo, dân người đông đúc kéo dài..., chẳng biết hương hồn tác giả « *Thi từ tòng thoát* », người cựu tù nhơn của Côn-lôn đã từng chứng kiến đám tang rầm rộ của Tây-Hồ, đã từng chứng kiến đám tang âm thầm của Sào-Nam, hương hồn Minh-Viên tiền sinh có nghĩ gì chẳng tá ?

Linh-cữu tạm nghỉ ở chùa. Dân quân lo đào huyệt. Người đi đưa ngồi đợi sáng.

Riêng anh trưởng đoàn kịch tuyên truyền lưu động kháng chiến khu V lo hoàn thành bài hát đề rồi mấy em thiếu sinh quân cùng một chị đoàn viên hát khi hạ huyệt (30).

(29) — Ông Thế-Nguyên, trong cuốn « Huỳnh-Thức-Kháng », do Tân-Việt xuất bản, Sài-gòn, 1950, viết : « Huỳnh-Thức-Kháng (...) mất ngày 21 tháng 5 năm 1947, tức năm đinh-hợi, hưởng dương 71 năm. »

— Ông Philippe Devillers, trong cuốn « Histoire du Việt-nam, (de 1940 à 1952) », xuất bản tại Paris, năm 1932 viết : « ... depuis la mort de Huỳnh-Thức-Kháng le 24 Avril (...) » (... từ ngày Huỳnh-Thức-Kháng chết, 24 tháng tư (...)).

— Ông Thuần-Phong, trong quyển « Sài-gòn-Chợ-lớn chỉ nam », xuất bản năm 1956, Sài-gòn, chép : « Mất ngày 24-4-1947 tại Cầm-thành (Quảng-ngãi). »

Chúng tôi lấy ngày 21-4-1947 vì đó là ngày chúng tôi nhớ phù hợp với ngày một số bạn Quảng-ngãi nhớ, cùng với ngày ông Anh-Minh (người môn đệ sống gần cụ 16 năm trời) ghi trong quyển « Nhà cách mạng công khai và không đảng phái nào hết : cụ Huỳnh-Thức-Kháng », tác giả xuất bản tại Huế, năm 1953.

(30) Chúng tôi được may mắn gặp lại chị N.T.T.D., chị đoàn viên của đoàn kịch tuyên truyền lưu động kháng chiến khu V, có mặt lúc hạ huyệt. Tiếc thay, qua 11 năm lửa đạn, lo âu, chị quên mất lời bài hát nọ, mà chỉ nhớ anh trưởng đoàn lấy nhạc một bài hát buồn đã được phổ biến, và đặt lời ; và chị chỉ nhớ bài hát nhắc đến... vườn chè, đợt chè, uống trà, ngâm thơ...

Và ngày 25-4-1947, khi « kia vắng hồng, tràn lan trên đỉnh núi », nhà chí sĩ họ Huỳnh, tên Hanh, tự Thúc-Kháng, hiệu Minh-Viên, biệt hiệu Sứ-Bình-tử đã thật sự trở về với cát bụi.

Cụ an giấc phía Tây chùa Thiên-Ăn, nhìn về Nam : để luôn luôn thấy nước sông Trà, nơi Cao Biền chém Rồng làm mấy khúc ? để mãi mãi có trước mắt con đường ngàn dặm đất đoàn người Việt tiến vào Nam ? để thỉnh thoảng nhớ người chiến sĩ lao động, vui nông một năm, bên kia sông, xa xa về phía ngọn nguồn ?



KHI NẮP QUAN TÀI ĐÃ ĐẬY LẠI

A. — Về cái chết của cụ

Phần đông cho cụ chết vì già, vì yếu, vì làm việc nhiều. Cũng có một số người cho cụ chết vì khổ tâm, như ông Anh-Minh, trong cuốn « Nhà cách mạng công khai và không đảng phái nào hết : cụ Huỳnh-Thúc-Kháng », trong đoạn « Về Quảng nam và không muốn sống nữa. »

« (...) Cụ có về quê nhà ở Quảng-nam vài tuần. Trong lúc ấy, bà con tới thăm viếng và nói rõ nguyện vọng của dân chúng. Có kẻ tỏ lời bất mãn, Cụ không biết nói gì hơn là có vẻ buồn cho giai đoạn lịch sử hiện tại.

« Chính chỗ khổ tâm trước tình thế, trước sự tương tàn, Cụ không muốn kéo dài đời sống nữa. Trước mắt Cụ trông thấy, Cụ cho rằng đã là người Việt-nam thì ai cũng như nấy, thế mà kẻ thế này người thế khác, gà một nhà bới

mặt đá nhau, cảnh tương tàn phổ diễn chẳng biết có cách gì dần xếp yên. Cụ nhận cảm bệnh rồi vào Quảng Ngãi, trải hai mươi ngày không ăn uống thuốc thang gì để đi về thế giới khác. »

Trong lớp thân hào, thân sĩ, lại có luồng dư luận cho rằng chính Việt cộng đã giết cụ ; kẻ bảo lúc cụ đau nặng, Việt cộng chèn ép việc thuốc thang để cụ chết mòn, người bảo cụ bị Việt cộng đầu độc bằng một thứ thuốc kích thích quá mạnh. Vì lẽ cụ khẳng khái, cụ đã thấy sự thiếu thành thật của Cộng sản, cụ được biết những cảnh đau lòng, tang tóc do Cộng sản gây trong thời khởi nghĩa, cụ cảm mình giữ một hư vị, làm bình phong cho Cộng sản, nên cụ đã nói thẳng, đã nói xẵng, đã tỏ nổi bất bình, đã cản trở phần nào đường đi nước bước của họ, nên họ tìm cách loại trừ cụ.

Giả thuyết này, riêng tôi, tôi thấy khó đứng vững. Toàn quốc kháng chiến mới bùng nổ được bốn tháng. Sự đoàn kết toàn dân ở vùng Nam-Ngãi — Bình-Phú còn lỏng lẻo, giới Hoa-kieu còn cần phải chinh phục, đảng Cộng sản chưa ra mặt trị những phe quốc gia, mà còn mờ nhạt là khác. Đoàn kết, kháng chiến là hai khẩu hiệu đang được nêu cao. Một người chí sĩ lão thành như cụ Huỳnh, người hội trưởng của hội « Liên hiệp quốc dân Việt-nam » ấy chưa phải là chanh vắt không còn nước.

Đành rằng với người Cộng-sản, chúng ta có thể chờ đợi tất cả. Chỉ có cứu cánh là đáng kể, thì phương tiện nào phải là điều đáng lưu tâm. Mạng sống của một người có nghĩa gì. Nhưng đây

chưa là việc cần. Cụ Huỳnh chưa phải là một chướng ngại vật cần san phẳng ngay, chưa phải là cây đinh chướng mắt cần nhổ gắp. Huống chi, họ hiền cụ quá nhiều ; huống chi, cụ như ngọn đèn tim khô dầu cạn. Ghế miệng thối sọ, đứng xa quạt vó mà chỉ, đề ngàn năm bia miệng, đề gây thêm bất bình lúc cần xoa dịu.

Và lại, có Phạm-Văn-Đồng ở đó, người dư khôn khéo và thấy xa đề bác bỏ chủ trương này, nếu chủ trương này quả có thiệt ; người bộ trưởng bộ Kinh tế và đại diện tối cao của Chánh phủ trung ương này đã từng dự định làm một lễ phục hồi danh dự (31) cho Tạ-Thu-Thâu, lễ nào lại vụng về đến nỗi cho phép sát hại một ông bộ trưởng bộ Nội vụ, cũng như mình, đại diện tối cao của Chánh phủ trung ương, lại là Hội trưởng hội « Liên hiệp quốc dân Việt-nam », lại đang gần đất xa trời.

Còn cho rằng vừa về quê hương, thấy, nghe, cụ buồn rầu, chán nản, cụ khổ tâm mà do đó, sanh bệnh, rồi chẳng muốn sống, cụ tự dứt đời mình bằng cách chẳng nuốt hột cơm, chẳng hớp giọt thuốc như ông Anh-Minh đã bảo, thì tôi cũng chưa đồng ý, và xin phép được nghỉ ngơi.

Hắn những ai được gặp, được thấy cụ làm, được nghe cụ nói từ lúc cụ về khu V, mạnh, đến lúc cụ dần mình trên phản, bệnh, đều nhìn nhận rằng cụ đã làm tròn nhiệm vụ của một người đại diện cho Chánh phủ kháng chiến cũng như đã làm tròn nhiệm vụ của một vị hội trưởng một hội mệnh danh

là « Liên-hiệp quốc-dân Việt-nam. » Nào thảo hịch, nào làm thơ, nào hô hào, nào khuyến khích, nào dự hội nghị, nào đi công cán, hơi dù mồn, sức dù mồn, « người dân xứ Quảng » yêu nước thiết tha ấy là hiện thân trung thành của « chút thân già dốc hết cho non sông ».

Quyết xóa thù hiềm, quyết gây đoàn kết, quyết kháng chiến đến cùng, nhà chí sĩ bỏ lão họ Huỳnh ấy có chán nản, có buồn rầu, có không muốn sống nữa chẳng là từ lúc thân hình ốm yếu của mình làm một vớ tẩm phân dầy, từ lúc hai mắt mở rộng chỉ nhìn lên. Nhớ lại, đoán ra, suy nghiệm, thấy người ta phản bội dân lành, rõ người ta thoán đoạt công lao của dân tộc, biết rằng cuộc kháng chiến còn dài trong gian khổ, mà mất tính cách thiêng liêng, cảm rằng sự đại đoàn kết mình mong ước, mình hiến thân, chỉ có trên giấy mực, hiểu rằng mình bị lợi dụng tận đáy..., mà nước non này sẽ ra sao, dân tộc này sẽ đến bến bờ nào..., rồi uất ức ? rồi ghen ngào ? rồi chua xót ? rồi phũ tay ? đề Từ-thần từ từ đến mà không ngăn, không tránh, hoặc cầu mong...

Mấy ức thuyết trên có thể đúng chẳng là chỉ trong khoảng cụ dần mình xuống phản và người ta gỡ cụ lên để đặt vào hòm.

B. — Vài đặc tánh

Người đã được đưa xuống chỗ « mà chẳng một ai trở về », nhưng người đời còn nhắc nhở đến « ông già Tiếng Dân ».

Nhắc đến « ông già Tiếng Dân », người ta làm sao quên được vài đặc tánh của cụ.

(31) Tiếng Pháp : réhabiliter.

Trước hết là *lối sống giản dị*, giản dị trong sự ăn uống: nước mắm, rau muống, muối vừng (bữa cơm của ông chủ báo kiêm quản lý một công ti lớn chẳng hơn gì mấy bữa cơm của thằng tù đầy Côn-đảo), giản dị trong cách ăn mặc, giản dị quá đến thành câu thả: áo không thẳng, quần bầu nhàu, ống cao ống thấp là thường, cái mũ dạ cũ ra cũ rách trên đầu, thêm cái búi tóc và cây dù là cụ có vẻ một ông Lý Toét nào vừa ở chốn bùn lầy ra thăm tỉnh.

Nhớ đến « ông già Tiếng Dân », người ta nhớ đến *tình « ông chủ »* đối với người làm công. Người thầy cò sơ ý hay bận việc mà quên làm nhiệm vụ mình, cụ thay thế, rồi sau đó hỏi duyên do, chớ không trách, rầy liến. Gặp hồi kinh tế khủng hoảng, cũng như lúc công việc còn ít, cụ tự giảm lương mình. Cụ coi người giúp việc như bạn bè hoặc con cháu, khi rầy la, lúc khuyên bảo, lúc nào cũng muốn cho người cộng lực với mình tánh nết thêm hay, hiểu biết thêm giỏi, lương tâm trong sạch. Một sợi dây thân ái bền chặt nối liền « ông chủ » với người làm công.

Nhớ đến « ông già Tiếng Dân », người ta nhớ đến *tánh cứng rắn* của ông. Đã quyết, thì làm, dù ai ngăn, gì cản, cũng cứ đích nhắm mà tiến. Quyết từ chức viện trưởng viện dân biểu Trung-kỳ, thì diễn văn thảo xong, đọc, rồi phủi áo. Ai phải chăng, ai nài nỉ, ai hăm dọa, mặc.

Có lần báo « Tiếng Dân » đăng tin viên đồn Tây ở Tam-kỳ hiếp đáp dân; cái « ông Trời con da trắng toát » ấy tìm đến báo quán, đòi gặp « ông chủ »,

rồi hùng hổ múa tay giậm chơn, làm nhân viên vừa tức bực vừa lo cho cụ. Cụ bèn ôn tồn cho tên xếp đồn hiệu, nếu hần thấy tin đăng thế kia là thất thiệt, thì hần viết bài cải chánh, cụ sẵn lòng đăng ngay. Nhưng hần như xe xuống dốc, la lớn, hét to, sao một tờ báo « An-na-mít » mà lại cả gan dám phê phán việc của một ông Pha-lang-sa làm trong vùng thuộc quyền sanh sát của ông ta. Tức thì cụ cũng đỏ mặt, trừng mắt, bằng lời nói to, bằng cử chỉ mạnh, đuổi hần xuống lầu, đuổi luôn hần ra khỏi báo quán. Lần đầu tiên bị một tên dân bản xứ đối đãi như thế, nên tên xếp đồn khạc ra lửa kia ngạc nhiên quá đối, và rút lui...

Chúng ta hãy nghe ông Anh-Minh kể:

« Một bữa ngồi ăn cơm trong gia đình, Cụ bà trao trái chanh cho Cụ cắt bỏ nước mắm, Cụ cắt ngay chính giữa; Cụ bà nói: « Ông cắt xiên xiên, chứ cắt vậy làm sao có nước? » Cụ nói gắt: « Tôi cắt chính vậy, đời tôi không biết xiên! »

Con người khảng khái, cứng rắn gần như hẹp hòi, cố chấp ấy lại là con người rất biết *phục thiện*. Khi biết mình lầm, vội bỏ ngay; khi thấy người chỉ trích đúng, vội sửa chữa ngay. Một bạn đàn anh của tôi vốn là một cánh tay của cụ, bảo: « Cụ làm việc không biết mệt, viết liên miên, bản thảo cả chồng. Tôi có nhiệm vụ xem lại, cắt những bài nào không thể đăng, hay chưa tiện đăng, cắt xén thêm bớt, rồi đưa cụ xem lại trước khi đăng. Ý cụ thì dồi dào vô cùng, song lời văn thì trực trặc, như phần đông các ông đồ Nho mà viết tiếng Việt vào buổi

ấy. Giải thích cho cụ tại sao gác bài này, bỏ đoạn nì, thêm khúc nọ, sửa câu kia..., cụ chăm chỉ nghe, gật đầu, cười đồng ý và bảo : « Tây mà nó cho mình ra một tờ « La voix du peuple », thì chỉ số bài gác lại chú chú khó dịch ra tiếng Tây, thì một chú một tôi cụng lại dư sức làm hai tờ báo, một Pháp, một Việt ! »

Nhớ « ông già Tiếng Dân », người ta nhớ đến *tánh tự nhiên* của ông, tự nhiên quá thành thiếu xã giao. Bàn chuyện với khách, khách chưa biết nói gì thêm, cụ cũng không còn gì đề hỏi khách, thì cụ đề khách đó, dở tờ báo đọc hay lật sách xem. Lắm bận trẻ không rõ đặc tánh này của cụ, nên cho cụ kiêu ngạo. rồi nuôi thành kiến không tốt về cụ. Nhưng gặp cổ nhân hay người đồng điệu, cụ hết nói lại cười, thao thao bất tuyệt, có lúc ngâm thơ vang dậy, quên cả đất trời, đừng nói chỉ đến mấy in chạy, thợ đứng chờ...

C. - Đôi kỷ niệm

Nhớ đến « ông già Tiếng Dân », riêng tôi, tôi nhớ đến cái lối đặc biệt của cụ — nói cũng như viết — khiến người tha thiết muốn làm, muốn biết một cái gì, đứng khựng lại như xe bị thắng gấp. Như mới đây, có dịp đối ẩm với một bậc đàn anh, ông Nguyễn-Thiệu-Lâu, giáo sư. chúng tôi đi từ chuyện này sang chuyện khác : một người bạn thân của ông. một người thầy quý của tôi, nhóm « Thanh nghị », báo « Thanh nghị », Hà Nội ba mươi sáu phố phường trong những ngày thu 1946, Hồ-Chí-Minh, Huỳnh-Thúc-Kháng.

« Cụ Huỳnh rất dè dặt. Mà phải thế. Biết tin ai bây giờ ? Nhưng mà nghĩ

cũng thiệt cho chúng ta. Anh có đọc bài « *Ký ức về cụ Phan-Bội-Châu* » của tôi chớ ?

— Thưa có, trong « *Lịch sách Sống mới Bình thân* 1956.

— Anh nhớ giỏi đấy.

« Ngày cụ mất, tôi ở Quảng-nam cùng đi học địa lý với anh em học sinh. Chúng tôi đi ba bốn hôm mới về, tôi không nhớ vào dịp lễ nào, lễ Các Thánh thì phải.

« Khi chúng tôi về Huế, cụ đã an táng ngay trong vườn nhà cụ.

« Tôi có lại lễ cụ và hai con cụ, Phan-Nghi-Huỳnh và Phan-Nghi-Đệ, có kể lại cho tôi là cụ chỉ đau có một vài ngày rồi mất một cách thản nhiên như một người nằm ngủ.

« Các con cụ có cho tôi biết là cụ để lại một chúc thư mà mà cụ Huỳnh-Thúc-Kháng giữ.

« Chúc thư này đã được đăng ngay trên báo « *Tiếng Dân* » ở Huế.

« Tôi có lại tòa báo, xin yết kiến cụ Huỳnh và xin cụ cho biết một vài đoạn bị kiểm duyệt. Cụ Huỳnh bảo tôi :

« Đây là một chúc thư của cụ cho dân tộc. Người ta kiểm duyệt vài đoạn. Ông chưa nên biết vội. »

« Năm 1946, khi cụ Huỳnh đã từ Quảng-nam ra Hà Nội, tôi có được cụ cho tiếp kiến và tôi cũng được dịp gần cụ.

« Có một lần tôi nhắc lại chuyện xưa và xin cụ cho tôi biết sơ qua mấy đoạn bị kiểm duyệt.

« Cự trả lời :

— « Biết làm gì ? Hành động là đủ, theo gương của cự. »

Tôi bất giác tiếc thành lời :

— Thật ồong quá ! Chúng ta giờ làm sao mà được biết cái chúc thư trọn vẹn ấy. Chắc rằng người có bồn phận giữ gìn và xuất bản di cảo hai cự là ông Anh-Minh Ngô-Thành-Nhơn cũng không có thì phải, vì mãi đến nay chưa thấy ông công bố tài liệu lịch sự vô giá này.

Ông giáo sư chuyên về Sử, Địa ngồi trước tôi trầm ngâm một lúc :

— Cự Huỳnh đã mang chúc thư cự Phan để lại cho quốc dân về dưới suối vàng.

Tôi bỗng nhớ đến chút kỷ niệm về cự. Phan-thiết, Quảng-ngãi. Rồi Tuy-hòa, Hà-tĩnh, Hà-nội.

Tôi đến Hà-nội vào đầu thu 1946. Thấy tôi vốn có dự vào cuộc cổ động phong trào Đông-du, vào cuộc chống sưu ở Quảng-ngãi, vào việc cổ động đồng bào Bình-thuận góp tiền mua cổ phần công ti Huỳnh-Thúc-Kháng, rồi tặng cự đề cự có đủ số cổ phần cần thiết mà giữ chức vụ quản lý của công ti, nên cùng cự là chỗ biết quen. Lúc thấy tôi bị đầy Lao-bảo, (31) rồi sau, bị phát hồi nguyên vì một tên cường hào kẻ vạch, cự có lời bình vực trên mặt báo « Tiếng Dân ». Tôi vốn canh cánh bên lòng việc đính chánh một chỗ sai sót của cự trong cuốn « Thi tù tùng thoại » có đính lúu đến riêng gia đình tôi và chung cả làng tôi. Thư tôi gửi bộ Nội-vụ hôm trước, thì hôm sau, thư cự trả lời

phòng Nam-bộ. Mười hai năm qua. Hà-nội. Quảng-ngãi. Sài-gòn. Qua bao xáo trộn ở thân, trong óc, nơi lòng. tôi may còn nhớ được :

« Cháu,

« Bác mới được thư cháu.

« Bác ở Huế ra đây, tay không. Cháu lại Thư viện trung ương hỏi tìm, chắc còn « Thi tù tùng thoại » và báo « Tiếng Dân » củ Nhưng mà chỉ vậy cháu ?

« Cháu từ quê mẹ ở Bình-thuận về quê cha ở Hà-tĩnh, rồi ra thủ đô của đất nước, lý nào lại lo làm con một sách, phí thì giờ để đính chính một chỗ sai trong một quyển sách. Bác có thể nhớ sai, chép lộn ; bác Tú Kiên vì một lẽ gì kẻ chẳng đúng sự thật. Nghĩ lại cũng chẳng sao.

« Năm, sáu năm nữa, cháu sẽ làm việc đó, cũng chẳng muộn gì. Giờ, thì hành động đi đã. Thấy cháu chắc cũng đồng ý với Bác,

« Có gởi thư cho Thầy cháu, nói Bác có lời thăm.

« Bác mong cháu nghe lời Bác. »

Tôi đã nghe lời.

Và mãi mười hai năm sau khi nhận được thư ấy, tôi mới có bài đính chính chỗ sai sót trong quyển « Thi tù tùng thoại » (31), thì cự an nghỉ đúng mười một năm và thấy tôi không còn đã năm năm chẵn.

(31) Xin xem « Một chuyện từ Côn-lôn vượt ngục, 40 năm về trước », Bách-khoa số 9, và « Một đêm », Bách-Khoa, số 15.

D.— Mười năm sau.

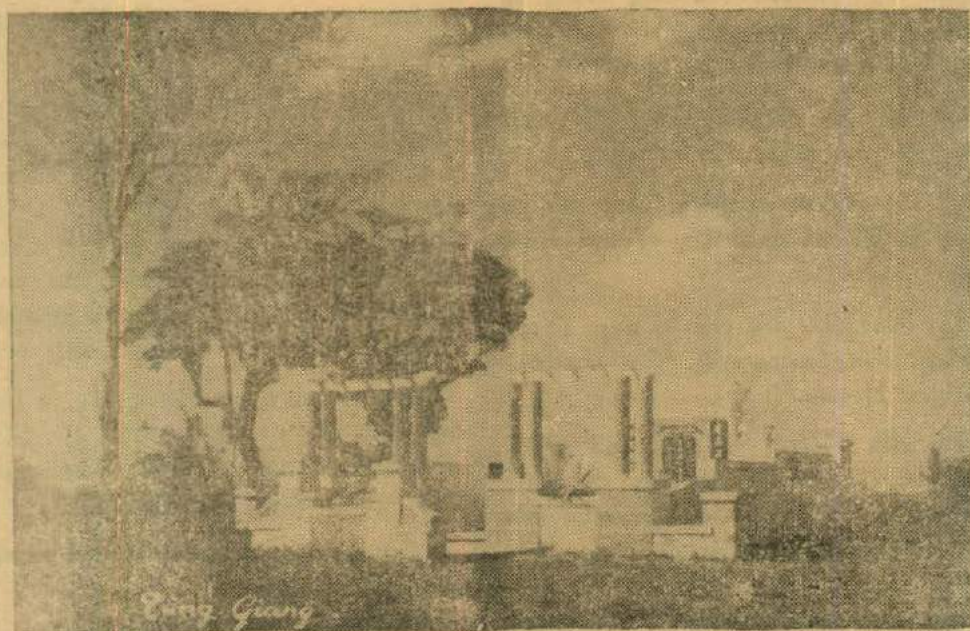
1957.

Quảng-ngãi lĩa bàn tay siết chặt của Việt-Cộng đã ba năm. Nhà ở, đình, chùa, miếu, lãng, nhà thờ được sửa, cất. Mộ nhà chí sĩ họ Huỳnh hết chìm trong lạnh lẽo.

Xin trích một đoạn mở đầu và đoạn kết của bài diễn văn của ông tỉnh trưởng đọc trong dịp này, gọi là đề ghi một việc làm và một ngày lịch sử :

« Kính thưa Liệt Quĩ Vĩ,

« Hôm nay, trong giờ phút cảm động và thiêng liêng này, tôi đến đây với



MỘ CỤ HUỖNH, NÚI THIÊN-ẤN — QUẢNG-NGÃI (ảnh của hiệu Minh-Cảnh, Quảng-Ngãi)

Ông tỉnh trưởng Mai-Ngọc-Dược (32) cùng một nhóm thân hào cổ võ việc sửa sang lại mộ cụ. Công, của góp lại, chẳng bao lâu mộ đã trùng tu.

Lễ khánh thành được tổ chức trọng thể, sáng ngày 3-9-1957. Tiếc rằng thiếu vị đại diện của Chánh phủ trung ương. Ban tổ chức đã quên mời ? Hay Chánh phủ còn nghĩ ngợi ?

lòng đầy chân thành kính cần, xin nghiêng mình bái niệm vong linh Vĩ Tiên-Liệt ái quốc — Minh-Viên tiên sinh — Người đã anh dũng treo cao gương sĩ khí, trọng phu, trong thời vong quốc 10 năm về trước.

.....

(32) Hiện là tỉnh trưởng tỉnh Long-an (Chợ-lớn + Tân-an)

« Kính thưa Liệt Quí Vị

« Không ai chối cái được quăng đời của Huỳnh Tiên-sinh từ năm 1945 trở về trước là một quăng đời Chiến sĩ Cách mạng hoàn toàn, và thời gian mấy năm Tiên sinh phục vụ trong ngục quyền Việt-Cộng chỉ là một hành động « mái chèo ngư phủ cần sống ba đào », Tiên-sinh không hề bị mua chuộc vì vinh hoa danh lợi, Tiên-sinh chỉ mưu đồ tiếp tục hoạt động Cách mạng theo lý tưởng của Tiên-sinh ở trong một địa hạt hiểm nghèo phức tạp, thì không lý gì tên tuổi của Tiên-sinh phải bị lu mờ trên đài Liệt sĩ, để cho hậu thế phụ phàng... Đó là quan điểm của chúng tôi, cũng là của một phần tử luôn luôn sẵn sàng sùng mộ những danh nhân liệt sĩ chân chính, có công với Nước với Dân,

« Trân trọng kính chào Liệt Quí Vị. »

E. — Công hay tội ?

Tôi hoàn toàn không đồng ý với ông Anh-Minh về điểm sau đây, điểm mà ông nêu lên ở cuối bài « Thay bài tựa » (viết năm 1952) trong cuốn « Nhà cách mạng công khai và không đảng phái nào hết : cụ Huỳnh-Thúc-Kháng » ; ông bảo :

« Một điều xin nói, viết về đời Cụ, chúng tôi tuyệt nhiên không dám hạ một lời phê bình. Vì làm việc ấy, cần phải tài, đức, trí, chí, đầu không hơn, không bằng, thì ít nữa cũng được đôi phần nào như người mình phê bình ; nếu không, sẽ chẳng khác nào chú lùn xem hát, người mù đứng giữa đám đông, khen chê đều hòa theo miệng chúng

Và lại, đời các Cụ, như cụ Huỳnh, đã có một đoạn lịch sử minh minh bạch bạch giữa tai mắt mọi người, khen hay chê đều là thừa cả. »

Quyền khen, chê là quyền của mọi người, người đồng thời cũng như người đến sau. Còn khen đúng, khen sai, chê sai, chê đúng hay khen vì mù quáng, chê vì tư hiểm, lại là chuyện khác.

Thay lời tựa, ông Anh-Minh có lời như thế, kết luận, ông có đoạn như vầy :

« Việc Cụ nhận chân Nội-vụ bộ trưởng chính phủ Hồ-Chí-Minh, chỉ là việc muốn thừa thế để cứu vãn nước nhà, trong lúc « ngàn năm một thuở ». »

« Nhưng liệu thế không xong, cụ tự tìm đường rút lui một cách âm thầm.

« Đối với việc cụ ra giữ chân Nội-vụ, có một luồng dư luận — nhứt là các đảng phái đối lập với V.M. — cho rằng Cụ vì quá chân thật nên đã bị người ta lợi dụng, (33) không rõ thế nào. (33) Chúng tôi xin nhường lời phê bình cho nhà sử gia chân chính hiện tại và trăm ngàn năm về sau. »

Ông Anh-Minh lại bó buộc những ai có ý muốn phê bình cụ Huỳnh : phải là sử gia, lại là sử gia chân chính.

Riêng người viết bài này chẳng hề nghĩ rằng mình viết sử, mà chỉ kể, bản một nhân vật lịch sử nước nhà, nhân ngày giỗ của người. Mà người ấy an giấc mới mười một năm, bao ần tình, bao bí mật,

(33) Có lẽ hai dấu chấm câu này (, và.), thợ sắp chữ dễ lộn vị trí chăng ? Theo chúng tôi thì nguyên văn có lẽ : « ... đã bị người ta lợi dụng. Không rõ thế nào, chúng tôi xin... »

bao thấy nghe, bao giấy tờ chưa được khám phá, phô bày, khai thác, nhắc cân, lừa lọc.

Phần chủ quan, chỗ thiếu sót, làm sao tránh khỏi.

Chỉ vì tự cho là một bồn phận phải làm, còn có góp chút cón con gì vào lịch sử một đời, lịch sử một thời, thì thật chẳng dám nuôi tham vọng ấy.

Vụ Ôn-Như-Hầu, vụ cầu Chiêm-sơn, chung quanh cái chết cùng nỗi lòng của cụ, chẳng qua là những nhận xét, đoán suy của một số người có dự ít nhiều, gần xa. Dám dẫu cho đó là sử liệu. Mấy lời Nguyễn-triệu-Luật, nhà viết lịch sử tiểu thuyết có danh đã bị Cộng sản sát hại, viết tại Vinh từ hai mươi năm trước, (34) vẫn như văng vẳng bên tai:

« Những chuyện đó còn gần ta quá. Gần thì ra xét bằng tính tình nhiều hơn bằng lý trí vì mới là chuyện của cha ta, ông bà ta mà thôi. Xét bằng tình thì hay lệch. Lệch từ người chép chuyện đến người nghe chuyện. Tôi không được như Gia-Cát Võ-hầu, không dám tự phụ rằng: « Lòng ta như cái cân, chẳng ai làm cho nặng nhẹ được. » (Ngã tâm như xứng, bất năng vì nhân tác khinh trọng). Một sử gia Tây Âu nói rằng:

« Việc chưa qua năm mươi năm chưa thuộc sử » (35)



Mở đầu, xin nhường cho người Pháp nhận xét, phán phê. Philippe Devillers, trong quyển « Histoire du Việt-nam (de 1940 à 1952) » (36) viết, trang 70-71 :

« Il [Vô-Nguyên-Giáp] avait été incarcéré à Huế. Sorti de prison, il avait repris immédiatement son activité politique et avait adhéré au parti communiste. Pour subsister, il donnait alors des leçons dans une institution privée, l'école Thanh-long [sic] dont le directeur était le vieux nationaliste Huỳnh-Thúc-Kháng (...) »

(Ông ta [Vô-Nguyên-Giáp] bị bắt giam ở Huế. Ra tù là ông ta hoạt động chánh trị lại ngay và vào đảng Cộng-sản. Để sống trong lúc đó, ông dạy học tại một trường tư, trường Thanh-long [sic], hiệu trưởng trường này là vị quốc gia lão thành Huỳnh-Thúc-Kháng (...)).

Ký giả Pháp này đã ghi sai hai chỗ: tên trường tư mà Vô-Nguyên-Giáp dạy (với Đặng - Thái - Mai, Nguyễn - Thiệu-Lâu, v. v...) tên là Thăng-long, chứ chẳng phải Thanh-long, hiệu trưởng trường này là Hoàng-Minh-Giám.

Chẳng những gán cho ông quản lý công ti Huỳnh-Thúc-Kháng, nhà in Tiếng Dân, và chủ nhiệm báo « Tiếng Dân » ở Huế chức vụ hiệu trưởng một trường tư ở Hà-nội, ông Philippe Devillers còn gán cho cụ Huỳnh xuất chính lúc Cách mạng dân tộc vừa thành công và làm giáo sư tại trường tư Thăng-long; ông đã viết trang 177 và 178 :

« Le changement de régime accompli, la période proprement révolutionnaire commençait.

(34) Viết ở Vinh, ngày 29-8-1938, trong « Lời tựa » Bà chúa Chè, « Tân dân » xuất bản lần đầu ở Hà nội, năm 1938, « Bốn phương » tái bản ở Sài-gòn, năm 1955.

(35) Chúng tôi cho in đúng và đậm.

(36) Editions du Seuil. — Paris, 1952.

« L'équipe au pouvoir n'est pas très homogène (...) ... ; d'une part, la « vieille garde » communiste, les pionniers du parti, les compagnons de la première heure d'Hồ-Chí-Minh. (...) »

« En second lieu, l'équipe de professeurs de l'École Thanh-long (Huỳnh-Thúc-Kháng, Võ-Nguyên-Giáp, Hoàng-Minh-Giám, Đặng-Thái-Mai) (...) ».

(Chế độ đổi thay xong, thời Cách mạng thật sự bắt đầu.

Đoàn người nắm chánh quyền không được thuần nhất cho lắm. (...)... ; một phần, là « đôi cựa ngựa làm quân » cộng sản, những người xây dựng đảng, những đồng chí của « cái thuở ban đầu » của Hồ-Chí-Minh. (...)

Thứ đến ban đầu giáo sư trường Thanh-long (Huỳnh-Thúc-Kháng, Võ-Nguyên-Giáp, Hoàng-Minh-Giám, Đặng-Thái-Mai) (...).

Ba chỗ sai, nhưng có một chỗ đúng. Trang 221, ông ghi :

« Intérieur : Huỳnh-Thúc-Kháng (sans parti). »

(Nội vụ : Huỳnh-Thúc-Kháng (không đảng phái).

Và một chỗ dành dành dấu hỏi, để các nhà làm sử xét tại (trang 273) :

« Et c'est à Huỳnh - Thúc - Kháng, ministre de l'Intérieur, personnalité officiellement neutre (en fait entièrement acquise au Việt - Minh) que Hồ-Chí-Minh laisse en partant l'intérim de la présidence. »

(Khi đi sang Pháp đề điều đình, Hồ-Chí-Minh ủy quyền Chủ tịch Chánh phủ cho Huỳnh-Thúc-Kháng, bộ trưởng bộ Nội-vụ, một nhân vật chánh thức thì là trung lập (mà thật sự thì đã hoàn toàn theo Việt-Minh).

Một người Pháp khác, một chánh khách, một sử giả « hòa bình hệt », ông Jean Sainteny, ghi trong quyển « *Histoire d'une patx manquée* ». — Indochine 1945 — 1947, » (37) trang 177 :

Intérieur : Huỳnh-Thúc-Kháng, vieux révolutionnaire de Huế, ancien nationaliste converti au communisme, directeur du journal *Tiếng Dân* ; (...)

(Nội vụ : Huỳnh-Thúc-Kháng, nhà cách mạng lão thành ở Huế, một người quốc gia kỳ cựu đã đổi đường lối, theo cộng sản, chủ nhiệm báo *Tiếng Dân* ; (...)).

Theo Việt-Minh như ông Philippe Devillers ghi, theo cộng sản như ông Jean Sainteny viết, với một người Pháp, thì như « cá đối bằng đầu, các mè một lứa », song với người Việt, thì có phần chẳng giống. Nhưng đó lại là công việc của các sử gia.

Mà chẳng rõ hai ông Nghiêm-Kế-Tô và Phan-Xuân-Hòa, một người viết quyển « Việt-nam máu lửa » (38), một người viết cuốn « Lịch sử Việt-nam hiện kim, 1945 — 1956 » (39), có nhận mình là sử gia chẳng ?

(37) Amiot-Dumont xuất bản. — Paris. — 1953 :

(38) Mai-linh xuất bản. — Sài Gòn. — 1954

(39) Tác giả xuất bản — Sài Gòn. — 1957.

Ông Nghiêm-Kế-Tồ bảo :

— « Về Nội-vụ, Cụ già Huỳnh-Thúc-Kháng chỉ còn đủ gân sức ký những « sắc lệnh » đã được thảo sẵn. »

— « (...) Số người lãnh đạo Liên-Việt, ngoài cụ Huỳnh-Thúc-Kháng (thân V.M.) làm chủ tịch, còn toàn là Cộng sản. »

Ông Phan-Xuân-Hòa ghi :

« Huỳnh-Thúc-Kháng, bộ Nội vụ (quốc gia bù nhìn). »

Rõ ràng hơn, và công tâm hơn, có nhận xét mới đây của ông Nguyễn-Kiên-Trung :

« (...) Phe thứ nhất thành khẩn với tiền đồ của dân tộc, tiếc thay không đủ yếu tố để hiểu biết Việt-Minh rõ ràng hơn, nên có những người đã theo hần chính quyền mới. Trong số, Trung sẽ nhận thấy có các luật sư Vũ-Trọng-Khánh, Phan-Anh, các cụ Bùi-Bằng-Đoàn, Huỳnh-Thúc-Kháng. Việt-Minh, để được sự cộng tác của các vị nhân sĩ này, không ngần ngại đội lốt dân chủ quốc gia thuần túy, và đã ủy thác sứ mệnh cầu hiền cho những cán bộ khôn ngoan nhất. Họ đã thành công, như Trung xem báo tin tức cũng biết, khi thành lập được một chính phủ có bộ trưởng Nội-vụ là cụ Huỳnh, bộ trưởng Tư-pháp là ông Khánh. Rồi sau đây, Trung sẽ hiểu rõ sự hệ trọng, về lý thuyết và chiến thuật, của sự thành công này, sự thành công thật ra không có gì làm to lớn lắm ».

(*Đem tâm tình viết lịch sử.* — Nguyễn Đình-Vương xuất bản — Sài Gòn, 1958.)

Tới đây chúng ta có thể trả các « sử gia » Pháp, Việt về cho sử sách.

★

Khen ngợi cụ trọn vẹn, dĩ nhiên là người Cộng sản.

Ca tụng cụ hết lời, là những người gần gũi cụ lâu, hiểu rõ cụ lắm, như ông Anh-Minh mà thái độ « không dám hạ một lời phê bình » và giao việc ấy cho « nhà sử gia chân chính hiện tại và trăm ngàn năm về sau » là một hiền chứng.

Còn số đông thì tách đời cụ làm hai mà cái ranh là ngày cụ nhận chức bộ trưởng bộ Nội vụ của Chính phủ Liên hiệp quốc gia kháng chiến của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, do Hồ-Chí-Minh lãnh đạo, ngày 2 tháng 3 năm 1946.

Từ ngày đó về trước là : kính, khen.

Từ ngày đó về sau là : chê, trách.

Nhưng được tin cụ mất, ai ai cũng chung nỗi ngậm ngùi. Cùng cụ, một cái gì đi mất, một cái gì được chôn theo...

Riêng vùng « Nam-Ngãi — Bình-Phú », vùng ghi dấu chân, tiếng nói sau cùng, nơi người gởi chút thân già, nơi đã từng có cuộc liên minh trí thức, tôn giáo, địa chủ chống Cộng, thì có một nhận định này, mà chúng tôi xin ghi lại, bởi nó chẳng phải do một số người nào nông nổi, nóng nảy tuông ra, mà cũng là nhận định của những người có trách nhiệm lịch sử giờ đây nữa :

« Nếu cụ Huỳnh không từ Huế nhảy ra Hà Nội nhận chức bộ trưởng bộ Nội-vụ, nếu cụ Huỳnh không từ Hà Nội bay vào

miền Nam Trung-Việt hô hào đại đoàn kết, hô hào toàn dân kháng chiến, liệu Việt-Minh lúc bấy giờ có được đông đảo quần chúng tham gia không ?

« Quả rằng : Việt-Minh thu được những thắng lợi lúc ấy một phần nhờ sự hiện diện của Cụ trong Chánh phủ liên hiệp quốc gia kháng chiến, nhờ cụ làm Hội trưởng hội Liên-Việt mà lôi kéo được những người dè dặt lung chừng chạy theo cuộc kháng chiến do Cộng-sản lèo lái ; (Ai mà quên được lời kêu gọi thiết tha toàn dân tham gia cuộc kháng chiến của người chí sĩ bảy mươi tuổi ấy) không có Cụ trong Chánh phủ, trong hội Liên hiệp quốc dân, thì thời cuộc lúc ấy phải khác. Việt-Minh khó lòng ôm được hết cả giải Trường-sơn vào lòng họ, và có lẽ miền Nam nước Việt đã hăng hái với cuộc kháng chiến, cũng vì đáp lại lời kêu gọi của Cụ.

« Việt-Minh phản bội, mọi người ngã ngựa ra, và đổ lỗi chỉ vì thành thực chạy theo Cụ mà lầm đường, lỡ bước, phí bỏ cả một khoảng đời, phí bỏ cả những hoài bão riêng, để vô tình hiến thân cho bảy quỷ Đỏ. Cơ hội ngàn năm một thuở đã trôi luôn...

« Thế thì, công trước bù vào tội sau, Cụ không phải là người có công, mà cũng không phải là người có tội. Suy tôn, chẳng nên, mà chà đạp, cũng đừng. Hãy để chìm trong im lặng. »

Chủ quan, thiên lệch quá rõ ràng.

Đành rằng cụ Huỳnh - Thúc - Kháng được trọng, được kính, được nể vì trong khắp quốc dân ; đành rằng cụ

Huỳnh-Thúc-Kháng có chân trong Chánh phủ do Cộng-sản lãnh đạo, có mặt trong hội Liên-Việt do Cộng-sản tạo thành ; đành rằng hoạt động tích cực của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng trong việc đại đoàn kết, chống xâm lăng ; đành rằng những điều ấy có ảnh hưởng đến thời cuộc thời bấy giờ, song một phần nào đó thôi ; riêng về uy tín cụ chỉ được về mặt đạo đức, tinh thần, nhiều nhất là ở Trung, còn Nam, Bắc thì có thể nói là chỉ có bề rộng mà chẳng có bề sâu, Và lại, lớp người làm lịch sử, tôi muốn chỉ toàn dân nói chung, và thanh niên nói riêng, xem cụ như một tượng trưng, một cái gì quý báu, nhưng cũ xưa.

Và họ đã chết sống với cuộc chống kẻ thù chung, không phải vì cụ giữ chức bộ trưởng bộ Nội-vụ, vì cụ là hội trưởng hội Liên-Việt, vì cụ hô hào đại đoàn kết và kháng chiến đến cùng. Điều này rõ rệt nhất ở miền Nam nước Việt, phần tươi trẻ, liều lĩnh của nòi Lạc-Việt.

Đảng Cộng-sản Đông-dương là thế nào. Cá nhân Huỳnh-Thúc-Kháng ra sao. Giờ ta dư rõ.

Một bên là chi ngành của một đảng chính trị quốc tế, một đảng kinh nghiệm nhất, khéo léo nhất, quỷ quyệt nhất, tàn nhẫn nhất.

Một bên là một nhà chí sĩ lão thành, trong sạch, bộc lộ, không hoạt động sát dân, không ra ngoài đụng chạm, chỉ có uy tín về tinh thần mà không một hậu thuẫn thực tế.

Thì dù có chống đối nhau, hay bắt tay nhau, kết quả ra sao, ả mà còn lạ.

Cụ Huỳnh mà có đóng cửa, nằm trong lều cỏ mà ngâm thơ đọc sách hay về quê mà trồng chè câu cá, cụ Huỳnh mà có đứng về phe đối lập, quyết tâm chống Cộng, hay trốn sang Tàu, sang Nhật, sang Tây chờ ngày về nước dựng một nước Việt cộng hòa, thì cũng chỉ làm một gợn sóng lăn tăn trong biển Việt đang vươn mình.

Hơn nữa, chúng ta cũng nên chia cuộc kháng chiến chống Pháp từ 1946 ra làm hai giai đoạn : giai đoạn thần thánh, giai đoạn thiêng liêng của cái « thuở ban đầu », mà chúng ta có thể bảo là toàn dân nhiệt thành tham dự, và đảng Cộng-sản Đông-dương chưa lộ nguyên hình, chưa nắm hết trong tay những then, những chốt ; giai đoạn tầm thường, giai đoạn riêng tư, khi Cộng-sản Tàu tới sát Cộng-sản Việt, khi Cộng-sản Đông-dương đề lời chân tướng, khi người Việt hết quyền làm dân Việt, khi nước Việt không còn là của dân Việt.

Thì ai nữ nặng lời với nhà chí sĩ bảy mươi tuổi họ Huỳnh, mà cuộc đời phần lớn là nằm ở Côn-lôn khóa chặt và ngồi ở Huế để đô, cạnh con sông Hương hết lơ rồi lửng.

Một thượng tướng già của nước Pháp, Philippe Pétain, cộng tác với kẻ thù gần như là truyền kiếp của Tổ quốc mình là nước Đức vừa đè bẹp nước mình, nước Pháp kháng chiến thắng lợi đem ra xử, đem đi an trí, mà lịch sử Pháp không ghi : Pháp-gian. Lòng ái quốc của Pétain, không ai nghi ngờ cả.

Một chí sĩ già của nước Việt, Huỳnh-Thúc-Kháng, hợp tác với một chánh phủ

mang tên là liên hiệp quốc gia kháng chiến, mà người lãnh đạo vốn là đồng minh (cùng đánh đồ kẻ thù chung là thực dân Pháp), khi toàn dân vừa giành được độc lập, mà « sóng gió một con thuyền chung chạ, ngọn chèo đang lúc cheo leo » (40), mà kẻ thù kia toan trở lại ách tù đầy, thì lịch sử Việt có đành ghi : bù nhìn, phản bội hay Việt-gian không ?

Philippe Pétain của Pháp ở trời Âu, Huỳnh-Thúc-Kháng của Việt ở biển Á,

Cả hai đều yêu nước chân thành, đều có công với quê hương gần tới chết, đều như nàng Kiều :

« Dừng dằng khi bước chân ra,

« Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần »...

đều tin tưởng chân thành rằng mình chọn lựa thế, mình hành động vậy, là chẳng phải vì mình, vì gia đình mình, vì dòng họ mình, mà để cứu lấy nước, cứu lấy dân trong cơn giông tố phủ phàng.

Chắc rằng lịch sử Pháp, chắc rằng lịch sử Việt không quên điều đó.

Một trường tư lớn nọ đã họa hình cụ đề trong văn phòng giữa hình cụ Sào-Nam và cụ Tây-Hồ.

Thủ đô nước Việt cộng hòa có tên đường mang tên Huỳnh-Thúc-Kháng.

Tán dương hay chê bai, là phần của ai ai.

Riêng kẻ viết bài này, xin trọng, rồi thương...

(40) Trong bài Văn tế cụ Sào-Nam khóc cụ Tây-Hồ.

TRƯỚC ĐÈN...

Sao tôi thấy chưa trọn vẹn với người an nghỉ 11 năm rồi ở núi Thiên-Ấn, cạnh một ngôi chùa, nhìn xuống dòng nước nao nao, mờ ảo nhỏ nhỏ, « con đường giao Việt » (41) kéo dài xa xa...

Xin mượn một vế đầu của câu đối mà một nhà thơ — hiện nay thì đang đại ần — ở tận cùng về phía Nam của non sông Việt khóc người khi hay người thành người thiên cồ :

Viếng cụ Huỳnh-Thúc-Kháng

*Trường khoa văn nổi tiếng tài danh,
biên đề ngũ phụng lễ phi, phần son vua
nô lệ diêm trang chi, cắt phăng mái
tóc, thồi động phong trào, một ngời lông
mà gươm sáng, ba tất lướt mà trống
kèn, tham ô gấm mật, cường bạo kinh
hồn, đem mẫm cách mạng rắc gieo, người
Tây trích kẻ Đông du, lòng dân chưa
để liêu trầm, nam nhi hà phạ Côn lân,
mấy trăm thiên tùng thoát thi tù, sóng
biên mây trôi hằng cảm mới.)*

Lại xin mượn — vì lẽ trên kia nhắc đến một « ông già đáng thương » của nước Pháp, xưa thù, nay bạn — lại xin mượn lời một nhân vật liễu yếu đào tơ trong một bi kịch cổ điển danh tiếng bằng thơ của nước Pláp : (42)

« ... tôi không xứng đáng

« Với cái danh dự thái quá đó, cũng như với điều nhục nhã thế này đây. »

Gác « Nhìn lên », hồi một mùa nắng chói, ngày hướng về biên Việt, năm 1958

NGUYỄN-HỮU-NGU

(41) Tiếng mượn của Bình-Nguyên-Lộc

(42) Lời nàng Junie nói với bạo chúa Néron, trong vở *Britannicus* của Racine :

« . . . je n'ai mérité

« Ni cet excès d'honneur, ni cette indignité ».

Vương giả tự hồ xuân thu

Khổng-Tử nói rằng : « Bậc vương giả cũng tựa như mùa xuân, mùa thu vậy. Vua Văn-Vương có Vương-Quý là cha, có Thái-Nhâm là mẹ, có Thái-Tự là vợ, có Võ-Vương, Châu-Công là con, có Thái-Điền, Hoàng-Yêu là tôi, cái cội gốc thực là tốt vậy. Nhờ đấy mà Võ-Vương có thể chính thân mình để chính cho quốc gia, chính quốc gia để chính cho thiên hạ. Đánh kẻ vô đạo, giết kẻ có tội, chỉ một hành động đủ khiến thiên hạ chính được ngay, thế là công việc thành vậy. Mùa xuân, mùa thu có được đầy đủ thời tiết, muôn vật tự khắc được thấm nhuần ; vương giả làm được đầy đủ cái đạo của mình, muôn dân tự khắc được yên trị.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ



KHÔNG LÀ THƯ CUỐI

Đã bao nhiêu thư em viết
Không gửi về được tận tay anh
Những chiều gió lộng
Nghe như bay đi những cánh tâm tình

Đêm nay em ngồi lại viết
Trăng treo đầu núi bơ vơ
Một con tim bé run ân ái
Nhớ anh, em vẫn đợi chờ

Thương cho đôi giòng lệ nhỏ
Khóc người ở lại thôn quê
Giờ đây anh ngủ hay thức
Lệ công trường xa

hay máu hăm mỗ dầm dề

Chỉ cách con sông mà đôi giòng tâm tưởng
Như lạc mấy khung trời
Mẹ mấy đêm này không ngủ
Nhớ anh biết mấy anh ơi

Đã đành vì duyên vì số
Vì tình vì nợ đời ta
Nhưng giá anh đi một chuyến
Có đâu phải lạc canh gà

Đường ra sông suốt những ngang Bến
Đã gặp công an Việt-Cộng rồi
Vạn vạn thư nhà không đến được
Những người trông ngóng đứt hơi

Còn phải bao thư em viết
Cho người anh xấu số bên kia
Biết đến bao giờ thoát được
Anh đọc thư em, tin tưởng ngày về

Viết xong thư này lại cất
Công trường heo hút rừng mây
Hầm mỏ xác người ngập rãnh
Mỗi đêm trăng lại thêm gầy

Đêm nay có được nhìn trăng đầu núi
Hay đã gục đầu bên vực suối
Hay đã... anh ơi lại tiếng gà
Chỉ biết thư nay không là thư cuối
Chỉ biết đau buồn tiếng lệ sa,

ĐỖ TẤN

Mối lo của Không-Tử khi chấp chính

Không-Tử mới bảy ngày chấp chính, đã hạ lệnh giết ngay quan đại phu Thiệu-Chính tên Mão, chém ngay giữa trước cửa triều và cho phơi thây suốt trong ba ngày. Tử-Công thấy vậy, hỏi Không-Tử rằng :

—Thiệu-Chính Mão là người có tiếng trong nước Lỗ, nay thây ra cầm quyền chính mà bắt đầu giết ngay, hoặc giả thây làm chẳng ?

Không-Tử đáp :

— Người ở đó, ta nói duyên cớ cho nghe : trong thiên hạ có năm cái tội ác rất lớn mà những hạng ăn trộm ăn cướp không ở vào đó. Một là tâm địa trái ngược mà nham hiểm ; hai là tính nết thiên lệch mà cứng rắn ; ba là nói năng dối dả mà giả hoạt ; bốn là ghi nhớ điều phi nghĩa mà phổ biến rộng khắp mọi nơi ; năm là chiều theo việc trái lẽ mà giúp cho nó trở nên trái lẽ thêm. Trong năm điều đó, người nào phạm một cũng không thể tránh khỏi sự trừng trị của người quân tử, thế mà Thiệu-Chính Mão lại phạm cả năm điều. Cái cách cư xử của hắn có thể tụ họp người lại để thành bè đảng ; cái cách bàn nói của hắn có thể làm ra vẻ tốt đẹp để lừa dối mọi người ; cái hung hăng mạnh tợn của hắn có thể phản hết sự phải, mà đứng hẳn ra một phe ; đó là hạng người gian hùng, không thể nào không trừ được. Ngày trước vua Thang nhà Ân giết Doãn-Hải, vua Văn-Vương nhà Chu giết Phan-Chính, ông Châu-Công giết Quản-Thái, ông Thái-Công giết Hoa-Sĩ, ông Quản-Trọng giết Phó-Ất và thầy Tử-Sân giết Sử-Hà ; mấy người ấy ở khác đời nhau mà cũng bị giết cả, vì dù ở khác đời mà cùng một tội ác, cho nên đều không thể nào tha thứ được. Kinh Thi có nói : « Lòng lo đau đau, giận bọn tiểu nhân ! ». Tiểu nhân họp thành đàn thành lũ, đó mới thực là một điều đáng lo vậy.

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ



CĂN nguyên uy quyền không phải tìm kiếm đâu xa, nó nằm ngay trong bản chất của sự vật. Bởi hành động của người ta cần phải được thống nhất, phối trí, hầu cho bao nhiêu nỗ lực hợp thành một nỗ lực duy nhất, nên uy quyền là một trong những điều kiện sinh tồn của nhân loại.



NHỮNG KẺ BÁN NƯỚC

LƯU-NGHỊ

CHỈ vì sợ ma mà con Tý bỏ nhà chủ, trốn về nhà cha mẹ. Cha mẹ nó nghèo xơ nghèo xác, chui rúc trong một túp lều quá nhỏ hẹp, chẳng cửa ngõ gì cả ; ăn, ngủ vồn vện trên một tấm phản gỗ gập ghềnh, trải mấy manh chiếu rách và một cái ghế bõ đúng với danh từ bố nghĩa là bao tời.

Mẹ con Tý bị tật ở một bàn chân, đi khắp khểnh từng bước một. Cha con

Tý, đầu đã bạc quá hai phần ba, chỉ đi] ra đi] vào. Mà con cái thì ước chừng cũng năm sáu đứa, nheo nhóc, lam lũ. Qua bức màn mỏng và mấy tấm ván ghép hờ kẹ, tôi đề ý thấy mấy người đàn bà lao xao. Nghe họ nói chuyện, tôi biết là họ đánh bài tứ sắc.

Ban đầu, tôi nghĩ : chẳng qua mấy bà nhà nghèo bài bạc giải khuây, để quên nghèo đi chẳng ? Nhưng, những

canh bài tại nhà mẹ con Tý gần như thường xuyên. Mà mấy tay bài là những bà có nhà cửa đàng hoàng trong xóm. Thỉnh thoảng, có vài trận cãi nhau vì con bài đánh thấp, hoặc vì cái « phớ » xé bẩy đề « tay dưới tới khui » chẳng hạn. Nhưng, cãi nhau xong, bà nào tức giận quá bỏ về thì lại có bà khác điền vào chỗ trống ; và « bốn ông tướng » lại chạy quanh trên mặt chiếu, rách như thường. Họ đánh từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều. Chiều, tối thì nghỉ. Vì nhà con Tý làm gì có đèn điện chong canh bài !

Ngày mai, mặt trời lên — hay mặt trời không lên — cũng lại mấy bà có tiền ấy vác tiền đến tiếp tục mở sòng. Mà mở sòng tức là mẹ con Tý có xâu. Đủ ăn măm, ăn muối qua một ngày.

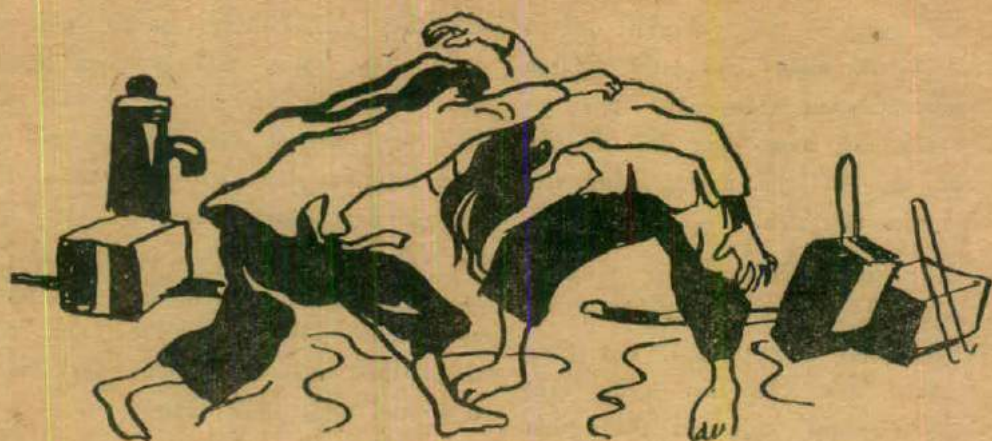
Đến hôm nay, không cần đề ý, tôi cũng biết rõ những ai đánh bài, đánh đến mấy giờ, và biết cả ai ăn thua nữa. Chuyện ấy đã trở thành một nếp sống dĩ nhiên mà tôi phải thừa nhận từ ngày « nhập tịch » vào xóm này. Và trong xóm này, chuyện ấy cũng đã trở thành một lễ sống phụ của những bà đánh bạc quen tay, và lễ sống chính của gia đình mẹ con Tý.

Trọn một thời gian khá dài, tôi không thấy con Tý làm gì cho ra đồng tiền để giúp cha, giúp mẹ. Nó là con gái chừng 16, 17, mặt mũi trông cũng ngộ. Nhưng nghèo quá, mặc toàn áo rách, đầu tóc bù xù, nên cái vẻ ngộ của con Tý trông quá tầm thường như... cây chuối trong vườn nhà quê chẳng hạn.

Mãi đến ngày trời nắng quá, cái nắng xối nhà tôi không rỉ lấy một giọt nước nào, mấy cái chum, cái vại khô cạn đến muốn rạn vỡ, tôi nhờ coi Tý gánh nước dùm. Nồi là dùm cho lịch sự, chứ thật ra là thuê đấy. Tiền trao thì nước đổ. Nhưng, dù có trao cho con Tý nhiều tiền, nó cũng chẳng đổ cho nhà tôi nhiều nước. Hai đôi thôi. Hay cố rán « vị tình » thì cũng thêm một đôi nữa là nhiều. Tôi hơi bức mình vì nghĩ rằng : cái con nhỏ này làm phách, thấy mình không gánh nước được, nó muốn làm khó dễ. Tôi tự trách không gánh được nước để phải chịu một lệ thuộc trong đời sống hằng ngày.

Hai ngày sau, tôi thương lượng câu nước máy của một nhà bên cạnh. Đêm đầu tiên, nước máy trong vát thoát ra từ cái vòi đồng, luồn qua hơn hai mươi thước ống cao su chảy đến tràn đầy cả chum, cả vại, cả thau lớn, thau nhỏ nhà tôi, tôi lằng lằng vui sướng, tự nói rằng : « Thế này thì cũng chưa cần tập gánh nước vôi. Và kể từ hôm nay, thế là khỏi bận tâm về chuyện nước nữa ».

Nhưng, chút vui nhỏ nhặt ấy trong đời sống của gia đình tôi chẳng được phép kéo dài lâu quá ba ngày. Khi câu nước lần thứ hai, tôi không còn thoải mái nhìn dòng nước trong vát kia chảy mạnh như đêm trước. Dòng nước chỉ rỉ rỉ, rồi lại ngừng, lại rỉ rỉ... Cả gia đình tôi phải thức quá nửa đêm để canh chừng. Chỉ vồn vện được một lu nước nhỏ. Suốt mấy ngày sau, cũng phải thức đêm, cũng chỉ có thế. Thế là bắt đầu phải... giao thiệp với bà chủ nước.



Thì ra, không phải mình tôi phải đến tận nơi làm cái việc can thiệp. Mà gần như cả xóm đều có mặt quanh cái vòi nước nhỏ. Mỗi người một đôi thùng, một chiếc đòn gánh, chen nhau, tranh nhau từng chút nước, trông như những quân sĩ lâm chiến trận. Tôi không có đôi thùng, không đòn gánh mà cũng phải « làm trận » để giành lấy nước. Mà nước thì cứ rỉ từng dòng rất mỏng từ cái vòi đồng ngọt ngọt. Trong lúc ấy, từ buồng tắm nhà bà chủ, có tiếng xối nước ào đi từng loạt. Tôi nhìn mọi người. Mọi người nhìn nhau, rồi vẫn yên lặng nhìn dòng nước chảy ngập ngừng, muốn tắt lúc nào không biết.

Trên khuôn mặt của mỗi người đều lộ vẻ thèm khát, lo âu, những nét bực bội bị đè nén và không khỏi để hé mở cái ý thức tranh giành thầm kín. Một dòng nước, một đôi thùng nước... cái phần quyền lợi nhỏ nhặt biết bao nhiêu! Nhưng, có thể biến những con người vừa thân nhau trở nên thù nghịch trong cái trận giặc

nhỏ nhỏ này. Phần nào đó, tôi cũng bị lôi cuốn vào cái thế của kẻ phải làm trận để giữ lấy phần quyền lợi nhân sinh gần như vô nghĩa. Nhưng, ác thay, trong cuộc đời muôn mặt, có quá nhiều cái tũn mủn vô nghĩa mà chẳng thiếu được. Nên, chính vì cái phần quyền lợi tũn mủn ấy, tôi phải thức dậy lúc nửa khuya, thân hành kéo hai mươi thước ống cao su đến tận cái vòi đồng. Tôi nghĩ rằng: giờ này nước chảy mạnh (theo lời bà chủ nước), chắc mình sẽ độc quyền. Nhưng không. Có những người « chịu khó », đã đến hứng nước tự bao giờ. Đến lúc tôi đặt ống cao su vào vòi đồng thì dòng nước lại ngọt ngọt. Và khuya ấy, tôi lại lui thủi kéo ống cao su về, phí đi một giấc ngủ và ít nhiều kiên nhẫn.

Tôi đâm ra bực dọc, hơi tức giận.

Tức giận ai bây giờ? — Bà chủ nước ư? Vô ích. Đã là chủ nước thì có nhiều nước hơn những người đi

câu, đi hứng là một chuyện quá dĩ nhiên. Ai có thiếu nước thì cứ rán mà chịu, mà cuối tháng vẫn phải trả tiền. Ai không bằng lòng thì đi đâu cứ việc đi, bà chủ nước chẳng việc gì phải bận tâm đến.

— Tức giận những người đã hứng hết nước trước mình ư? Lại vô lý. Vì họ cũng phải thức khuya, dậy sớm, phải nhẩn nại, bẽn lãn hứng từng giọt nước, cùng chịu cái thân phận của kẻ đi câu nước nhờ như mình.

— Tức giận cái vòi đồng quá nhỏ ư? Cũng vô lý nốt. Cái vòi đồng chỉ là vật vô tri. Mà dù có đặt cái vòi đồng lớn bằng cái ống cống xi-măng cũng chẳng có nước nhiều mà câu, mà hứng. Điều chính, chính là có nước hay không, mặc dầu nước là chất thiên nhiên tràn sông tràn biển.

Chính mắt tôi đã thấy có người đập bể hai cái vòi nước một lần, vì quá thiếu nước dùng. Sự nóng giận của người ấy quả là quá đáng. Nhưng, có lẽ phải ở vào cái thể mất nước mới hiểu rằng lắm khi cũng cần phần nộ một cách chính đáng để bảo vệ toàn vẹn cái ý nghĩa nhân sinh.

Tôi đi quanh ra đường phố, tìm đến một vòi nước công cộng để tìm hiểu thêm trình trạng nước nội của cả khu vực này.

Giữa nửa đêm về sáng, phố phường vắng lạnh như đô thị đã tàn cư. Đường nhựa im và buồn, buồn tênh như mặt

ván quan tài. Nhưng, quanh cái vòi nước công cộng, thật là đông người họp thành cái chợ nhỏ. Tại cái chợ nhỏ này toàn là đàn bà con gái và toàn là thùng gánh nước, sắp một dãy dài gần năm mươi thước trên vỉa hè. Từ cái miệng vòi quặp xuống, chỉ rì ra một dòng nước mỏng như một dòng nước mắt. Tiếng nước rơi vào lòng thùng thiếp đều đều, chậm chạp, nghe tí tê tựa tiếng khóc thầm.

Mấy mươi con người vây quanh lấy dòng nước ấy, cũng chờ đợi, tranh giành, cãi nhau, ỉa lối. Trên mỗi khuôn mặt, tôi cũng lại thấy sự thèm khát, ưu tư; và, giữa nơi công cộng này, cái ý thức tranh giành phát lộ tự nhiên hơn, nên trên nét mặt của họ, tôi thoáng thấy cả sự hằn học — sự hằn học của kẻ mất nước và quyết giành lấy nước.

Gần cuối dãy thùng thiếp dài thượt, một hình người nằm dọc trên thân cái đòn gánh đặt ngang hai miệng thùng. Đó là một người con gái đang ngủ một giấc ngủ say sưa như đang nằm trên nhung lụa. Tôi nhìn kỹ: người con gái ấy là con Tý thường đổ nước cho nhà tôi dùng. Gần đấy, có một bà già ngồi trên lề đường, ngủ gà ngủ gật, mái tóc điểm sương cúi quặp xuống gần đến ngực. Giấc ngủ của hai người, bên cạnh cái « chợ nước » ồn ào kia, phải chăng chứng tỏ họ ít bận tâm đến sự tranh giành, hay là họ bắt đầu chán nản vì tranh giành không kết quả?



Từ những ngăn vách mấy ngõ hẹp tối om, tôi lại thấy xuất hiện những bóng người đột ngột và bất thường. Tôi bắt gặp cả những cuộc nói thầm trong bóng tối, những sự trao đi trả lại những đôi thùng thieß, và nghe tiếng nước đổ xòa trong đêm khuya tịch mịch, không biết từ đâu vang đến. Ngoài kia, quanh cái vòi nước công cộng, thiên hạ vẫn giành nhau, la lối ồn ào. Nhưng, ngoài tiếng chửi thề, cãi cọ, tiếng thùng thieß chạm vào nhau, lê sần sạt trên vỉa hè, phố phường vẫn yên ngủ như giả vờ đứng trước trận giặc nước này.

Suốt mấy ngày sau, nhà tôi vẫn không cầu được nước. Tôi phải nhờ con Tý gánh cho vài đôi. Vì nhớ đêm nó ngủ trên cái đòn gánh đặt ngang hai miệng thùng, tôi không cố ý nài thêm một chút nước nào nữa. Nhưng, trái lại, lần này con Tý tự ý đổ cho tôi khá nhiều nước. Tôi nghĩ: «À, phải trả giá cao mới có nước mà dùng». Tôi cũng tự hỏi luôn: «Nước ở đâu mà con Tý gánh nhiều đến

thế ?». Câu hỏi ấy không được giải đáp, và chút thắc mắc kia cũng chóng qua trong lòng tôi.

Mãi đến một đêm — cũng là một đêm mùa hạ, khi trời oi bức thiên hạ vẫn lo âu vì thiếu nước — bỗng vang động những tiếng chân người chạy huỳnh huỵch trong ngõ hẹp tối om, những tiếng văng tục, chửi bới ồn ào; tiếp theo là tiếng khóc, tiếng hậm hực, và có kẻ bảo:

— Phải chở nó đi nhà thương, ngay, máu ra nhiều quá.

Sáng hôm sau, hỏi ra mới biết là đêm vừa rồi, có cuộc đánh nhau dữ dội giữa mấy người đàn bà, con gái, xóm nhà sau, vì mấy thùng nước máy.

Thì ra, trong xóm này, vốn có một số người, có tổ chức đảng hoàng, chuyên đi giành nước, cướp nước ở những vòi nước công cộng, ăn cắp nước ở những vòi nước nhà tư; xong, tích trữ một chỗ chứa riêng, để bán lại với giá rất cao cho những nhà nào cần nước, như nhà tôi chẳng hạn. Đêm hôm qua, vì quyền lợi bất đồng, những kẻ bán nước ấy chửi nhau, đánh nhau, xâu xé nhau đến đổ máu. Và người bị đưa đến nhà thương chính là con Tý.

Cái thân phận của con Tý nghèo khổ kia không đáng kể. Nhưng chuyện đổ máu đêm vừa rồi lại có hiệu lực kích thích, trở thành câu chuyện đầu môi cho cả xóm trước, xóm sau, trong mâm cơm, trong sòng bài tứ sắc... Nhân đó, thiên

hạ mới phanh phui ra bao nhiêu kẻ tích lũy, đầu cơ và bán nước vô cùng «doãn hậu» trong xóm này. Chẳng ai tỏ lòng thương xót và quyết miệt thị cho đến cùng những kẻ manh tâm cướp nước của người khác. Không ai chịu được sự mất nước. Mất nước tức là mất tất cả những thú vị của cuộc đời.



Đêm nay, bước ra sau hè, tôi nhìn vào vại nước nhỏ. Nước đã vơi đi hơn một nửa. Mặt nước phản chiếu một mảnh trời xanh màu biển cả và trong đáy nước, cái trăng tròn vành vạnh sáng ngời lên. Tôi đưa chiếc gáo chạm vào mặt nước. Mặt nước chao động, cái trăng tròn nát đi từng mảnh vụn, và ánh trăng chập chờn trên quán nhiều nếp sóng.

Troang giây phút, tôi nhớ lại những đêm trăng tròn ra tắm bên bờ giếng ở thôn quê. Tôi đã mức biết bao nhiêu

ánh trăng nát vụn, xối trên da thịt, xối trên cỏ cây... Tôi đã phung phí rất nhiều nước không một chút bận lòng. Nhưng, đêm nay, làm vơi đi một chút nước trong cái vại nhỏ sau hè, tôi không khỏi không nghĩ đến cái vòi đồng nhà bên cạnh, cái vòi nước công cộng trên vỉa hè đô thị, đến con Tý đang còn nằm nhà thương, đến những kẻ bán nước trong xóm này và cả những kẻ bán nước trên thế gian.

LƯU-NGHI

5/58

★ **TINH** thần đoàn thể là điều cần thiết. Một thủ lãnh, dù giỏi đến đâu, cũng không thể nào biết hết, hiểu hết, thấy hết, nên thủ lãnh cần phải có sự giúp giập của những cộng sự viên có nhiệt tâm, nhiệt huyết. Tuy nhiên, phải tránh quan niệm sai lầm về tinh thần đoàn thể, muốn đoàn thể có uy quyền tuyệt đối, áp đảo cả chức vụ của thủ lãnh.

Bực « thành » và bực « tu tập để trở nên thành »

« Thành » là Đạo của Trời; « tập tành để trở nên thành » là Đạo của người. Bực « thành » không phải gắng sức mà hợp Đạo; không phải suy nghĩ mà được Đạo, cứ thư thái mà đứng giữa Đạo; đó là hạng thánh nhân. Bực « tu tập để trở nên thành » thì chọn điều thiện rồi cố giữ lấy mà học cho rộng, hỏi cho cùng, nghĩ cho kỹ, biện cho rành, làm cho siêng... Có điều không học, song điều đã học, dù học không thông cũng không từ bỏ; có điều không hỏi, song điều đã hỏi mà hỏi không kỹ cũng không từ bỏ; có điều không nghĩ, song điều đã nghĩ mà nghĩ không ra cũng không từ bỏ; có điều không biện, song điều đã biện mà biện không rành cũng không từ bỏ; có điều không làm, song điều đã làm mà làm không mãn cán, cũng không từ bỏ. Người làm một lần mà thành, mình làm trăm lần; người làm mười lần mà thành, mình làm ngàn lần. Nếu giữ được phép ấy, thì tuy ngu dốt cũng hóa thông minh, tuy nhu nhược cũng thành cường dũng.

TRUNG-DUNG

★ **LẬP** một đoàn thể không thủ lãnh là điều không thể quan niệm được, cho dầu đoàn thể ấy gồm toàn những phần tử ưu tú, có giá trị.

Một đoàn thể càng gồm nhiều phần tử ưu tú lại càng cần có thủ lãnh để tập trung năng lực, hướng dẫn năng lực vào mục tiêu chính xác đã được mọi người chấp thuận và điều động công việc cho được trơn tru, thông hoạt; nếu không, khó lòng tránh khỏi lãng phí lực lượng, tản mát nỗ lực, kèn cựa lẫn nhau, khiến cho toàn bộ mất điều hòa, thăng bằng, rồi sinh ra rối loạn.

★ **CHỜ** tưởng chỉ huy là dễ, và, với một bộ mặt lạnh lì, một giọng nói hách dịch là đủ để chỉ huy được.— Muốn làm thủ lãnh cần phải có « nhân » để yêu người, có « trí » để biết người, có « nghĩa » để phụng sự người. Song muốn có ba điều ấy thì trước hết phải có « tín » để tin tưởng mạnh, có « húng » để phấn phát lên, có « khí » để cương quyết làm.

BẢN KHOẢN



*H*È đã sang rồi, em của anh
Đường xa lăng lăc khỏi xây thành
Trông tư bốn hướng trời dâng nhớ
Vạn lý tình lên tiếp núi xanh
Quán trọ u hoài trên gỏi mộng
Đêm dài nguyệt động trắng năm canh
Đôi ta hương lửa tròn muôn kiếp
Mộng đẹp cùng nhau ước nguyện thành
Thương nhớ làm sao ! thương nhớ lắm !
Bao giờ chẵn gỏi hơi em anh ?
Bao giờ em nhĩ dời êm ấm
Hoa gấm cùng nhau dệt mộng lành

Chiều ngả nghiêng màu hoe nắng xế
Thời gian vun vút lướt đi nhanh
Tình yêu muốn thuở yêu em mãi
Cao vút Trường-sơn vạn lý tình
Hai trái tim chung hòa một nhịp
Anh về mắt lệ có long lanh ?
Anh về những buổi hoàng hôn xuống
Em ở miền em có nhớ anh ?
Dù mai giông tố tràn sông núi
Nhân loại tàn thiếu lửa chiến tranh
Dù mai vũ trụ thành tro khói
Dù mai mặt đất có tan tành
Thương nhau giữ trọn niềm chung thủy
Em vẫn muốn đời em của anh
Thương nhớ làm sao thương nhớ lắm !
Đường xa lằng lắt khói xây thành...



Đêm nay gác trọ nằm thao thức
Nghe gió heo may lọt trước màn
Vương vấn canh dài trên gối mộng
Ai về trên ấy nhắn em anh
Thương nhau giữ trọn niềm chung thủy
Hoa gấm ngày mai dệt mộng lành...

“SỬA CHỮA CẦN THẬN”

NGUYỄN-NGỌC-QUANG

BỐN tiếng « *Sửa chữa cần thận* » thường được in trên bìa các tác phẩm tái bản, cốt để độc giả chú ý đến công phu của người viết sách luôn luôn cố gắng bổ khuyết văn phẩm của mình mỗi kỳ in lại.

Cuối năm 1957, nhà Tân-Việt có tái bản quyền « *Nỗi lòng Đồ-Chiều* » của Phan-Văn-Hùm, ngoài bìa sách không quên thích bốn tiếng « *Sửa chữa cần thận* ».

Độc giả không thể nào không tự hỏi : « Ai sửa chữa ? » Chỉ tác giả mới có quyền sửa chữa văn phẩm của mình mà thôi. Đáng này ông Phan-Văn-Hùm qua đời từ năm 1945. Hơn hai mươi năm sau, sách của ông được tái bản, lại có kẻ cả gan sửa chữa trước khi cho in.

Độc ngay mấy trang đầu tôi đã hiểu : trang 11 có câu :

« Như thôn Tân-khai, là chỗ thành lũy « xưa, ở trong vòng đường Pasteur

« (Pellerin cũ), đường Nguyễn-Du (Taberd cũ)...; như thôn Tân-lộc ở sau trường « J. Jacques Rousseau (Chasseloup-Laubat cũ)... »

Đó, người ta đã tự ý sửa nguyên văn của ông Phan-Văn-Hùm cho hợp với tên đường năm 1957 ! Làm như thế là thiếu tinh thần khoa học. Đáng lẽ phải in lại tác phẩm của nhà văn quá cố đúng y nguyên văn, không được thêm bớt một chữ, một dấu nào cả :

« Như thôn Tân-khai, là chỗ thành lũy « xưa, ở trong vòng đường Pellerin, đường « Taberd...; như thôn Tân-lộc ở sau trường « Chasseloup-Laubat... »

Nếu muốn cho độc giả hiểu rõ thì chú ở cuối trang là đường Pellerin nay đổi ra đường Pasteur, đường Taberd nay đổi ra đường Nguyễn-Du, trường Chasseloup-Laubat nay đổi ra trường Jean-Jacques

Rousseau. Kỹ hơn nữa thì phải nói rõ rằng chú thích ở cuối trang là chú thích của nhà xuất bản ; như thế kẻ đọc khỏi hiểu lầm là chính tác giả đã chú thích.

Chính ông Phan-Văn-Hùm rất chú ý về các điều cần thận cần thiết ấy. Trong bài « *Bề ngoài của sách khảo cứu* » đăng trong báo Tri Tân (số 137, ngày 6-4-1944), ông đã viết :

« Không được sửa đổi nguyên văn của tác giả. Cho đến những cái lỗi của tác giả cũng phải để y nhiên. Có căn chỉ lỗi ấy ra, phải đánh chữ sic liền sau cái lỗi đó và chữ sic phải đóng khuôn lại. [...] Trong nguyên văn có viết xiên chữ nào, khi trích lục cũng phải viết xiên như thế. Nếu trong nguyên văn in chữ đúng, mà khi trích lục muốn viết xiên để cho nổi chữ, nổi ý lên, thì phải có lời chú nói rõ cho độc giả biết ».

Đây, nhà văn Phan-Văn-Hùm lúc còn sinh tiền cần thận là như thế, mà ngày nay tái bản sách ông người ta lại ngang nhiên sửa đổi các chi tiết, viện lẽ rằng ngày nay có sự đổi tên đường phố, tên trường học...

Chúng tôi rất mong các nhà xuất bản thận trọng và tránh việc tự ý sửa tác phẩm của các văn gia quá cố, vì những điều sơ sót ấy tuy nhỏ nhưng làm mất giá trị các văn phẩm rất nhiều vậy.

NGUYỄN-NGỌC-QUANG



Lời phụ của Tòa soạn. — Tưởng nên ghi : ông Lê-Văn-Văng, chủ nhà xuất bản Tân-Việt, vốn giao du thân mật với ông Phan-Văn-Hùm (xin xem lại lời « *Lựa* » của ông Hùm trong cuốn « *Phật giáo triết học* » vừa tái bản, cũng do nhà Tân-Việt, cũng « *Sửa chữa cần thận* ») và những người thừa hưởng di sản tinh thần của ông Hùm hiện còn sống và hiện ở Sài Gòn, đó là hai bà Phan-Văn-Hùm, và nhà Tân-Việt đã từng xuất bản cuốn « *Tinh thần Khoa học* » của Nguyễn-văn-Tài được giải thưởng Gia-Long năm 1943. Tưởng cũng nên ghi thêm : Tác giả nói : « *Cuối năm 1957...* » có lẽ là tác giả căn cứ vào lời ghi ở cuối sách : « *in xong ngày 15-12-1957* » song theo chỗ chúng tôi viết, hình như... « *Nỗi lòng Đỗ-Chiều* » có bản ở Thủ Đức mới hơn tháng nay và theo lời « *Bạt* », người chịu trách nhiệm trong việc « *Sửa chữa cần thận* » có lẽ là Bà Phan-Văn Hùm, nữ danh Mai-Huỳnh-Hoa.

★ **BẤT** luận trong một xã hội nào, có bao nhiêu phần tử thì có bấy nhiêu mầm mống chia rẽ, bởi mỗi người đều tới với lòng ích kỷ chật hẹp của mình. Các mối xung đột, bất hòa, thờ ơ, chán nản sẽ làm tan rã tất cả, nếu cái nghĩa vị lợi ích chung không được bàn tay của một thủ lãnh có tinh thần trách nhiệm nắm giữ, với quyết tâm thực hiện cho bằng được.

Mối vui của Khổng-Tử khi có địa vị

Khổng-Tử làm quan Tư-khẩu nước Lỗ, khi được quyền nhiếp chức vụ tể tướng, nét mặt có vẻ vui mừng. Trò của ngài là Trọng-Do liền hỏi :

— Do này vẫn được nghe là những người quân tử, thấy tai họa đến cũng không lo sợ, thấy hạnh phúc tới cũng không vui mừng. Nay thầy mới được có địa vị mà vui mừng như thế là có làm sao ?

Khổng-Tử đáp :

— Phải, có câu nói ấy thực, nhưng há chẳng có câu nói rằng : « Người ta vui vì được đem địa vị cao quý của mình mà hạ xuống cùng với mọi người » hay sao ?

KHÔNG-TỬ GIA NGŨ

Muốn tham dự vào trời đất

Trong thiên hạ duy có bậc chí thành mới có thể phát triển cùng tận cái tính thiên nhiên của mình. Có phát triển được cùng tận cái tính thiên nhiên của mình, mới có thể phát triển cùng tận cái tính thiên nhiên của người. Có phát triển được cùng tận cái tính thiên nhiên của người, mới có thể sử dụng cùng tận cái tính thiên nhiên của vạn vật để làm lợi cho cái tính thiên nhiên của loài người. Có sử dụng được cùng tận cái tính thiên nhiên của vạn vật mới có thể giúp đỡ trời đất biến hóa và nuôi dưỡng vạn vật. Có giúp đỡ được trời đất biến hóa và nuôi dưỡng vạn vật, mới có thể tham dự vào trời đất vậy.

TRUNG-DUNG

★ **MỘT** đoàn thể tâm thường có thể trời vượt lên nhờ khí phách của một thủ lãnh có tài.

Một đoàn thể ưu tú có thể trở thành lu mờ và tan rã do sự điều khiển của một thủ lãnh tầm thường, có thái độ làm cho người có thiện chí sinh ra chán nản, người có nhiệt tâm đâm ra bơ thờ.



TIẾNG KHÓC

DƯỚI CHÂN PHÁO ĐÀI

VŨ-HẠNH

HỒ I ấy địch luôn luôn tập kích vào những đồn lẻ tẻ nên ngày cũng như đêm chúng tôi phải tuần tiểu luân phiên. Tôi còn nhớ rõ, vào một hôm trưa nắng như thiêu, tiểu đội chúng tôi khi trở về, băng ngang qua cánh đồng Quá-Giáng. Phần thì mệt nhọc sau một cuộc lùng lội khá xa, phần thì bị sức nắng thiêu đốt, chúng tôi ai nấy đều rã rời. Đi được nửa đồng, thám-báo-viên cho biết có những dấu khả nghi ở trong bãi bấp trước mặt. Lập tức, tôi ra lệnh cho trung đội phân tán bao vây, phần lớn bọc kín ngã sau là nơi bãi bấp giáp tiếp với một xóm nhỏ mọc lên như một hòn đảo con giữa đồng. Sau nửa tiếng đồng hồ sục sạo, chúng tôi không tìm thấy một mống nào, mặc dù một số binh sĩ quả quyết có thấy hai bóng người

vận đồ đen lén vào trong bãi, rất nhanh, từ trước. Những ý kiến này càng làm cho tôi bức tức sau bao nhiêu mệt nhọc vừa qua. Tôi chắc rằng chúng đã lủi vào xóm tre nhỏ kia và tức tốc kéo quân cổ vây bắt cho kỳ được. Đây là cái xóm nhỏ vắng vẻ, trơ trọi, mọc bơ vơ giữa đồng mà nhiều lần tuần tiểu chúng tôi không ghé ngang qua, vì biết rằng địch quân không thể nào nương tựa một địa thế như vậy được.

Chúng tôi kéo vào xóm, đúng hơn là đôi vườn tre cần cỗi mà chiến tranh đã đốt sém nhiều vật và bom đạn đã từng làm cho xơ xác, tiêu điều. Đôi mái nhà tranh hư mục, sụp nát, ngã khuỵu xuống trên mặt đất cháy khô, như những xác chết. Không một bóng người. Không một

gà vịt. Những người ở đây đã bỏ xóm mà đi, hoặc đã bị chiến tranh vùi trong lòng đất. Trời càng nắng gắt và sự nhọc sức vừa qua càng làm cho tôi điên tiết.

Vừa định quay ra, tôi bỗng dừng lại : một cái chồi nhỏ khuất sau một thành mã vôi đã cũ ở cuối vườn, bên cạnh vài cụm chuối lơ thơ, cánh cửa nhỏ sụp kín như vừa động dậy... Tôi như thoáng thấy một đầu người bù rối vừa khuất vào trong. Lập tức sau tiếng hô và dấu tay ra hiệu của tôi, từng loạt súng nổ rền, nòng khét trong ánh nắng chói chang, xuyên nát ngôi chồi. Tôi tưởng nghe có tiếng kêu rú thất thanh.

Chúng tôi lại gần, một tiếng rên yếu ớt từ trong vọng ra... Một người lính châm lửa đốt chồi. Khi ngọn lửa phừng phực lên cao, bỗng có tiếng thờ hống hộc rồi một người, — một xác đàn bà — mình đầm máu, xô mạnh cánh cửa nhào ra, té ngửa trên chiếc sân hẹp, hai tay ôm chặt trong lòng một đồng tử cũ nát thấm máu nhầy nhụa, đỏ lôm. Tôi không sao quên được cái hình dạng góm ghिềc của người đàn bà đầu tóc rối bù, miệng há hoác, kêu khóc thất thanh, cặp mắt trợn trừng, nét mặt co rúm lại trong một nỗi đau thương quần quại, giãy giụa trên nền đất rồi lại hống hộc lết ra xa để tránh ngọn lửa hừng hực từ ngôi nhà hắt ra, nhưng tay vẫn khư khư giữ lấy đồng tử. Sự xuất hiện đột ngột của người đàn bà với hình ảnh máu me, đau khổ, góm ghिềc ấy khiến chúng tôi đứng yên, không ai nói một lời, lùi dần khi người đàn bà lết tới, cho đến khi người này kiệt sức, duỗi tay ra, chúng tôi

mới sững sốt nhận thấy trong đồng tử lần xuống, thì thê một đứa bé con bị đạn đã chết tự bao giờ.

Giữa lúc nóng bức, mồ hôi chảy ròng ròng trong lớp áo dày cộm mà tôi nghe tê lạnh khắp mình. Tôi quay mặt, vội vã bước đi, không dám nhìn lâu hai cái xác mẹ con vừa ôm ghì trong đau khô quần quại, bây giờ đã rã rời, cứng lạnh.

Suốt buổi chiều đến tối hôm ấy, tôi cứ cảm thấy day dứt, bồn khoăn. Mãi về khuya, tôi còn đứng lặng trên một chòi canh, và khi ngọn gió từ biển xa xối đưa lên hòa với hơi nước của dòng sông gần đấy làm cho không khí trong đêm thắm buốt tôi mới cảm thấy tâm hồn được êm dịu đôi phần.

Trong những ngày sau, hình ảnh mẹ con người đàn bà thỉnh thoảng trở lại trong tâm não tôi như hiện thân của một mối oan uổng, một sự đau thương, và mỗi lần như vậy tôi vội xua đuổi đi, cố nghĩ rằng đấy là kẻ quả tất nhiên của thời loạn lạc, đó là trường hợp không thể tránh khỏi của sự tự vệ trong một cuộc chiến tranh mà hai đối thủ không phải chỉ là quân đội.

Sau đó một thời gian tôi xin chuyển chuyện đi nơi khác ».

Trung úy KH. dừng lời, uống một ngụm nước và cặp mắt dịu lại, nhìn vào xa xôi của dĩ vãng, mặt trầm hẳn đi như chuẩn bị cho giờ mặc niệm, rồi bằng một giọng đều đều, buồn buồn, lại tiếp tục câu chuyện :



sông phía Bắc chạy về các đồng ruộng và thôn xóm phía Nam. Trời về Đông nên đêm tối xuống mau và chúng tôi ngồi giữa mái chèo vô nước sẫm đen. Khi vầng trăng của đêm mười tám hiện lên le lói, khuất mây ở chân trời, thì tôi đến pháo đài.

Sáng hôm sau, khi đã được bàn giao xong nhiệm vụ chỉ huy một trung đội túc trực ở đây, tôi mới có thì giờ xem xét vị trí mới. Nước lụt qua một đêm không mưa đã rút xuống bớt, nên tôi có thể nhìn rõ được hàng cây lòi còi ở bờ sông, con đường quốc lộ nhấp nhô nơi xa và gần vị trí, một cái mả vôi xưa cũ ngập nước chỉ để lộ cái vòng thành đen sì bám đầy rêu

— Ba năm sau, tôi lại phải dời về chỗ cũ.

Tôi dời về giữa những ngày mưa lụt, con đường lờ lỏi khiến gần tối mịt xe tôi mới đến tận nơi. Nước lụt mênh mông từ con sông dâng lên và ở các đồng ruộng lân cận tràn qua, làm cánh đồng trước mặt tôi ngập đầy như một biển lớn.

Một chiếc thuyền đưa tôi về pháo đài xây trên gò nhỏ nổi giữa biển nước bao la. Pháo đài này dựng lên đã gần được một năm để củng cố thêm hệ thống cứ điểm quanh vùng Quá-Giáng. Nó nằm chính giữa đồng, nhìn bao quát được cả chung quanh, từ bờ

rác. Tôi bỗng nhớ lại cánh đồng ngày xưa, bãi bắp lung lội trong một trưa nắng và cái chòi tranh tiêu điều của hai mẹ con nằm trong xóm nhỏ giữa gò. Nhờ chiếc mả cũ, tôi biết pháo đài dựng trên gò ấy, có lẽ sát đúng với nền chòi ngày trước. Xóm cũ đã bị đốt trụi, không còn một di tích còn con và giữa mùa Đông lạnh, nước bạc đã khóa băng tất cả.

Tự nhiên một sự ái ngại không đầu xâm chiếm tâm hồn và tôi thấy trong người bài hoại như sau một chứng cảm hàn. Hình ảnh mẹ con người đàn bà kia lại chòn vờn hiện lên, tiêu tụy, rách rưới, máu me, quần quai thâm khốc. Tôi vội nghĩ sang chuyện khác.

Sau ba năm, mẹ con của chiếc chòi rách lại trở về trong tâm não tôi... Ba năm qua, tôi đã lẩn lộn giữa chiến trường, những cảnh trí thay đổi, những cuộc hành quân liên tiếp, những tiếng súng dữ dội và những phút phập phồng bên cạnh cái chết đã xua đuổi khỏi óc tôi tất cả hình ảnh vợ vắn. Và lại, sự chết chóc của bao nhiêu người do cuộc chiến tranh gây ra đã hòa đồng một khối những thảm trạng vào trong sự quen thuộc, sự tất nhiên, sự chán chường, con người không thể có những phút riêng rẽ để suy nghiệm, phân tích, và suy nghiệm phân tích làm gì, nếu không phải là để mang tiếng hèn nhất ?

Công việc suốt ngày bận rộn chẳng mấy chốc khiến tôi quên lãng ngay được cái ám ảnh ban mai. Tối đến, công việc bố trí lại chiếm hết thì giờ. Chúng tôi phân công phòng giữ pháo đài và yểm hộ các vị trí lân cận. Tôi rất mệt nhọc vì những ngày đường vất vả lại thêm công việc bận rộn trong suốt ngày hôm ấy nên sau khi giao việc cho người chỉ huy phó, tôi ngủ thiếp đi, đầu gối lên một cây súng máy.

Tôi còn nhớ khi tôi giật mình thức dậy vì hơi lạnh theo gió đêm lọt vào thì trăng đã về khuya, lên cao trên một nền trời vắn vự những mây u ám, rọi chênh chếch vào các lỗ châu mai từng lần trắng dài bẽnh bẽch, tai tái. Chung quanh, mọi vật đều chìm trong yên lặng lạnh lùng mênh mông. Tôi tìm chiếc chăn dạ đắp lên, cố nói lại giấc ngủ gián đoạn nhưng không sao ngủ được. Tôi nằm lơ mơ như thế rất lâu, bên tai vọng lại mơ hồ bao nhiêu tiếng

động âm thầm của đêm khuya. Bỗng... từ đâu vẳng lên một tiếng khóc rất gần.

Tôi mở bừng mắt, ngạc nhiên, chăm chú lắng nghe.

Ban đầu tôi tưởng mình lầm lẫn với một tiếng động nào khác, nhưng dần dần tiếng khóc càng rõ, vẳng vẳng như một tiếng gào khan của một đứa trẻ con đang giẫy giụa, quằn quại trong một nỗi đau đớn không cùng.

Tôi nằm im trên chiếc giường vải, không động dậy, cảm thấy như té liệt hẳn đi vì tiếng khóc lạ lùng nổi lên giữa đêm khuya khoắt trong một chốn bố phòng nghiêm nhặt, giữa cảnh vắng vẻ của một đồng nước bao la, trống trải. Tôi cố định thần để nghe cho rõ tiếng khóc từ đâu đưa đến. Nhưng tiếng khóc bây giờ lại xen vào những tiếng nức nở, những lời rên rỉ, uất ức, rồi cả hai giọng hòa chung trong một hồi kêu gào thảm thiết mà một người sắt đá đến đâu nghe thấy tưởng cũng đau nhói cả tâm can. Tôi nhớ lại mẹ con người đàn bà năm nào và giọng khóc bây giờ cũng giống như giọng khóc ngày xưa nhưng có phần mệt nhọc hơn, có phần uất ức và thống thiết hơn xưa. Nhưng ngày xưa tôi có nghe đứa trẻ khóc đau ? Nó đã chết tự bao giờ trong lòng mẹ nó, có lẽ từ những loạt súng đầu tiên. Tiếng khóc thơ trẻ này sao nghe vừa lạ, vừa quen, có một âm hưởng lạ lùng hết sức. Phải chăng đó là một cơn mê sảng do những hình ảnh của khung cảnh cũ gọi lại trong tôi ?

Tôi ngồi lên, lắng tai nghe ngóng giây lâu... Tiếng khóc sau một hồi gào

kêu lại yếu dần rồi lại nổi lên bí đất hơn nữa. Nó văng lên từ chân pháo đài, nơi cái nền xưa, phải chăng là oan hồn những người ấy còn theo đuổi mãi tôi ? Không, tôi không tin ma... ma không thể nào là một hiện tượng có thực ở trên cõi đời này... Tôi đã từng giết chết bao người và đã từng ngủ cạnh bao nhiêu xác chết. Ma là gì ? Là một sự vật tưởng tượng, bịa đặt, hoặc một sự lừa phỉnh của kẻ khác hay chính của trí não ta trong những cơn huyền tưởng. Không, tôi không tin ma, khi tôi đã từng được chứng nghiệm rõ ràng qua bao nhiêu lần trong thực tế chiến đấu của đời tôi. Nhưng tiếng khóc ấy từ đâu lại ? Tự nhiên tôi cảm thấy lạnh trong xương sống và một cảm giác rờn rợn luôn chạy khắp người. Tôi muốn đứng dậy nhưng vẫn cứ nằm yên trên giường như bị những lời than vãn làm cho tê liệt. Dần dần những ý nghĩ về nhiệm vụ của tôi trở lại và tôi tự thấy xấu hổ nếu không biết rõ được sự thực. Biết đâu có một đứa trẻ nào bị nước lụt trôi giạt vào pháo đài, biết đâu đó không phải là mưu kế của kẻ thù để thừa cơ công phá vị trí chúng tôi ?

Tôi đứng dậy, cầm khẩu tiểu liên và bước ra, gọi người lính gác :

— Anh có nghe thấy gì không ?

Người lính lắng tai rồi trả lời :

— Thưa Trung-úy, em không nghe gì hết.

Tôi hỏi lại :

— Một tiếng khóc ?

Anh ta vẫn im lặng, vẻ mặt ghéch lên trong một dáng điệu chăm chú ngờ ngác.

Tôi tiếp :

— Một tiếng khóc rền rĩ như tiếng của con nít và của người đàn bà ?

Người lính giương đôi mắt trắng dã trong đêm, không nói một lời. Tôi gần lại :

— Anh vẫn không nghe gì hết ?

— Thưa Trung úy, em chỉ nghe tiếng gió trên bờ thành, tiếng nước dưới chân tường và đôi tiếng chim rất nhỏ, ngoài xa.

Người lính không nghe tiếng khóc ! Vậy những giọng bí đất kia đã từ đâu lại ? Tôi đứng yên trong cái im lặng nặng nề chôn vùi những cảm giác rùng rợn bởi vì bây giờ tiếng khóc càng nghe rõ hơn, gào lên, vang lên ào ạt hơn trước. Tôi chìa khẩu súng xuống chân pháo đài, hét lớn :

— Ai ở dưới ấy, nói lên !

Im lìm. Một lát, tiếng khóc lại văng lên, tỏa ra theo gió lạnh từ sông đưa vào, hun hút qua các lỗ châu mai. Tôi bóp cò. Từng luồng lửa sáng lờ trong đêm, những tiếng rền chuyên không khí yên lặng và nước bắn tung tóe dưới chân pháo đài, nhấp nhô từng mảng bạc dưới ánh trăng mờ.

Tôi lắng tai nghe. Tiếng khóc vẫn còn âm ỉ, văng vẳng, mơ hồ hơn trước nhưng nghe như uất ức nghẹn ngào. Rồi dần dần nó lại nổi lên, hai giọng sóng đôi, náo nức, đau khổ, giọng người mẹ kêu than và giọng đứa con gào khóc.

Loạt tiểu liên đánh thức tất cả lính trong pháo đài và gọi dậy bao nhiêu họng

súng của các vị trí lân cận. Trong khi xa gần tiếng súng nổ ran, chúng tôi lần lượt bóp cò. Nước tóe lên tứ phía, tiếng rền xáo động cả một vùng yên tĩnh. Nếu quả thực có ma thì hồn ma gan lì nhất cũng phải bị xua tan.

Sau một hồi khá lâu, khi những loạt súng dài đã dứt hẳn, tôi vẫn dựa vào thành gác, chăm chú đứng nghe. Cảnh đã dần dần yên lại và nước vẫn vỗ lộp vào chân pháo đài. Tôi đoán chừng tiếng khóc đã tắt hẳn. Nhưng không, nó lại bắt đầu vang lên, ai oán, rã rời. Đó là những hơi thở phì phào trong một cỗ họng gần đứt, đó là những tiếng nghẹn trong một buồng phổi đã rách tan. Sau cùng, như hơi nướn găng gượng, tiếng khóc kéo dài, âm ỉ, rồi rú lên như một người đang cào tay trên không đề kêu la, hai chân co quắp cổ quờ trên mặt đất đầm máu.

Tôi gọi một số người cùng tôi bước xuống pháo đài. Thấy vẻ ngơ ngác của tôi nên ai cũng lộ ít nhiều băn khoăn. Tuy thế, lăm lăm khẩu súng trong tay, họ bước theo tôi, cố tạo một dáng điệu rất là mạnh bạo.

Chúng tôi bước xuống lạng lẽ, tai như mở ra để nghe ngóng trong đêm. Tiếng khóc yếu dần, và khi chúng tôi đi đến bậc cấp cuối cùng, chỉ còn nghe tiếng nước vỗ lộp vào chân tường, ngọn gió lạnh lùa vào các lỗ châu mai giữa cái mệnh mông run rẩy của một đêm vắng lạnh ».

Giọng Trung úy KH. như chìm hẳn xuống và ông dừng lại, cặp mắt bỗng long lanh sáng như những ngôi sao đã ướt mờ sương.

Một người hỏi :

— Thế là cái gì ?

Trung úy KH. lắc đầu một cách nhẹ nhàng rồi hơi cúi xuống, thông thả nói :

— Thực cũng khó mà nói rõ là cái gì. Sau lúc đó tôi thức cho đến sáng, đầu óc chờn vờn bao nhiêu hình ảnh ma quái. Đến lúc tập hợp, để giữ vững tinh thần binh sĩ, tôi cho họ biết rằng những tiếng khóc đêm qua chỉ là những tiếng kêu của một con chim ăn đêm bị lạnh, nép mình dưới chân pháo đài mà trí não huyền hoặc đã khéo làm tôi tưởng tượng ra những lời than vãn.

Những lời nói đơn giản ấy chỉ an ủi được binh sĩ chứ không an ủi được chính lòng tôi. Riêng tôi, tôi vẫn nghĩ rằng có lẽ cũng có một con chim lạc loài đã kêu lạnh trong đêm hoặc là hơi gió rít qua các lỗ châu mai nghe như những lời than oán, nhưng chính thật ra những tiếng gào khóc kia đã vọng ra thảm thiết từ nơi hồn tôi từng chứng kiến cái chết oan uổng mà tôi phải gánh phần trách nhiệm.

Chắc ai cũng đều đồng ý với tôi rằng chiến tranh chỉ cho phép ta giết kẻ thù địch để chiến thắng, để tự vệ, nhưng ta không có quyền giết kẻ vô tội. Ai đã từng chiến đấu mà chẳng có lúc giết

lắm ? Nhưng mặc dù ta đem bao nhiêu lý lẽ để che dấu đối với người khác, ta vẫn không thể che dấu được chính lòng ta. Con người thực trong mỗi chúng ta vươn lên một cuộc sống tự do và cao đẹp, luôn luôn kêu thét lên trước sự tàn nhẫn, trước cảnh bất công. Ta chiến đấu là để xây dựng con người cao quý ấy, đâu phải là để biến đổi nó thành ác thú ?

Có lẽ hình ảnh người đàn bà gầy guộc vì đứa trẻ thơ vô tội kia có đủ những hình nét thảm khốc để đánh thức dậy ở lòng tôi những rung động về nghĩa nhân ái, về lòng thương yêu, về tình trắc ẩn. Nếu có thể gọi đó là ma thì

tôi cho rằng ma là tiếng vọng của lương năng con người trong khi tha thiết đòi hỏi công bình và nhân ái. Đó là tiếng kêu cứu giữa người với người khi thấy tình người bị giày đạp, tiếng gào vang lên giữa nhân loại đang cố dùng đủ mọi thứ mặt nạ chính trị để che mặt giết nhau. Tiếng gào khóc của đứa bé phải chăng là tiếng kêu cứu của bao nhiêu con người hiện nay đang bị tàn sát, dọa đầy oan uổng, tiếng người mẹ gào than phải chăng là sự cảnh cáo thống thiết nhất của con người đang cố gắng đến cùng lực để bảo vệ cái vốn quý hóa nhất của chính mình ?

VŨ-HẠNH

★ **MẶC** dầu có những lý thuyết bình quyền, bình đẳng trong thế gian, nhiều người vẫn tự nhiên cảm thấy cần phải dựa vào một kẻ nào vượt trên họ. Nếu không có ai để hiểu và khuyến khích, họ sẽ đâm ra lưỡng lự, bất nhất, vô định. Sự hiện diện của người thủ lãnh xứng đáng vừa là chỗ nương tựa, vừa là nơi an toàn, lại vừa là sức mạnh của họ.

★ **KHÔNG** có người thủ lãnh sắp đặt và phối trí, không có người thủ lãnh suy tính và truyền đạt những suy tính cho kẻ dưới như cái đầu truyền đạt thần kinh khí cho tứ chi, thì một đoàn người sẽ kiệt sức, do bởi các nỗ lực nối tiếp nhau một cách rời rạc, lung tung và trở thành vô hiệu lực, rồi rốt cuộc, đưa tới thất bại không thể tránh được, thất bại càng cay đắng nếu người nào cũng đều đã dốc tất cả thiện chí của mình vô đó.

BƯỜNG THI CHÚ GIẢI



NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỚC

Hoa gian nhất hồ tửu,
Độc chước vô tương thân.
Cử bói yêu mình nguyệt,
Đổi ảnh thành tam nhân,
Nguyệt kì bất giải ăm,
Anh đồ tùy ngã thân.
Tam bạn nguyệt dữ ảnh,
Hành lạc tu cấp xuân.
Ngã cá nguyệt bồi hồi,
Ngã vũ ảnh linh loạn,
Tĩnh thời đồng giao hoan,
Túy hậu các phân tán.
Vĩnh kết vô tình du,
Tương kì mịch Vân-hán...

LÝ-BẠCH

DƯỚI TRĂNG CHUỐC RƯỢU MỘT MÌNH

Bên hoa, một hồ rượu,
Mình uống không cớ ai.
Nâng chén mời trăng sáng,
Đổi bóng thành ba người.
Trăng đã không biết uống,
Bóng cứ theo ta hoài.
Tam bạn trăng cùng bóng,
Mua vui cho kịp thời.
Ta hát, trăng nhôn nhơ;
Ta múa, bóng nghiêng ngã;
Khi tỉnh cùng đùa vui,
Lúc say cùng tan giũ.
Muốn kết tình lâu dài,
Hẹn trên Vân-hán đó.

Á-Nam Trần-Tuân-Khởi dịch

PHẦN GIẢI THÍCH

Trong nơi những khóm hoa um tùm, mang bầu rượu ra, chỉ có một mình ngồi uống, ngoài ra tịnh không một ai thù tạc với mình.

Ta nâng chén rượu lên, vẫy mời mặt trăng ở trên không đề cùng uống với ta; thì lúc đó có ta cùng trăng sáng, và thêm cái bóng của ta, cộng lại thành ra ba người.

Tuy vậy, song đáng tiếc là vầng trăng kia đã không biết thưởng thức chén rượu cùng ta; mà cái bóng của ta lại cứ lẻo đẻo theo ta, không hề chịu rời chỗ khác.

Trong cái thời gian đó, không còn cách gì làm cho thay đổi hoàn cảnh, khiến ta phải tạm lấy vầng trăng cùng cái bóng của ta để làm bạn hữu; vì người đời những giờ phút hành lạc chớ nên để cho lỡ mất.

Ta cất tiếng hát lên thì vầng trăng kia tựa như vẫn vợ, lơ lửng không rời xa; ta giang tay múa thì cái bóng của ta lại luôn luôn nghiêng ngã, tựa hồ theo điệu cùng ta để làm cho ta thêm phần hứng thú.

Khi ta còn tỉnh thì ta cùng trăng với bóng cùng góp thủ vị với nhau, cả ba rất là hoan hỉ; nhưng khi ta đã say rồi thì lại cùng nhau chia rẽ, không còn chút gì lưu luyến với nhau.

Tới đây lui gót trở về, ta rất lấy làm băn khoăn luyến tiếc, những muốn cùng nhau đề đỉnh giao du, cho thành một khối lâu bền; vậy chỉ còn một cách là sẽ hẹn tìm nhau ở trên khoảng giới cao ngất, tức là trên sông Vân-hán, một nơi xa hãn cõi trần.

Những truyện Liêu-trai chưa từng dịch

VÂN - HÀ

KIỀU YẾU (dịch)



NĂM nào đến mồng năm tháng năm, mạn Ngô, Việt (tức là Giang-tô và Chiết-giang) cũng có đua thuyền rồng. Người ta tạc gỗ thành long hình, vẽ vẩy, thiếp vàng dát ngọc rực rỡ; trên làm rường chạm kèo son, buồm và cờ xí đều bằng gấm vóc. Lái thuyền uốn cong lên thành đuôi rồng, cao hơn một trượng ($\approx 3,2m$); lấy dây ràng rịt ván, ghép lại thành sạp. Phía dưới đuôi rồng có đứa bé ngồi trên ván sạp, nhào lộn lẩn cù, biểu diễn những trò khéo. Vây quanh mạn thuyền là sông cái mệnh mông, sự nguy hiểm rơi tòm

xuống nước chực hồ từng giây phút.

Nên muốn mua được đứa bé như thế, trước phải đem vàng dẫn dụ cha mẹ nó, rồi luyện tập nó cho thuần thục, phòng khi ngã xuống nước mà chết, khỏi điều oán hận.

Còn ở Ngô-môn (tức Tô-châu, thuộc tỉnh Giang-tô) thuyền rồng lại chở kĩ nữ đẹp, khác nhau chỗ đó thôi.

Huyện Trấn-giang (thuộc tỉnh Giang-tô), họ Tường có cậu bé tên Đoan, mới lên bảy đã học thạo đủ trò kỳ xảo, không ai hơn, tiếng tăm càng ngày càng nổi. Năm mười sáu tuổi, vẫn còn được

dùng. Lúc thuyền đến chân núi Kim-sơn (phía tây bắc Trấn-giang), ngã xuống nước chết. Bà Tường chỉ một đứa con trai ấy, nên gào khóc không thôi.

Đoan chẳng ngờ mình chết : có hai người nào lạ dẫn cậu đi. Dưới đáy nước thấy một cõi trời đất riêng biệt. Ngóai cở trông lại, sóng nước vây tư bề, cao ngất như bức vách đứng thẳng. Một lát cung điện hiện ra, có một người ngồi chính giữa, đầu đội đầu mâu. Hai người kia nói : « Đây là Long-Oa-quân », bảo cậu bái yết. Vua Long-Oa vẻ mặt ôn hòa, cất tiếng phán : « Tài nghệ thế ấy nên cho gia nhập Đoàn Tơ-Liêu ».

Lạy từ giả, đi đến một chỗ có đèn rộng bốn phía. Bước lên đồng lang, thấy nhiều người thiếu niên ra vái chào, đều một loạt mười ba, mười bốn tuổi. Liền đó có bà lão đi lại, chúng gọi là Giải-mỗ (bà giáo sư họ Giải). Bà ngồi xuống ra lệnh biểu diễn. Xong lại dạy vũ khúc « *Sấm ran Tiên-đường* » và nhạc điệu « *Gió mát Động-đinh* ». Phía nào cũng nghe trống chiêng ầm ĩ, các viện đều vang rền ; rồi các viện trở lại im phăng phắc.

Bà lão sợ Đoan không thể thuộc liền được, cứ theo lời nhải sửa chữa riêng một mình cậu, nhưng Đoan chỉ học qua một bận đã lâu thông. Bà thầy mừng mà rằng : « Được cậu này, đâu kém cạnh gì Văn-Hà ».

Sáng hôm sau vua Long-Oa xét các đoàn, nên mọi đoàn tụ tập đủ cả. Trước hết xét đoàn Dạ-Xa, hóa trang thành mặt quỷ, y phục giống hình cá,

đánh chiêng lớn, châu vi ước chừng bốn thước (0,32 m $\times$ 4 = 1,28 m), còn trống độ bốn người ôm mới giáp vòng, tiếng như sấm động ; giả sử có ai kêu la, cũng chẳng tai nào nghe được. Khi vũ khúc bắt đầu, thì ba đào cuộn cuộn, tung tóe giữa khoảng không, khiến lát lát có một đốm sao sa, hể dụng đất liền tiêu đầu mắt.

Vua Long-Oa vội vàng ra hiệu ngừng lại, truyền bảo Đoàn Oanh-Non tiến lên, đều là gái mỹ miều đôi tám, cầm sênh (1) mười ba ống thổi tỉ tê. Thoắt chốc gió mát hắt hiu, sóng im tiếng vỗ ; nước dần dần ngưng lắng tựa hồ một thể giới thủy tinh, trong suốt từ trên xuống dưới. Xét xong, cả bọn lui xuống đứng dưới thềm sân phía tây.

Kể xét Đoàn Chim-Én, toàn là thiếu niên đầu đề trái đào. Trong số có một nữ lang tuổi mười bốn mười lăm trở lại, phầy tay áo rộng, rũ tóc tơ mảnh, múa khúc « *Rắc hoa cúng Phật* », sập xòe bay lượn, cở áo, tay áo, chổ vớ sát với miệng giày đều tủa ra những đóa hoa ngũ sắc, phất phới nhịp nhàng trước gió. Múa xong, cũng theo đoàn xuống sân phía tây. Đoàn liếc mắt nhìn theo mà chớm niềm lưu luyến. Hồi những người đồng bạn, té ra Văn-Hà.

Chẳng mấy chốc, kêu Đoàn Tơ-Liêu, vua Long-Oa đặc biệt muốn thử tài Đoan. Đoan biểu diễn điệu múa đã học bữa trước, vẻ mừng nét giận hợp tình, cúi xuống ngừng lên đứng nhip, Vua Long-Oa khen cậu đỉnh ngộ, ban

(1) Xin xem Phụ chú

cho bộ quần áo kỳ mã có năm sắc màu, trăm vàng cài mũ, đầu trăm khảm dạ quang châu. Đoàn lạy tạ lui xuống, cũng đi về sân phía tây.

Ai nấy đều giữ hàng ngũ của mình. Đoàn trông với Văn-Hà lẫn trong đám đông. Văn-Hà cũng trong với Đoàn. Một lát sau Đoàn dùng dằng rồi tách ra khỏi đoàn đi về hướng bắc. Văn-Hà thì rút sâu vào đoàn quay lại hướng nam, cách nhau chỉ mấy vũ (1 vũ = 0,80 m), nhưng phép nghiêm nhặt, chẳng dám lộn đoàn, đành chỉ nhìn nhau mà tâm thần lẻo đẻo.

Cuối cùng xét Đoàn Bướm-Bướm, đồng nam đồng nữ cặp đôi cùng lứa, vóc cao thấp, tuổi lớn nhỏ phục sức vàng trắng, đều được chọn lựa giống nhau từng cặp.

Xét rồi, các đoàn lũ lượt nổi gót đi ra. Đoàn Tô-Liêu tiếp theo Đoàn Chim-Ến. Đoàn rào bước vượt lên hàng đầu, còn Văn-Hà thì đi rẽ rẽ đằng sau, ngoái đầu lại thấy Đoàn, cố

ý đánh rơi chiếc thoa san hô xuống đất. Đoàn vội vàng lượm dứt vào tay áo.

Khi đã về, băng khuâng tưởng nhớ mà thành bệnh; nhớ đêm quên ngủ nhớ ngày quên ăn. Giải-mổ bèn đem miếng ngon vật lạ đến, mỗi bữa thăm ba bốn bận, vỗ

về rất ân cần, nhưng bệnh chẳng thuyên giảm chút nào cả. Bà giáo sư lo lắng nghĩ không ra kể, nói: « Tiệc thi Ngô-Giang-vương đã kể một bên, tính sao bây giờ ».

Chàng vạng, một cậu bé đi lại ngồi ghé cạnh giường hầu chuyện, tự xưng nói là ở Đoàn Bướm-Bướm, thông dong hỏi rằng: « Anh vì Văn-Hà mà đau phải không? » Đoàn kinh ngạc hỏi lại: « Sao biết? » Cậu bé đáp: « Văn-Hà cũng giống như anh ». Đoàn búi

ngủ nhòm dậy, nài xin phương kế. Cậu bé hỏi: « Còn đủ sức bước đi không? » Đáp rằng: « Gắng gượng thì cũng còn ra sức được ».

Cậu bé kéo dậy, đi ra hướng nam mở



một cái cửa hẹp, ngoắt sang hướng tây, lại mở hai cái cửa nữa. Bấy giờ thấy bông sen vài mươi mẫu, toàn mọc trên đất bằng, lá to bằng chiếu trái, hoa lớn bằng lòng giương, cánh rơi cuống gãy chồng lên một lớp dày độ một thước (= 0,32m). Cậu bé dắt đến chính giữa mà rằng : « Hãy tạm ngồi đây », rồi bỏ đi.

Giây lát một mĩ nhân rẽ hoa sen đi vào : té ra Văn-Hà. Gặp nhau vừa kinh dị vừa mừng rỡ, cả hai cùng ngỏ nỗi lòng tương tư, lược thuật sanh bình cho nhau biết. Đoạn lấy đá chặn cuống sen cho nằm nghiêng một bên, để che khuất bốn mặt, lại rút cánh hoa rải đều, thành đệm lót, hôn hò cùng nhau vầy cuộc vui tay đôi. Xong, hẹn ước tái hội, định ngày ngày đến đó lúc hoàng hôn, rồi giả Đoạn đi về. Bình cũng nhờ thế mà khỏi hẳn. Từ đây hai người mỗi ngày sum họp một bận giữa đồng sen.

Vài hôm sau cùng theo Long-Oa-quân sang mừng thọ Ngô-Giang-vương. Tiệc thọ xong, các đoàn đều trở về cả, chỉ cần Văn-Hà lại với một người của Đoàn Oanh-Nôn, để dạy múa trong cung.

Mấy tháng âm hao vắng bật, Đoạn gần như mất hồn. Chợt nhớ Giải-mổ ngày ngày lui tới phủ Ngô-Giang, Đoạn bịa Văn-Hà là em một mẹ khác cha, xin bà dẫn theo, mong được thấy mặt một phen. Trọ phủ Ngô-Giang dăm ba hôm, cung cấm nghiêm mật, Văn-Hà khổ nỗi không được phép ra, Đoạn thất vọng trở về. Suốt hơn một tháng, nhớ nhung cực độ si mê.

Một hôm Giải-mổ bước vào, rầu rĩ mở lời an ủi : « Cậu thương tiếc không ? Văn-Hà đã gieo mình xuống sông cái rồi ! » Đoạn

kinh hãi, nhô nước mắt, không tài nào cầm được. Điền cuồng đập mũ xé áo, giấu đồ vàng hạt châu trong mình, cất bước ra đi, định bụng tìm theo nhau mà chết chung. Nhưng thấy nước Trường-giang dựng đứng như bức vách, hết sức lao đầu vào mà chẳng lọt. Bấy giờ lại muốn quay về, nơm nớp sợ bị tra hỏi về việc áo mũ, ắt tội sẽ nặng thêm. Ý lo lắng cấp bách, đến nỗi vã mồ hôi như tắm.

Bỗng nom thấy dưới chân vách nước có một cây to, bèn vịn thành treo lên, dần dần tới ngọn, nỗ lực phóng xuống. May sao chẳng ướt đầm, lại nổi lên bờ trên mặt nước. Còn đương hoang mang, giật mình nhìn thấy là nhân gian, bèn phoi phới lội tới, một lát vào bờ. Bước đi một quãng theo ven sông, sực nhớ mẹ già, bèn có giang thuyền mà đi.

Về đến xóm, ngảnh nhìn bốn bên nhà cửa, thấy như đã li cách một đời. Hôm sau tới nhà, chợt nghe bên trong cửa sổ có tiếng con gái nói : « Con trai của mẹ về kia », âm thanh giống hệt ở đồng sen. Giây lát cùng mẹ bước ra, quả là Văn-Hà. Bấy giờ hai người trẻ vui nhiều hơn buồn, mà riêng phần bà lão thì buồn, ngờ, kinh, vui, ngồn ngang trăm nỗi hiện ra mặt.

Trước kia Văn-Hà ngụ tại Ngô-Giang, nghe trong bụng cựa quậy, nhưng pháp cấm ở long cung rất nghiêm, những sợ sớm chiều giở dây bụng mang dạ chửa, tránh sao khỏi bị đòn. Đã thế lại chẳng được gặp Đoạn lấy một lần, chỉ muốn tìm cái chết, bèn lên đi gieo mình xuống sông cái.

Thân trôi lều bều, nổi chìm giạt theo sóng, may gặp dò cứu được. Lúc hỏi quê quán, Văn-Hà vốn là một ả giang hồ nức tiếng đất Ngô, đã trăm mình mà không chết, nghĩ có lẽ đâu trở lại lâu xanh, bèn nói : « Nhà họ Tường ở Trấn-giang là nhà chồng tôi ». Khách bèn mượn thuyền nhỏ, đưa nàng về nhà.

Bà Tường ngờ nàng ngộ nhận chăng, nàng cả quyết không lầm, đem tình thật bày tỏ cho bà biết. Bà lão thấy phong cách của nàng có chiều đoan nhả, sanh lòng triu mến. Chỉ lo nàng tuổi còn trẻ quá, chắc không phải là người thủ tiết đến chung cuộc được. Nhưng rồi nàng tỏ ra hiếu thuận, dòm thấy cảnh nhà nghèo túng, bèn lột cả đồ trân bảo, bán được mấy vạn. Bà lão dò xét nàng quả không ần ý gì khác, rất mừng. Nhưng con trai bà chẳng có tại nhà, sợ hôm nào ở cũ, chắc không được lòng tin kính của thân thích, lằng giềng. Đêm điều ấy bàn, thì nàng nói : « Miễn mẹ được cháu thật là cháu, lựa phải cầu người khác biết cho sao ? » Bà lão nghe vậy mới yên lòng.

Bây giờ đây Đoan đã về, nàng vui mừng không lúc nào vơi. Bà lão cũng vẫn ngờ lẽ đâu con mình chưa chết, lên cho đào mả con, thấy hài cốt rõ ràng còn kia, nên gặng hỏi Đoan về sự ấy. Đoan bấy giờ mới nào nề tình ngộ, nhưng lại sợ Văn-Hà hiềm mình chẳng phải là người dương gian, dặn mẹ đừng dờ chuyện đó ra nữa, mẹ đồng ý.

Bèn tỏ cho hàng xóm biết, kéo họ cứ cho rằng chàng trai đến ở nhà bà hôm ấy không phải là xác con bà. Nói vậy, mà vẫn lo chàng không thể có con. Nhưng chẳng bao lâu sanh một mụn trai, Âm

lên xem, không khác trẻ con thường, bấy giờ mới thật hoan hỉ.

Lâu ngày, nàng dần dần hiểu vợ Đoan không phải là người, bèn phàn nàn : « Sao không nói trước cho em biết. Phàm ma, nếu mặc được y phục ở Long-cung, thì nội bốn mươi chín bữa, hồn phách sẽ ngưng tụ, khác gì người sống. Còn nếu được long giác giao (keo sừng rồng) ở Long-cong, thì có thể nối các khớp xương lại mà nảy ra thịt ra da. Tiếc chẳng sớm mua được thứ ấy. »

Đoan đem dạ quang châu đi bán, có bác lái buôn người Hồ mua đến giá trăm vạn. Nhờ vậy Đoan thành cự phú.

Ngày mở tiệc thọ của mẹ, vợ chồng cùng hát múa dựng rượu chúc mừng. Sự ấy đồn thấu tai Hoài-vương. Vương muốn cưỡng đoạt Văn-Hà. Đoan sợ quá, thân đi yết kiến vương để trần tình, thưa rằng vợ chồng đều là ma. Nghiệm thử, thấy không có bóng, mới tin là nói thật. Bèn bỏ ý chiếm đoạt, chỉ khiến cung nhân đến một viện khác, để nàng truyền dạy tài nghệ cho. Nàng lấy nước đá rửa làm xấu dung nhan đi, rồi sau mới ra mắt vương. Dạy được ba tháng vẫn không sao truyền hết tuyệt kĩ, nàng xin về.

BỒ TÙNG-LINH (Họ bán thế kỉ XVIII)
KIỀU-YIÊU dịch

Phụ chú về chữ « SÊNH ».—

Trong bản dịch này, chữ SÊNH dùng đúng theo nguyên nghĩa của nó : « SANH : nhạc khí, hữu thập tam quản » (thứ nhạc khí để thổi, gồm có 13 ống ghép lại). TỪ UYÊN, tương 1054.

Lúc chuyển sang tiếng Việt, SANH biến âm thành SÊNH và mất luôn cái nghĩa cổ hữu của nó. Việt-Nam tự điển giải thích là : « Nhạc khí làm bằng hai miếng gỗ để gõ nhịp ». Đồ dùng để gõ nhịp, người Trung-hoa chẳng bao giờ gọi là SANH, mà gọi là PHÁCH BÀN.

KHOÍ LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯƠNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

LƯỢC DẪN

Cậu Bân-A, con trai trưởng ông Tăng-Văn-Phác, một vị quan cao triều Thanh-Mạt, được đính hôn với nàng Man-Ni vốn mồ côi cha. Bân-A bị bệnh nặng, gia quyến họ Tăng mới mời mẹ con Man-Ni đến Bắc-Kinh để làm lễ cưới « Xung-hi », hy vọng rằng có lẽ nhờ đó mà bệnh Bân-A thuyên giảm.



Man-Ni nghe Quế-Cô nói như thế, trong lòng hồi hộp, không thể không hoan hỷ. Nàng mỉm cười và quay lại thưa với thân mẫu: « Đây, thưa mẹ, Quế-Cô lại chế giễu con rồi đấy! »

Thân mẫu Man-Ni nói: « Muốn việc đều do trời định cả... Tật, bệnh, đều thuận theo thiên ý... Miễn là trời, Phật độ trì, thì bệnh gì cũng qua khỏi, chứ, sức người có nghĩa lý gì!... Cô cứ dạy quá lời như thế, mẹ con chúng tôi đâu dám nghĩ như vậy... »

Tăng-thái-thái rất đôi vui vẻ. Bà nói: « Chiều nay, quan ngự y cũng đã bảo, nếu cậu nó cắt được cơn sốt, thì, chỉ vài ba bữa nữa, đã có thể cho nó ăn cháo nấu bằng gạo cũ, để lâu năm, không dã... Đúng hết mơ,

gạo là dầu vị để nuôi thân thể, hề cháu nó ăn được tí cháo, là nó sẽ lành mạnh rất mau... Các thứ thuốc thang, tuy là để chữa bệnh thực đấy, nhưng, muốn khỏi phục lại nguyên bản của con người thì không thuốc nào bằng cơm gạo; từ xưa, các cụ chẳng vẫn nói: « không cơm, không cháo, mạnh bạo gì thầy, mà lại!... »

Bản-A cứ nằm yên nghe những lời bàn bạc về bệnh tình của mình; cậu vẫn để một cánh tay ra ngoài, cái chân bằng đoạn xanh. Trông thấy cái cánh tay xanh lướt, tiêu tụy đó, Man-Ni như bị thôi miên, không rời được mắt đi.

Tăng-thái-thái lòng mừng khắp khỏi, bà đứng lên và nói với thân mẫu của Man-Ni rằng:

« Hôm nay, đi đường chắc là vất vả, mệt nhọc lắm, vậy xin bà mẫu đi nghỉ sớm một tí cho con em nó cũng được nghỉ ngơi với... » Bà thân mẫu của Man-Ni liền đứng dậy. Man-Ni cũng phải miễn cưỡng đứng lên theo. Riêng Bản-A, xem ý cậu không ngờ cuộc tương kiến lại mau chóng quá như vậy. May sao, Quế-Cô ngầm hiểu, liền nói:

« Thừa hai thái-thái, kẻ ra đã dư hai năm nay, hai anh em mới lại được gặp mặt nhau, mà họ chưa được nói với nhau một lời nào, ngoài mấy lời chào hỏi, vậy xin hai thái-thái cứ về phòng

trước, để tôi, tôi xin ở lại đây với hai trẻ... »

Tăng-thái-thái đáp: « Vâng, được, thế càng hay... thôi để chị em tôi lên phòng trước. » Đấy chẳng qua cũng là đã dự liệu như vậy.

Trong khi Quế-Cô tiễn hai thái-thái ra cửa phòng, Bản-A nói với Man-Ni:

« Man-Ni ơi!... Em xích lại gần đây, với anh một tí nào!... »

Man-Ni cứ ngồi yên, không nhúc nhích, động đậy. Quế-Cô thấy vậy liền ôn tồn, rẽ giọt, bảo Man-Mi:

« Kia em, Bản-Kha muốn em ngồi gần lại, em cứ ngồi gần lại đi, không sao đâu mà... Em có ngồi gần lại Bản-Kha mới đỡ phải cất cao giọng, mới khỏi mệt, em à... ơ kia, Bản-Kha yếu đã lâu, em không nhớ sao?... Ấy, chính bữa nay, vì cô em, Bản-Kha mới nhúc nhích, cử động, được một tí, hơn hẳn mọi ngày đấy, em à... Em kéo ghế, ngồi sát vào thành giường kia, em à!... »

Man-Ni, tuy hồ thẹn đã chín như cả người đi, nhưng phải cố gượng và se sẽ nhích cái ghế lại phía đầu giường của cậu rồi ngồi xuống. Bản-A chưa bằng lòng, lấy tay làm hiệu vẫy nàng lại gần nữa, nhưng nàng không nghe, cứ căng tri ngồi ở đấy thôi. Tuy vậy, nàng có còn xa cậu mấy nữa đâu,

nàng để tay vuốt lên tay cậu ở trên làn chân. Cậu thuận thế, liền thò tay ra, nắm lấy cổ tay nàng. Nàng làm như không chú ý, cứ để nguyên.

« Muội-muội ơi! Em đã cao lên nhiều, đẹp lên nhiều!... Em có biết không? chỉ nhìn thấy em, là anh thấy khỏi hết cả!... » Cậu nói thế.

Man-Ni quay đầu về phía Quế-Cô, có ý như đề hỏi Quế-Cô: « Thế bây giờ, em phải làm gì nữa, hở cô? »

« Em ạ, anh đợi em bao nhiêu lâu... anh mong em lại kinh, mong đêm, mong ngày, mà chẳng thấy em đâu!... Thế rồi, cả một buổi chiều nay, anh lại mong, lại đợi, đợi mãi, đợi em mãi, chẳng thấy em đến!... Em ạ, anh có bao nhiêu là điều muốn nói với em, ấy thế mà, bây giờ, em đến, em làm anh quên hết cả rồi,... anh chẳng còn nhớ ra được một câu nào nữa... anh bắt đền em đây!... Nhưng thôi, chẳng quan hệ gì cả., Em đã ở đây rồi, thế là đủ cả rồi!... » Cậu đã bắt đầu thở hổn hển vì nói nhiều quá, cậu thấy mệt, tuy vậy, cậu vẫn nói tiếp: « Được luôn luôn trông thấy em... luôn luôn nghe tiếng em... anh thấy vui thích, không biết chừng nào mà kể... Nhưng mà, anh thấy mệt quá!... »

Man-Ni vội nói: « Bàn-Kha! Có lẽ anh đừng nên nói nhiều vội,

anh ạ... Nếu anh tin rằng bề em ở gần anh, thì anh sẽ đỡ... anh sẽ khỏi... thế bây giờ em đã ở đây với anh rồi... anh sẽ chóng khỏi đi nhà... »

Cặp mắt mẫn nhệ của nàng đã chợt nhận ra những giọt mồ hôi ở trên vùng trán của cậu.

Man-Ni quay nói với Quế-Cô:

« Thưa cô, anh em đồ nhiều mồ hôi, cô ạ... Có lẽ phải lau rửa đi kẻo bị lạnh, thưa cô... »

Quế-Cô vội đi sang bên buồng bên mà ở trong đó, có đủ ngăn đựng thuốc, hỏa lò và siêu sắc thuốc. Trên hỏa lò đã sẵn có ấm nước đang đun, Quế-Cô lấy khăn tay nhúng vào nước nóng, vắt ráo đi, rồi đem trở lại trao cho Man-Ni. Man-Ni cầm lấy chiếc khăn, lòng bồi hồi, có ý trù trù, chưa biết tính sao, Quế-Cô ngăm nhìn, liền giục:

« Em hãy lau mồ hôi cho Bàn-Kha đi. »

Bàn-A cũng theo đà, nói một cách khẩn khoản: « Phải đấy, em lau giùm anh đi với nào. »

Man-Ni cảm động quá. Nàng đứng lên, cúi khom khom và dịu dàng, âu yếm, lau mặt và cổ cho cậu. Nàng thấy trong lòng vui sướng và tưởng chừng như có thể chung thân chăm nom cậu, săn sóc cậu, giúp đỡ cậu, nâng đỡ cậu, mà không bao giờ quản công.

Quế-Cô bước lại phía đầu giường, đỡ cậu ngồi ngay lên. Lúc đó, ba cái đầu đều chụm vào nhau một cách thân cận. Man-Ni sẽ rí tai, hỏi Quế-Cô: « Ở ngoài kia có ai không, thưa cô? ... Em e người ta trông thấy, thì làm thế nào? »

Quế-Cô vội vàng khẽ đáp: « Không đâu, cô đã đuổi họ đi rảo cả rồi. » Quế-Cô nói xong, cởi nút và mở cổ áo của cậu ra. Man-Ni cố gắng đem hết dũng lực ra, để đàn áp sự ngượng, thẹn, và nhẹ nhàng lau cổ cho cậu, bằng cái khăn tay ẩm; xong, cô lại lấy khăn khô bao lại cẩn thận.

Quế-Cô nói: « Đây, em xem, Bàn-Kha của em gãy, xanh, quá!... »

Bàn-A lại nắm lấy tay Man-Ni và nói, bằng một giọng đầy sự trêu mếu: « Đa tạ muối muối!... Thế bây giờ muối muối có tính tới việc lại bỏ anh đây mà về quê, nữa không? »

Man-Ni ngồi xa ra một tí và đáp: « Bàn-Kha cứ yên tâm, em sẽ ở đây với anh mãi mãi... » Cô nói rồi, thì cầm mấy chiếc khăn sang bên phòng bên, ra bộ để cất đi, nhưng kỳ thực, là để do thám xem có người lạ nào, đương nhòm nghe gì không? Nàng tho đầu ra ngoài cửa sổ và nhìn ra tứ phía; khi không trong thấy một bóng người nào, nàng mới trở lại buồng của Bàn-A, và ngồi vào chỗ cũ.

Bàn-A bảo nàng: « Em ngồi gần lại đây với anh, em ạ!... » Cô phải theo lời cậu, ngồi ghé vào mé thành giường.

« Ở kia, chính em, em cũng đồ hồ hôi ra, ướt cả mặt kia kia... » Quế-Cô nói thế. Man-Ni liền lấy khăn khô, lau mặt và cổ mình. Lau xong rồi, nàng vươn người, giơ tay, để vắt cái khăn lên giá, ở phía đầu giường của Bàn-A.

Bàn-A vẫn nằm yên lặng và để ý ngắm người yêu, từng cử chỉ, từng nét mặt, nhất nhất, cái gì cũng không qua mắt cậu.

Khi Man-Ni nghiêng mình, vươn lên để treo cái khăn tay lên giá, tà áo của nàng lướt qua mặt cậu, một mùi hương phảng phất đưa qua. Cậu vừa ngược lên, thì bắt gặp cả cái dung thái của nàng, do phản quang của ngọn đèn, ở phía bên kia, làm nổi bật lên, từ mái tóc, tới đường sống mũi, tới đôi hoa tai và cái lòng ngực thon thon, và những đường cong kiêu uyển, mà xưa nay, vẫn được giấu kín dưới làn áo. Tất cả những điệu vật đó có một sức hấp dẫn kỳ ảo nó làm cho Bàn-A nhìn không chớp mắt. Cậu ngắm nghĩa người yêu, tình triều rào rạt. Tuy, những hình ảnh kiêu diễm đó, chỉ thiển động trong có một thoáng, nhưng nó còn chờn vờn, ám ảnh cậu mãi mãi. Cậu nằm yên, đắm hồn trong cõi mê ly.

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(còn nữa)

CHÚ Ý

— Bách-Khoa đã in xong tập « Mục lục theo bộ môn » của Bách-Khoa từ số 1 đến số 24. Vậy những bạn nào mua Bách-Khoa dài hạn hoặc đã mua toàn tập Bách-Khoa, muốn có thêm tập « Mục lục » đó xin biên thư ngay về Tòa soạn Bách-Khoa, kèm theo tem (cò) 0\$50, chúng tôi sẽ gửi đến biếu các bạn.

BÁCH KHOA ĐÓNG THÀNH TẬP

— Bách-Khoa đã đóng thành từng tập 12 số, bìa dày (carton) gáy chữ vàng, rất mỹ thuật, giá phổ thông mỗi tập 105\$. Tập I: từ số 1 đến 12, Tập II: từ số 13 đến 24, Tập III: từ số 25 đến 36.

Số sách đóng thành tập có hạn, xin gửi mua ngay kẻo hết.

Sách mới

Chúng tôi vừa nhận được các sách sau đây :

- **Triết-Học và Xã-Hội của Huy-Kin**, do tác giả gửi tặng. Sách dày 72 trang giá 28 đ.
- **Anh-ngữ Tinh-âm từ-điển** của Phạm-công-Thiện có phiên âm quốc-tế, dày 184 trang, giá 59 đ. do tác giả gửi tặng.
- **Ca-dao giảng luận** của Thuần-Phong do tác giả gửi tặng. Ô. Thuần-Phong là người đã nghiên cứu rất công phu về văn học bình dân, đã viết những thiên khảo luận đặc sắc về ca dao đăng trên tạp chí Bách-Khoa trong năm 1957. Cuốn « Ca dao giảng luận », trên đây rất thực quả, rất lợi ích cho các giáo sư, các học sinh và tất cả những ai đương muốn tìm hiểu về ca dao nước nhà. Sách dày 196 trang giá 60 đ.
- **Hán-văn tự học** (in lần thứ hai) của Nguyễn-văn-Ba do tác giả gửi tặng.
Ô. Nguyễn-văn-Ba, năm 1940 đã cho xuất bản 5000 bộ Hán-văn tự học đầu tiên, được tất cả các bạn tìm học Hán-văn hoan nghênh nhiệt liệt. Nay ông Ba lại cho tái bản bộ Hán-văn tự học, nhưng có sửa đổi và bổ khuyết rất nhiều. Sách dày 333 trang, in đóng rất mỹ thuật, giá 150 đ.
- **Đông-y trên căn-bản nhân-vị** của Hội Y-dược Việt-Nam do Ô. Hội trưởng Nguyễn-văn-Ba gửi tặng.
Chúng tôi trân trọng cảm ơn các tác giả trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

Hộp Thư

Ô. KIÊM-ĐẠT : Về bài « B.T.B. », có vài điểm chúng tôi đề nghị với xét lại, trong thư ngày 13-5-58, do một bạn đem lại nhà ông. Mai đến nay, vẫn không thấy ông cho biết ý kiến. Chúng tôi buộc lòng không đăng bài ấy.

Ô. NGUYỄN-TỬ-QUANG : Đã nhận được các bài ông gửi. Đang xem.

Ô. LAN-ĐÌNH : « Con đường vòng » sẽ đăng trong số tới. Rất mong đợi những sáng tác nữa của ông.

HÁN - VĂN TỰ - HỌC

NGUYỄN - VĂN - BA

- Một kho chữ hoạt dụng
- Một sách thư pháp
- Một bộ văn-phạm đầy đủ
- Một kho tài-liệu những danh-từ thông dụng
- Cách trình bày dễ học và nhớ lâu

GIÁ 150\$

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C°

Import — Export



REPRÉSENTATION



Telephone : 21.219

Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do - SAIGON



CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhiệt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãg Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Dạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perceuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILEY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)
« MÉLIA »

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SỈ VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaurv Preah Kossamac



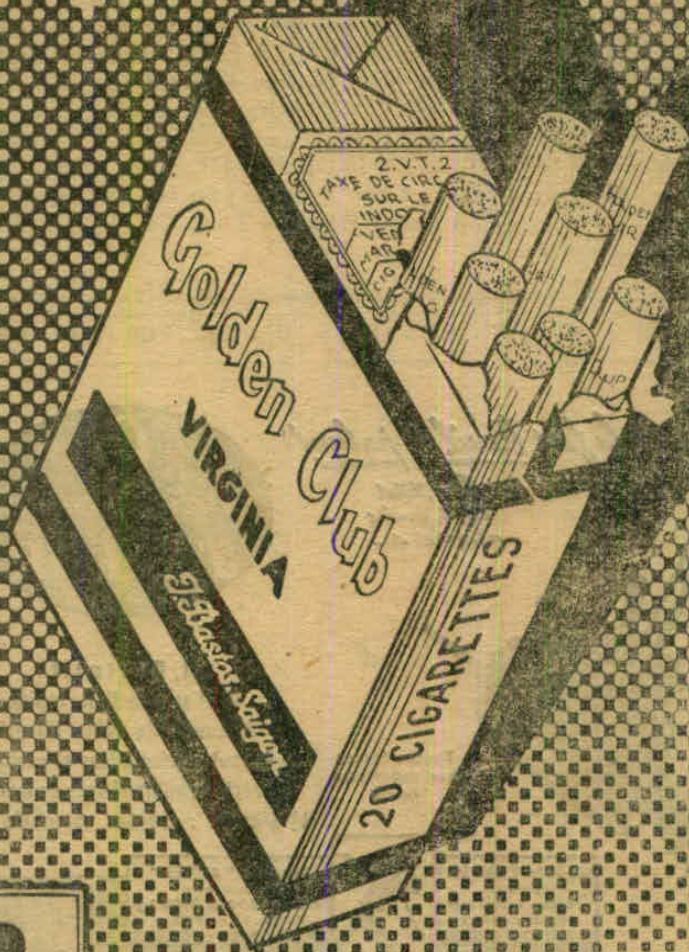
*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Golden Club



Một gói thuốc Thờm thường hảo hạng

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

(ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 - (3 Lignes)

22.797 - B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

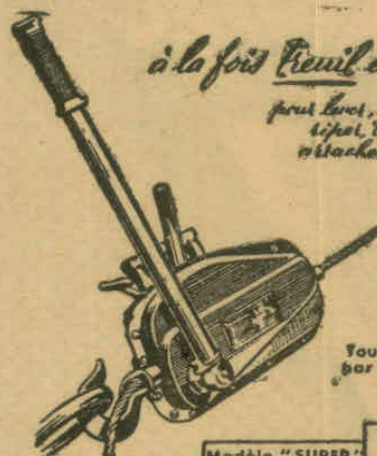
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Malta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois tire et pousse!

*pour levés, tirés
légers, tendus
et attachés.*

Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(Breveté S.G.D.G.)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doublés

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

**Tirfor rend
1000 services!**
Demandez-nous la
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài Gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

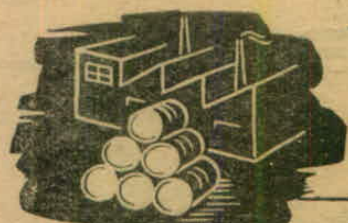
- DF - EF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

*xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

9010101010

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE — PHONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique «Week End à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE — XIENG-KHOANG VILLE

Quotidien

— PHONG SAVANH

Quotidien

— LUANG PRABANG Tous les Lundis, Mercredis,
Jeudis, Vendredis

— LUANG NAMTHA MUONG SING

Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis

— MUONG SAI Tous les Lundis, Mercredis,
Vendredis

— THAKHET Tous les Lundis, Vendredis

— SAMNEUA Tous les Mardis, Jeudis,
Samedis



Vappo

1958

Ráp tại Việt-Nam

TÔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÃ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

BACH KHOA BACH KHOA BACH KHOA
BACH KHOA BACH KHOA BACH KHOA

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10800